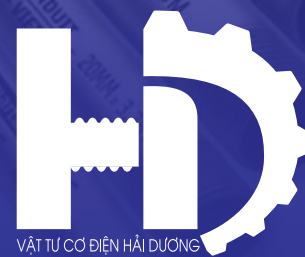


CATALOGUE

CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG

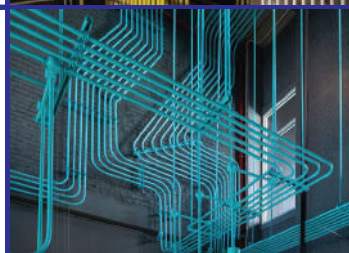
THƯƠNG HIỆU VIỆT - CHẤT LƯỢNG TẠO NIỀM TIN



VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG

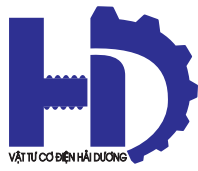


Quatest 1



CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG





THƯ NGỎ

OPEN LETTER

... ..

Kính gửi quý khách hàng!

Với phương châm kinh doanh "Chất lượng tạo niềm tin, chuyên nghiệp tạo sự hợp tác dài lâu" công ty vật tư cơ điện Hải Dương đặt mục tiêu trở thành nhà cung cấp chuyên nghiệp vật tư trong lĩnh vực cơ điện. Hợp tác với công ty Hải Dương quý khách hàng sẽ có sự lựa chọn tốt nhất về sản phẩm và sự phục vụ nhiệt tình, chuyên nghiệp.

Chúng tôi với lợi thế có đội ngũ nhân viên là kỹ sư điện có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực thi công cơ điện nên sẽ đưa ra cho quý khách hàng giải pháp vật tư tối ưu nhất. Chúng tôi luôn đảm bảo:

♦ **Chất lượng sản phẩm:**

Chất lượng sản phẩm luôn là mối quan tâm của nhà thầu và chủ đầu tư và đảm bảo cho chất lượng công trình. Với phương châm hợp tác dài lâu, Công ty chúng tôi luôn đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu.

♦ **Tác phong làm việc chuyên nghiệp:**

Sự làm việc chuyên nghiệp tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm thời gian cho khách hàng. Hợp tác với công ty Hải Dương, khách hàng sẽ nhận được sự tư vấn về sản phẩm tối ưu cho mỗi công trình.

♦ **Trách nhiệm:**

Chúng tôi luôn cam kết đảm bảo thời gian giao hàng cũng như chất lượng và số lượng theo đúng yêu cầu của khách hàng.

♦ **Giá cả cạnh tranh:**

Với nguồn cung ổn định, chúng tôi sẽ mang tới cho quý khách hàng sản phẩm với giá cả tốt nhất. Công ty vật tư cơ điện Hải Dương xin được chân thành cảm ơn quý khách hàng đã tin tưởng sử dụng sản phẩm của chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được nhiều hơn những ý kiến đóng góp quý báu của quý khách hàng để công ty Hải Dương mang tới giải pháp vật tư tối ưu nhất cho mọi công trình.

Trân trọng!

Dear Valued Customers,

With the business philosophy "Quality builds trust, professionalism fosters long-term partnerships", Hai Duong MEP Materials Company aims to become a professional supplier of materials in the field of mechanical and electrical engineering. By partnering with Hai Duong, customers are assured of the best product choices along with enthusiastic and professional service.

Our advantage lies in a team of experienced electrical engineers who have long been involved in MEP construction. We are committed to providing customers with the most optimal material solutions. We always ensure:

♦ **Product Quality:**

Product quality is always a top concern for contractors and investors, and it plays a vital role in the success of any project. With our long-term cooperation philosophy, we always place quality as our top priority.

♦ **Professional Working Style:**

A professional working style ensures convenience and saves time for our customers. When cooperating with Hai Duong, clients will receive optimal product consultation tailored to each specific project.

♦ **Responsibility:**

We are committed to ensuring timely delivery as well as maintaining the quality and quantity as required by our customers.

♦ **Competitive Pricing:**

With a stable supply source, we are able to offer our customers the most competitive prices.

Hai Duong MEP Materials Company would like to sincerely thank our valued customers for your trust and continued support over the years. We always look forward to receiving more valuable feedback from you so that Hai Duong can continuously improve and deliver the most optimal material solutions for every project.

Best regards

MỤC LỤC / CONTENT



	I. CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG <i>Test report</i>	06
	II. ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN <i>Steel conduit</i>	11
	III. ỐNG RUỘT GÀ LỖI THÉP <i>Flexible steel conduits</i>	29
	IV. PHỤ KIỆN ỐNG RUỘT GÀ LỖI THÉP <i>Steel core flexible conduit accessories</i>	35
	V. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN <i>Steel conduit accessories</i>	41
	VI. PHỤ KIỆN CHỐNG NỔ CHO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN <i>Explosion resistant conduit accessories</i>	94
	VII. THANH CHỐNG ĐA NĂNG VÀ PHỤ KIỆN <i>Unistrut, c - channel & fittings</i>	101
	VIII. PHỤ KIỆN CHO THANH CHỐNG ĐA NĂNG <i>Accessories for unistrut bars</i>	104
	IX. PHỤ KIỆN TREO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN <i>Support systems and hanger</i>	107
	X. DỰ ÁN TIÊU BIỂU/ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU <i>Typical projects/Typical clients</i>	112

LÝ DO SỬ DỤNG ỐNG THÉP GI LƯƠN DÂY ĐIỆN

REASONS TO USE STEEL CONDUIT FOR ELECTRICAL WIRING

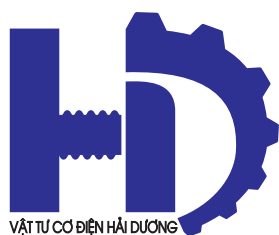
★ ƯU ĐIỂM SỬ DỤNG ỐNG THÉP GI LƯƠN DÂY ĐIỆN SO VỚI ỐNG LƯƠN DÂY ĐIỆN PVC

ADVANTAGES OF USING G.I STEEL CONDUIT COMPARED TO PVC CONDUIT

1. Chống va đập cao, bảo vệ tốt cáp điện, chống chập điện hơn gấp 5 lần.
2. Sản xuất từ thép - vật liệu không cháy nên chịu được nhiệt độ cao, không cháy lan truyền, không tạo khói độc, và là vật liệu dùng cho lắp đặt hệ thống điện rất an toàn - cháy nổ đáp ứng hoàn toàn QCVN 16:2023/BXD. Ở Việt Nam, đa số vụ cháy nổ nhà cao tầng gây tử vong lớn là do NGẠT KHÓI ĐỘC tạo ra do các vật liệu xây dựng lắp đặt là vật liệu cháy.
3. Không bị lão hóa nhanh và dễ vỡ như ống PVC. Tuổi thọ đến 50 năm, tiết kiệm chi phí.
4. Giảm đến 95% nhiễu điện từ EMI, tăng tính bảo mật.
5. Dễ thay thế, di chuyển và tái chế.

1. High impact resistance, good protection for electric cables, 5 times more anti-short circuit.
2. Made from steel - a non-combustible material that can withstand high temperatures, does not spread fire, does not create toxic smoke, and is a very safe material for installing electrical systems - explosion-proof, fully meeting QCVN 16:2023/BXD. In Vietnam, most high-rise building fires and explosions that cause major deaths are due to TOXIC SMOKE ASSOCIATED with flammable construction materials.
3. Does not age quickly and break easily like PVC pipes. Lifespan up to 50 years, saving costs.
4. Reduces EMI electromagnetic interference by up to 95%, increasing security.
5. Easy to replace, move and recycle.





★ NÊN SỬ DỤNG ỐNG THÉP GI LƯỖN DÂY ĐIỆN CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG SHOULD USE HAI DUONG ELECTRICAL MECHANICAL STEEL CONDUIT

1. Thương hiệu uy tín – Chất lượng hàng đầu

- Cơ điện Hải Dương sản xuất ống thép luồn dây điện và phụ kiện đạt chứng nhận hợp chuẩn UL, ANSI, BS, IEC – Chứng nhận hợp quy QCVN 16:2023/BXD
- Hải Dương tự hào là nhà cung cấp ống thép luồn dây điện với quy trình sản xuất hiện đại, tuân thủ những tiêu chuẩn kiểm định khắt khe.
- Cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm chính hãng, có độ hoàn thiện cao và khả năng sử dụng lâu dài.

2. Ưu điểm vượt trội của ống thép luồn dây điện Hải Dương

- Khả năng chịu lực, chịu nhiệt cao: Sử dụng nguyên liệu thép chất lượng, đảm bảo ống thép hoạt động bền bỉ dưới nhiều điều kiện môi trường khắc nghiệt.
- Chống ăn mòn và oxy hóa: Bề mặt ống được xử lý kỹ lưỡng, tăng cường khả năng chống gỉ sét, kéo dài tuổi thọ.
- An toàn cho hệ thống điện: Thiết kế kín, ngăn chặn rò rỉ điện, hạn chế cháy nổ, bảo vệ tối đa tính mạng và tài sản.
- Thi công dễ dàng: Kích thước đa dạng, thuận tiện cho việc lắp đặt và bảo trì, rút ngắn thời gian thi công.

3. Góp phần bảo vệ môi trường

- Giảm thiểu rác thải: Ống thép có thể tái sử dụng, dễ tái chế, góp phần làm giảm lượng rác thải công nghiệp.
- Tiết kiệm năng lượng: Quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, hạn chế phát thải khí CO₂.
- An toàn cho sức khỏe: Vật liệu thép không chứa hóa chất độc hại, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

1. Reputable Brand – Top Quality

- Hai Duong Electrical Engineering manufactures electrical conduit pipes and accessories certified to UL, ANSI, BS, and IEC standards – as well as QCVN 16:2023/BXD compliance certification.

Hai Duong takes pride in being a trusted supplier of electrical conduit pipes with a modern production process that adheres to strict quality control standards.

- We are committed to delivering genuine products with excellent finishing and long-lasting performance.

2. Outstanding Advantages of Hai Duong Electrical Conduits

- High strength and heat resistance: Made from high-quality steel to ensure durability under harsh environmental conditions.
- Corrosion and oxidation resistance: Surface is carefully treated to improve rust resistance and extend the product's lifespan.
- Electrical safety: Airtight design prevents electrical leakage, minimizes fire risk, and protects both lives and property.
- Easy installation: Available in various sizes for convenient setup and maintenance, helping shorten construction time.

3. Contributing to Environmental Protection

- Waste reduction: Steel conduits are reusable and easily recyclable, helping to reduce industrial waste.
- Energy saving: Environmentally friendly production process that limits CO₂ emissions.
- Health safety: Steel materials are free from harmful chemicals, posing no risk to the surrounding environment.

I. CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG - TEST REPORT

Công ty TNHH vật tư cơ điện Hải Dương tự hào là nhà cung cấp ống thép luồn dây điện với quy trình sản xuất hiện đại, tuân thủ những tiêu chuẩn kiểm định khắt khe đạt chứng nhận ISO 9001 - 2015.

Vật liệu thi công hệ thống điện đáp ứng hoàn toàn yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 16:2023. BXD có hiệu lực từ ngày 01/01/2024

Hai Duong Electromechanical Materials Co., Ltd. is proud to be a supplier of steel conduit pipes with modern production processes, complying with strict inspection standards and achieving ISO 9001 - 2015 certification. Electrical system construction materials fully meet the requirements of national technical regulations on fire safety for houses and constructions QCVN 16:2023. BXD takes effect from January 1, 2024





ISOCERT
Hải Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 9199293434279-QMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA
CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG
 Trụ sở chính và Xưởng hoàn thiện: Số nhà 3, Ngõ 97 Gia Thượng, Phường Thượng Thanh,
 Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 Xưởng gia công ống thép: Khu công nghiệp Thanh Liêm, Thị trấn Kien Khê,
 Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:
ISO 9001:2015
PHẠM VI CHỨNG NHẬN:
 SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ỐNG THÉP.

Ngày chứng nhận	: 19.02.2025
Ngày phát hành	: 19.02.2025
Ngày hết hạn	: 18.02.2028
Chi tiết tại quyết định số	: 190225.02/QĐ-ISOCERT







Mã Truy Xuất Chứng Chỉ: 9199293434279

Trà cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://isocert.org.vn/tru-cuu-chung-chi-iso>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
 Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
 Hotline: 1900.636.538. VPHQ: 02473.036.538. VP HCM: 02873.056.538. Email: contact@isocert.org.vn. Website: <http://isocert.org.vn>



ISOCERT
Harmonization And Prosperity

CERTIFICATE

No. 9199293434279-QMS

THIS IS TO CERTIFY THAT THE QUALITY MANAGEMENT SYSTEM OF
HAIDUONG MECHANICAL ELECTRICAL MATERIALS COMPANY LIMITED
 Head office and Finishing workshop: No. 3, Lane 97 Gia Thượng,
 Thuong Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam.
 Steel pipe processing workshop: Thanh Liem Industrial Park, Kien Khe Town,
 Thanh Liem District, Ha Nam Province, Vietnam.

Has been assessed and found to conform with requirements of the following standard:
ISO 9001:2015
SCOPE CERTIFIED:
 MANUFACTURING AND TRADING OF STEEL PIPE.

Certification date	: 19.Feb.2025
Issue date	: 19.Feb.2025
Expiration date	: 18.Feb.2028
Details in decision No.	: 190225.02/QĐ-ISOCERT







Retrieval Information Code: 9199293434279

Check the validity of the certificate: <https://isocert.org.vn/tru-cuu-chung-chi-iso>

ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY
 No.40 A Row, Block 12, Dinh Cong New Urban Area, Dinh Cong Ward, Hoang Mai District, Hanoi
 Hotline: 1900.636.538. Hanoi office: 02473.036.538. HCM office: 02873.056.538. Email: contact@isocert.org.vn. Website: <http://isocert.org.vn>

Theo Quy chuẩn Kỹ thuật Việt Nam của Bộ Xây dựng – QCVN 16:2023/BXD thông tư số 04/2023/TT-BXD, từ ngày 01/01/2024 tất cả các chủng loại vật liệu xây dựng phải có chứng nhận Hợp Chuẩn & Hợp Quy khi nghiệm thu công trình. Do vậy, Quý Khách hàng nên mua ống thép luồn dây điện từ các Nhà sản xuất uy tín & chất lượng, có đầy đủ **CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN, HỢP QUY** theo quy định pháp luật để tránh Chủ Đầu Tư & TVGS không nghiệm thu khi lắp đặt công trình."

According to the Vietnam Technical Regulation of the Ministry of Construction – QCVN 16:2023/BXD Circular No. 04/2023/TT-BXD, from January 1, 2024, all types of construction materials must have a Certificate of Conformity & Compliance when accepting the project. Therefore, Customers should buy steel conduit pipes from reputable & quality Manufacturers, with full CERTIFICATES OF CONFORMITY & CONFORMITY according to legal regulations to avoid the Investor & Construction Consultant not accepting the project when installing the project."



VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG



ISOCERT
Hải Hòa Công Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 9199293434279-PRO

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:
 Ống dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà:
 - Ống thép luồn dây điện trơn EMT dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà;
 - Ống thép luồn dây điện ren IMC dùng để bảo vệ và lắp đặt dây dẫn điện trong nhà.

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI:
CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG
 Trụ sở chính và Xưởng hoàn thiện: Số nhà 3, Ngõ 97 Gia Thượng, Phường Thương Thành, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 Xưởng gia công thép: Khu công nghiệp Thanh Liêm, Thị trấn Kien Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:
QCVN 16:2023/BXD
 Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017.

Ngày chứng nhận	: 28.03.2024
Ngày phát hành	: 28.03.2024
Ngày hết hạn	: 27.03.2027
Chi tiết tại quyết định số	: 280324.01/QĐ-ISOCERT





Mã Truy Xuất Chứng Chỉ: 9199293434279

Trà cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <http://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-lao>
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
 Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
 Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VPHCM: 02873.056.538, Email: contacts@isocert.org.vn, Website: <http://isocert.org.vn>



ISOCERT
Harmonization And Prosperity

CERTIFICATE

No. 9199293434279-PRO

PRODUCT CERTIFICATE:
 Conduits used to protect and install electrical wiring in the house:
 - EMT plain electrical steel conduit used to protect and install electrical wiring in the house;
 - IMC threaded electrical steel conduit used to protect and install electrical wiring in the house.

PRODUCED AT:
HAI DUONG MECHANICAL AND ELECTRICAL MATERIALS COMPANY LIMITED
 Head office and Workshop: No. 3, Alley 97 Gia Thượng, Thương Thành Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam.
 Steel pipe processing workshop: Thanh Lien Industrial Park, Kien Khe Town, Thanh Lien District, Ha Nam Province, Vietnam.

Has been assessed and found to conform with requirements of the National Technical Regulation:
QCVN 16:2023/BXD
 Mode of certification: Method 5 - Circular 28/2012/TT-BKHCN date 12/12/2012 and Circular 02/2017/TT-BKHCN date 31/03/2017.

Certification date	: 28.Mar.2024
Issue date	: 28.Mar.2024
Expiration date	: 27.Mar.2027
Details in decision No.	: 280324.01/QĐ-ISOCERT





Retrieval Information Code: 9199293434279

MSc. Vu Hoàng Tuấn

Check the validity of the certificate: <http://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-lao>
ISOCERT INTERNATIONAL CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK COMPANY
 No.40 A Row, Block 12, Dinh Cong New Urban Area, Dinh Cong Ward, Hoang Mai District, Hanoi
 Hotline: 1900.636.538, Hanoi office: 02473.036.538, HCM office: 02873.056.538, Email: contacts@isocert.org.vn, Website: <http://isocert.org.vn>

CHỨNG NHẬN QCVN - QCVN CERTIFICATION

CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG SẢN XUẤT ỐNG THÉP G.I LUỒN DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN ĐẠT CHỨNG NHẬT HỢP CHUẨN UL, ANSI, BS, IEC

HAI DUONG ELECTROMECHANICAL PRODUCES G.I STEEL PIPES FOR ELECTRICAL WIRING AND ACCESSORIES THAT MEET UL, ANSI, BS, IEC STANDARDS.


GIẤY CHỨNG NHẬN
— CERTIFICATE —

Số/ No.: 14770-QPV-1
Chứng nhận sản phẩm
This is to certify that the product:

Ống luồn dây điện bằng kim loại - thép
Electrical Rigid Metal Conduits - Steel

Kiểu loại: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm
Types: See details in the attached appendix

Nhãn hiệu/ Trademark:
Của/Of:

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG
HAI DUONG MECHANICAL ELECTRICAL MATERIALS COMPANY LIMITED

Trụ sở chính: Số 3 ngõ 696 Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
Head office: No. 3, Alley 696, Nguyen Van Cu Street, Gia Thụy Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam
Nơi sản xuất tại nhà máy: Số 3 ngõ 97 Đường Gia Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
Made in factory: No. 3, Alley 97, Gia Thượng Street, Thượng Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam

Phù hợp với tiêu chuẩn/ conforms to the standard:
UL797

và được phép sử dụng dấu hợp chuẩn/ and can bear the standard conformity mark
Phương thức chứng nhận/ Certification mode: Phương thức 5/Mode no. 5
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ/ Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/12/2012 of the Ministry of Science and Technology)

Ngày ban hành/ Date issued: 24/12/2021
Hiệu lực/ Valid to: 23/12/2024

Tổ chức chứng nhận Vinacontrol
Vinacontrol Certification Body

Chủ tịch Hội đồng chứng nhận
The Chairman of the Certification Board


PHAN VĂN HÙNG

Giám đốc
Director


UL797


ĐỖ THỊNH THẮNG

Office: 41 Nguyễn Thượng Hiền, Hanoi, Vietnam
Tel: (+84-24) 3944.8009 - Fax: (+84-24) 3944.9013 - Website: www.vinacontrol.com


GIẤY CHỨNG NHẬN
— CERTIFICATE —

Số/ No.: 14770-QPV-2
Chứng nhận sản phẩm
This is to certify that the product:

Ống luồn dây điện bằng kim loại - thép
Electrical Rigid Metal Conduits - Steel

Kiểu loại: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm
Types: See details in the attached appendix

Nhãn hiệu/ Trademark:
Của/Of:

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG
HAI DUONG MECHANICAL ELECTRICAL MATERIALS COMPANY LIMITED

Trụ sở chính: Số 3 ngõ 696 Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
Head office: No. 3, Alley 696, Nguyen Van Cu Street, Gia Thụy Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam
Nơi sản xuất tại nhà máy: Số 3 ngõ 97 Đường Gia Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
Made in factory: No. 3, Alley 97, Gia Thượng Street, Thượng Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam

Phù hợp với tiêu chuẩn/ conforms to the standard:
UL1242

và được phép sử dụng dấu hợp chuẩn/ and can bear the standard conformity mark
Phương thức chứng nhận/ Certification mode: Phương thức 5/Mode no. 5
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ/ Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/12/2012 of the Ministry of Science and Technology)

Ngày ban hành/ Date issued: 24/12/2021
Hiệu lực/ Valid to: 23/12/2024

Tổ chức chứng nhận Vinacontrol
Vinacontrol Certification Body

Chủ tịch Hội đồng chứng nhận
The Chairman of the Certification Board


PHAN VĂN HÙNG

Giám đốc
Director


UL1242


ĐỖ THỊNH THẮNG

Office: 41 Nguyễn Thượng Hiền, Hanoi, Vietnam
Tel: (+84-24) 3944.8009 - Fax: (+84-24) 3944.9013 - Website: www.vinacontrol.com


GIẤY CHỨNG NHẬN
— CERTIFICATE —

Số/ No.: 14770-QPV-3
Chứng nhận sản phẩm
This is to certify that the product:

Ống thép luồn dây điện
Electrical Rigid Steel Conduit

Kiểu loại: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm
Types: See details in the attached appendix

Nhãn hiệu/ Trademark:
Của/Of:

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG
HAI DUONG MECHANICAL ELECTRICAL MATERIALS COMPANY LIMITED

Trụ sở chính: Số 3 ngõ 696 Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
Head office: No. 3, Alley 696, Nguyen Van Cu Street, Gia Thụy Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam
Nơi sản xuất tại nhà máy: Số 3 ngõ 97 Đường Gia Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
Made in factory: No. 3, Alley 97, Gia Thượng Street, Thượng Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam

Phù hợp với tiêu chuẩn/ conforms to the standard:
ANSI C80.1-2015

và được phép sử dụng dấu hợp chuẩn/ and can bear the standard conformity mark
Phương thức chứng nhận/ Certification mode: Phương thức 5/Mode no. 5
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ/ Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/12/2012 of the Ministry of Science and Technology)

Ngày ban hành/ Date issued: 24/12/2021
Hiệu lực/ Valid to: 23/12/2024

Tổ chức chứng nhận Vinacontrol
Vinacontrol Certification Body

Chủ tịch Hội đồng chứng nhận
The Chairman of the Certification Board


PHAN VĂN HÙNG

Giám đốc
Director


ANSI C80.1-2015


ĐỖ THỊNH THẮNG

Office: 41 Nguyễn Thượng Hiền, Hanoi, Vietnam
Tel: (+84-24) 3944.8009 - Fax: (+84-24) 3944.9013 - Website: www.vinacontrol.com

CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG, QSV, QPV
CERTIFICATE OF CONFORMITY FOR MECHANICAL AND ELECTRICAL STANDARDS HAI DUONG, QSV, QPV

ỐNG LUỒNG DÂY ĐIỆN UL 1242 - ANSI C80.6
ELECTRICAL CONDUIT UL 1242 - ANSI C80.6

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUALITY CERTIFICATION

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3	
KT3-03610BCK1/7	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT
20/12/2021 Page 01/04	
1. Tên mẫu: Name of sample	ỐNG THÉP LƯỖN DÂY ĐIỆN LOẠI REN DÂY RSC 1/2"
2. Số lượng mẫu: Quantity	01
3. Mô tả mẫu: Sample description	Xem hình See picture
4. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	10/12/2021
5. Ngày thử nghiệm: Date of testing	20/12/2021
6. Nơi gửi mẫu: Customer	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG Số 3, Ngõ 696, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
7. Phương pháp thử: Test method	ANSI C80.1-2015
8. Kết quả thử nghiệm: Test results	Xem trang 02/04...04/04 See pages
TRƯỞNG PIN CƠ KHÍ HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB. TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB. Phạm Văn Úc Nguyễn Tấn Tạng	

ỐNG LƯỖN DÂY ĐIỆN UL 6 - ANSI C80.1
UL 6 - ANSI C80.1 ELECTRICAL CONDUIT

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3	
KT3-04680BCK4/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT
26/11/2024 Page 01/02	
1. Tên mẫu: Name of sample	ỐNG INOX 304 LƯỖN DÂY ĐIỆN IEMT19
2. Số lượng mẫu: Quantity	01 (02 pcs)
3. Mô tả mẫu: Sample description	Ống thép 19 mm x 1,2 mm, dài 1 m
4. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	18/11/2024
5. Ngày thử nghiệm: Date of testing	25/11/2024
6. Nơi gửi mẫu: Customer	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG Số nhà 3, Ngõ 97 Giáp Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
7. Kết quả thử nghiệm: Test results	Xem trang 02/02 See page
TRƯỞNG PIN CƠ KHÍ HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB. TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB. Phạm Văn Úc Nguyễn Tấn Tạng	

ỐNG INOX ASTM E 1086 - 14
STAINLESS STEEL PIPE ASTM E 1086 - 14

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3	
KT3-03419ACK8/2	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT
21/02/2022 Page 01/02	
1. Tên mẫu: Name of sample	ỐNG RUỘT GÀ LỖI THÉP BỌC NHỰA PVC SIZE 3/4" - HD HD FLEXIBLE METAL CONDUIT COATING PVC SIZE 3/4"
2. Số lượng mẫu: Quantity	01
3. Mô tả mẫu: Sample description	Xem hình trang 02/02 See figure on page
4. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	21/02/2022
5. Ngày thử nghiệm: Date of testing	28/02/2022
6. Nơi gửi mẫu: Customer	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG Số 3 Ngõ 696 Nguyễn Văn Cừ, Gia Thụy, Long Biên, TP Hà Nội
7. Phương pháp thử: Test method	BS 731-1:1952
8. Kết quả thử nghiệm: Test results	Xem trang 02/02 See page
TL. TRƯỞNG PIN CƠ KHÍ FOR HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB. TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB. Lâm Chí Tài Nguyễn Tấn Tạng	

ỐNG RUỘT GÀ THÉP BS 731
BS 731 STEEL FLEXIBLE CONDUIT

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3	
KT3-03300BCK2/1	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT
05/03/2024 Page 01/03	
1. Tên mẫu: Name of sample	ỐNG THÉP MỀM BỌC NHỰA PVC, CHỐNG THẤM DẦU, CHỐNG NƯỚC, SIZE 1/2"
2. Số lượng mẫu: Quantity	01
3. Mô tả mẫu: Sample description	Xem hình See figure
4. Ngày nhận mẫu: Date of receiving	22/01/2024
5. Ngày thử nghiệm: Date of testing	05/02/2024
6. Nơi gửi mẫu: Customer	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG Số 3, Ngõ 97 Đường Giáp Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
7. Phương pháp thử: Test method	UL 360 - 2003 Liquid - Tight Flexible Steel Conduit -
8. Kết quả thử nghiệm: Test results	Xem trang 02/03...03/03 See pages
TRƯỞNG PIN CƠ KHÍ HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB. TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB. Phạm Văn Úc Nguyễn Tấn Tạng	

ỐNG RUỘT GÀ THÉP UL 360
UL 360 STEEL FLEXIBLE CONDUIT

TEST HỘP BÁT GIÁC TEST THE OCTAGONAL BOX

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUALITY CERTIFICATION

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt,
Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (024) 38361399 - Fax: (024) 38361399
Email: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CH Nam Thăng Long,
Độc - Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 32191002 - Fax: (024) 32191001

Số/No: 50.10 / 11057 / TH-1 Trang/Pages: 02

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

1. Tên mẫu/ Sample: KẸP XÀ GỖ TREO TV M12
2. Khách hàng/ Customer: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG
3. Số lượng mẫu/ Quantity: 01
4. Tình trạng mẫu/ Sample status: Xem ảnh đính kèm
5. Ngày nhận mẫu/ Reception date: 28/05/2020
6. Thời gian thử nghiệm/ Time of testing: 29/05/2020

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test method	KẾT QUẢ Results
1	Thử kéo phá hủy: • Lực kéo lớn nhất, • Tình trạng mẫu sau khi thử.	Theo yêu cầu khách hàng kN	11,71 Mẫu phá hủy

Mẫu thử nghiệm Mẫu sau khi thử

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM 1
Head of LAB 1


Nguyễn Văn Minh

HÀ NỘI, ngày 29 / 05 / 2020
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG
NGUYỄN NGỌC CHÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. *Phấn kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm KỸ THUẬT 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.*
3. *Hầu hết các yêu cầu khách hàng được thỏa mãn theo các yêu cầu của khách hàng.*

TEST THỬ TẢI KẸP XÀ GỖ TEST THE OCTAGONAL BOX

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt,
Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (024) 38361399 - Fax: (024) 38361399
Email: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CH Nam Thăng Long,
Độc - Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (024) 32191002 - Fax: (024) 32191001

Số/No: 55 / TH(K) / HLC - 1 Trang/Pages: 04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/ Sample: ÔNG THÉP LƯƠN DÂY ĐIỆN TRON EMT 34"
MKNN, NHÃN HIỆU HẢI DƯƠNG
ĐA Nhà máy điện rác Senaphin - Xã Xuân Sơn - Sơn Tây - Hà Nội.
2. Khách hàng/ Customer: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG
3. Số lượng mẫu/ Quantity: 01
4. Tình trạng mẫu/ Observation: Xem ảnh kèm theo
5. Ngày nhận mẫu/ Reception date: 29/05/2023
6. Thời gian thử nghiệm/ Time of testing: 31/05/2023

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test methods	KẾT QUẢ Results
1	Chiều dày lớp mạ: Coating thickness	ASTM E376-19	72 ± 101



P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material testing lab.


Nguyễn Văn Minh

HÀ NỘI, ngày 31 / 05 / 2023
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG
NGUYỄN NGỌC CHÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. *Phấn kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm KỸ THUẬT 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.*
3. *Hầu hết các yêu cầu khách hàng được thỏa mãn theo các yêu cầu của khách hàng.*

TEST ĐỘ DÀY LỚP MẠ KẼM NHÚNG NÓNG TEST HOT DIP GALVANIZED LAYER THICKNESS

II. ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN HẢI DƯƠNG - SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

HAI DUONG STEEL CONDUITS - MADE IN VIET NAM

Vật liệu thi công hệ thống điện đáp ứng hoàn toàn yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 16:2023. BXD có hiệu lực từ ngày 01/01/2024. Cơ điện Hải Dương sản xuất ống thép luồn dây điện và phụ kiện đạt chứng nhận hợp chuẩn UL, ANSI, BS, IEC - Chứng nhận hợp quy QCVN 16:2023/BXD

Electrical system construction materials fully meet the requirements of national technical regulations on fire safety for houses and constructions QCVN 16:2023. BXD takes effect from January 1, 2024. Hai Duong Electromechanical produces steel pipes for electrical wiring and accessories that meet UL, ANSI, BS, IEC standards - QCVN 16:2023/BXD conformity certificate



STEEL CONDUIT

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN

QUY TRÌNH SẢN XUẤT ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN

PRODUCTION PROCESS OF ELECTRICAL CONDUIT STEEL PIPE

01

Xả băng cuộn thép:

Cuộn thép mạ kẽm, đã được KCS kiểm tra nguyên liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật sản xuất ống thép luồn dây điện, được xả băng từng cuộn với kích thước phù hợp để đưa vào dây chuyền ống thép luồn dây điện.

Steel coil slitting:

Galvanized steel coils, which have been inspected by KCS to meet the quality standards according to the technical requirements for the production of electrical conduit pipes, are slitted into rolls of suitable sizes to be put into the electrical conduit pipe line.

02

Hàn nối giữa các cuộn thép xả băng:

Từng đầu của cuộn thép xả băng được hàn với nhau để tạo thành 1 dải thép dài.

Welding between slitting steel rolls:

Each end of the slitting steel roll is welded together to form a long steel strip.

03

Lồng chứa thép xả băng:

Thép xả băng được lưu trữ tạm thời ở lồng chứa sau khi được hàn thành 1 cuộn thép dài để không làm gián đoạn việc cấp nguyên liệu cho dây chuyền sản xuất ống thép luồn dây điện.

Steel discharge cage:

The steel discharge is temporarily stored in the cage after being welded into a long steel coil so as not to interrupt the supply of raw materials to the steel conduit production line.

04

Làm sạch bề mặt:

Bảng thép được làm sạch bề mặt và đầu tiên bề mặt để đảm bảo khi cuộn ống và mối hàn ống thép luồn dây điện.

Surface cleaning:

The steel strip is cleaned on the surface and first surface to ensure when rolling the pipe and welding the steel pipe for electrical wiring.

05

Uốn ống thép định hình:

Bảng thép được gia công uốn định hình ống thép luồn dây điện.

Bending shaped steel pipes:

Steel tape is processed to bend shaped steel pipes for electrical wiring.

06

Hàn cao tần:

Sử dụng máy hàn cao tần để hàn dọc mối ống. Loại hàn cao tần cho mối hàn đẹp, kín và đảm bảo độ bền cho ống thép luồn dây điện.

Bending shaped steel pipes:

Steel tape is processed to bend shaped steel pipes for electrical wiring.

07

Phủ bảo vệ bề mặt bên trong ống thép luồn dây điện:

Bề mặt bên trong ống thép luồn dây điện được phủ lớp bảo vệ giúp hạn chế gỉ sét, tăng tuổi thọ ống.

Protective coating on the inner surface of the conduit:

The inner surface of the conduit is coated with a protective layer to help prevent rust and increase the life of the conduit.

08

Làm sạch bề mặt bên trong và bên ngoài ống thép luồn dây điện:

Bề mặt ống thép luồn dây điện được làm sạch bụi bẩn, gỉ hàn, gỉ kẽm và dầu.

Cleaning the inner and outer surfaces of the conduit:

The surface of the conduit is cleaned of dirt, weld rust, zinc rust and oil.

09

Định hình theo thông số kỹ thuật:

Ống thép luồn dây điện mạ kẽm được cuộn và định hình chính xác đường kính bên ngoài theo đúng thông số kỹ thuật của từng loại ống thép luồn dây điện.

Forming according to specifications:

Galvanized steel conduit is rolled and precisely shaped to the outside diameter according to the specifications of each type of steel conduit.

10

Phủ/lớp kẽm chống ăn mòn bên ngoài ống thép luồn dây điện:

Để bảo vệ ống kẽm bên trong hoặc bên ngoài, bề mặt bên ngoài ống thép luồn dây điện được hoàn thiện bằng một lớp mạ kẽm hoặc lớp phủ bảo vệ khác.

Galvanized coating/anti-corrosion coating on the outside of the conduit:

To protect the inner or outer zinc conduit, the outer surface of the conduit is finished with a layer of galvanized or other protective coating.

11

Cắt ống thép luồn dây điện theo chiều dài yêu cầu kỹ thuật:

Ống thép luồn dây điện sẽ được cắt theo chiều dài được lập trình sẵn.

Cutting the conduit to the required length:

The conduit will be cut to the pre-programmed length.

12

Gọt ba vĩa & tiện ren trên 2 đầu bên trong & bên ngoài ống thép luồn dây điện:

2 đầu ống thép luồn dây điện được gọt ba vĩa, tiện ren để đảm bảo độ chính xác và chất lượng lắp ghép.

Deburring & Threading on 2 Ends Inside & Outside of Electrical Conduit:

2 Ends of Electrical Conduit are deburred and threaded to ensure accuracy and assembly quality.

13

In nhãn hiệu trên ống thép luồn dây điện:

Thông tin thương hiệu, quy cách kỹ thuật được in trên thân ống để nhận diện.

Printing brand on steel conduit:

Brand information and technical specifications are printed on the pipe body for identification.

14

Bổ ống thép luồn dây điện:

Sau khi hoàn thiện, ống được bó thành các bó với số lượng quy định trên mỗi bó, ghi tem nhãn theo lô sản xuất.

Steel conduit for electrical wiring:

After completion, the pipes are bundled into bundles with the specified quantity per bundle, labeled according to the production batch.

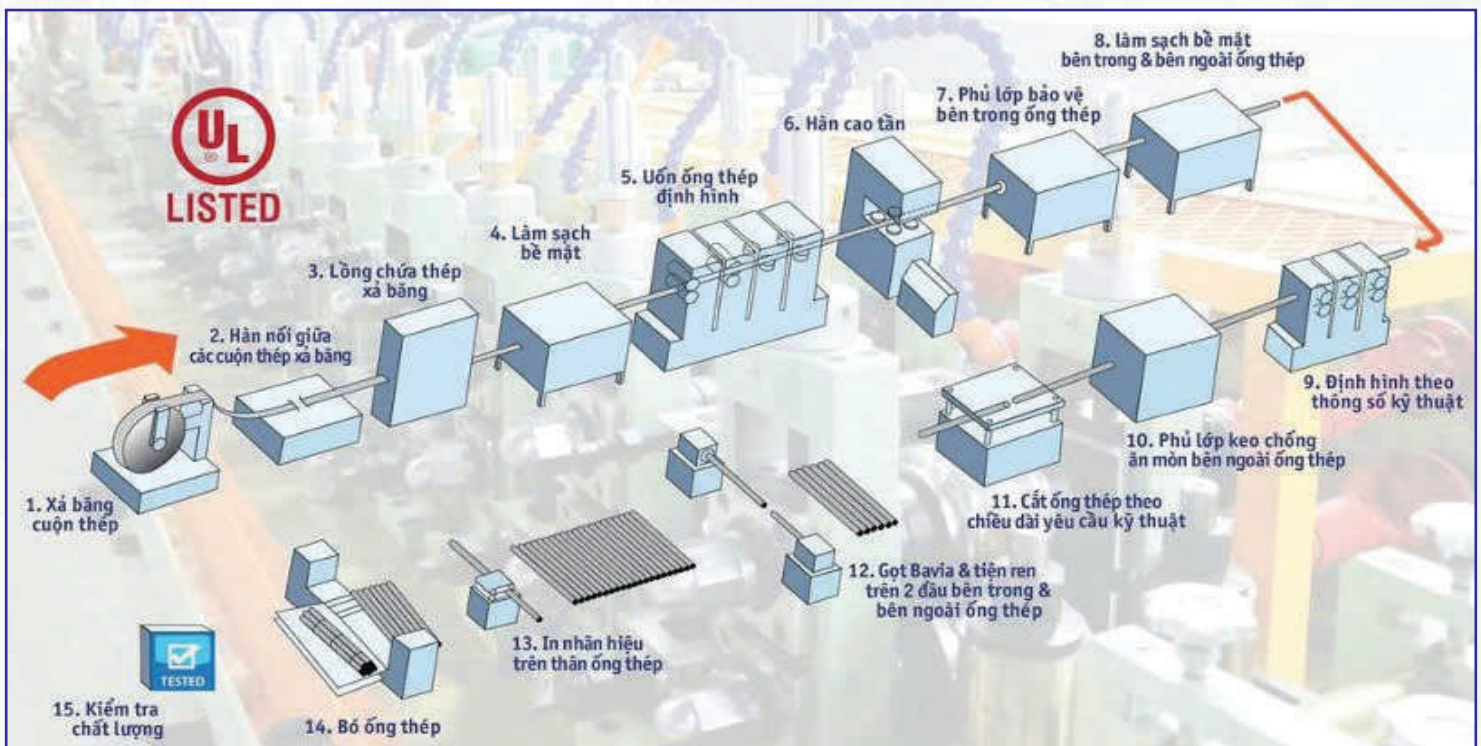
15

Kiểm tra chất lượng:

Tất cả ống thành phẩm được kiểm soát chất lượng và tuân thủ theo các tiêu chuẩn UL/ANSI/BS/JIS/IEC và tiêu chuẩn an toàn điện (CATV) trước khi xuất xưởng.

Quality Control:

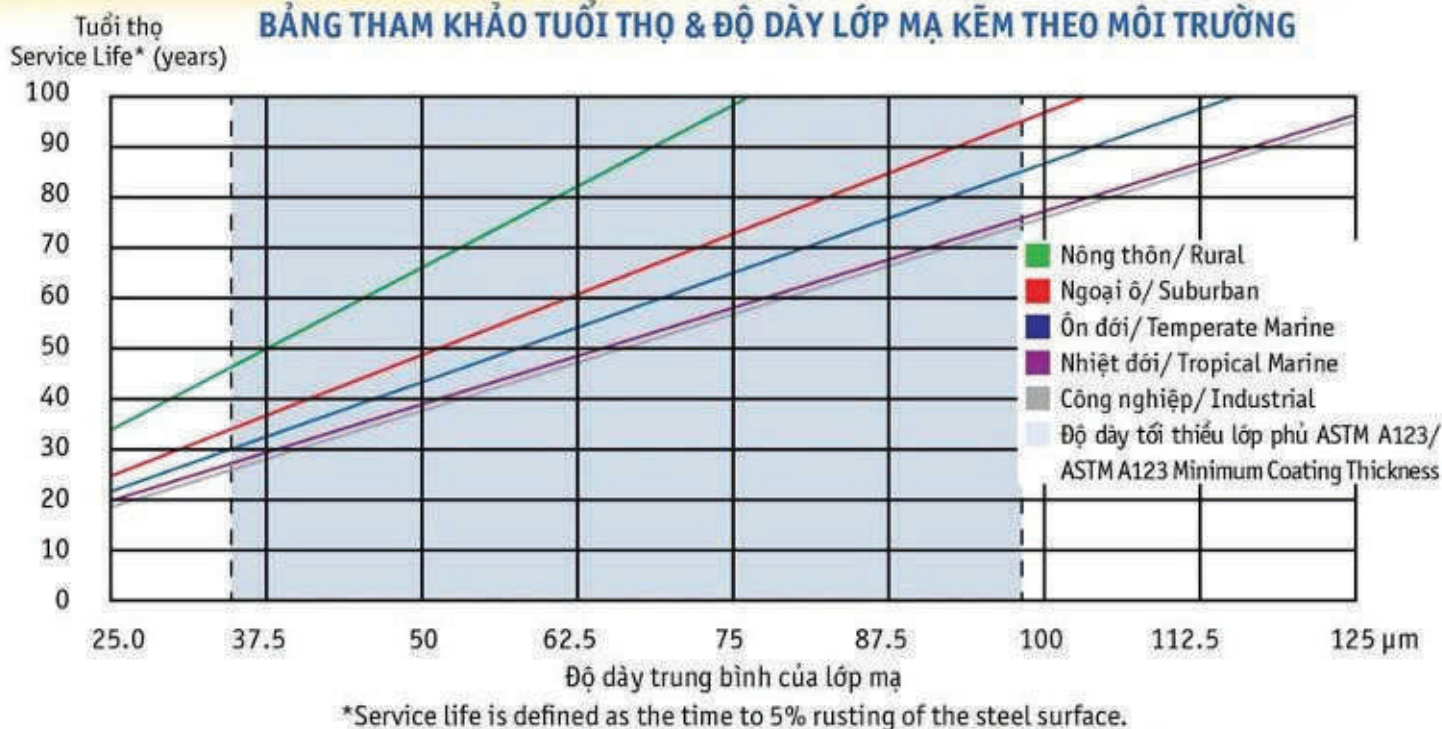
All finished pipes are quality controlled and comply with UL/ANSI/BS/JIS/IEC standards and electrical safety standards (CATV) before leaving the factory.



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT MẠ KẼM NHÚNG NÓNG

HOT DIP GALVANIZER TECHNICAL STANDARDS

BẢNG THAM KHẢO TUỔI THỌ & ĐỘ DÀY LỚP MẠ KẼM THEO MÔI TRƯỜNG



ÁP DỤNG THEO TIÊU CHUẨN MẠ KẼM NHÚNG NÓNG ASTM A123/A 123M

APPLY ACCORDING TO HOT DIP GALVANIZING STANDARD ASTM A123/A 123M

Trong tiêu chuẩn mạ kẽm nhúng nóng quy định rõ ràng về độ dày và trọng lượng lớp mạ. Mục đích của việc này là để đảm bảo được chất lượng sắt thép trong quá trình sản xuất tại các đơn vị. Cụ thể về quy định như sau:

Hot-dip galvanizing standards clearly stipulate the thickness and weight of the coating layer. The purpose of this is to ensure the quality of steel during the production process at the units. Specifically, the regulations are as follows:

Độ dày chi tiết Thickness detail (mm)	Chủng loại Generic			
	Thép hình xây dựng Construction shaped steel (μm)	Thép cuộn và thanh thép Steel Coils and Steel Bars (μm)	Ống thép Steel pipes (μm)	Thép dây Steel wire (μm)
<1.6	45	45	45	35
>1.6 - <3.2	65	65	45	50
>3.2 - 4.8	75	75	75	60
>4.8 ÷ <6.4	75	75	75	65

Sản phẩm mạ kẽm nhúng nóng được nhúng kẽm nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123. Mỗi lô sản xuất và mạ kẽm nhúng nóng khác nhau sẽ có màu sắc khác nhau. Vì vậy, hàng hóa mạ kẽm nhúng nóng sẽ không đều màu và sáng bóng như hàng hóa mạ điện & Tôn G.I

Hot-dip galvanized products are hot-dip galvanized according to ASTM A123 standards. Each production batch and hot-dip galvanized will have different colors. Therefore, hot-dip galvanized goods will not be as uniform in color and shiny as electroplated goods & G.I.

BỀ MẶT MẠ KẼM NHÚNG NÓNG CÓ 2 LOẠI

HOT DIP GALVANIZED SURFACE HAS 2 TYPES

Công nghệ tạo vân hoa trên bề mặt sản phẩm là công nghệ sử dụng hợp chất tạo vân hoa do Đức nghiên cứu. Công nghệ này đã áp dụng nhiều trên thế giới và được áp dụng tại Công ty TNHH vật tư cơ điện Hải Dương với những đặc điểm ưu việt như sau:

The technology of creating patterns on the surface of the product is a technology using pattern-creating compounds researched by Germany. This technology has been widely applied in the world and is applied at Hai Duong Electromechanical Materials Company Limited with the following outstanding features:



Bề mặt sản phẩm mạ kẽm bình thường
Normal galvanized product surface



Bề mặt sản phẩm mạ kẽm vân hoa
Surface of galvanized products with floral pattern

Cải thiện bề mặt của lớp tráng phủ kẽm.
Làm cho bề mặt kẽm sáng và tăng độ bền bề mặt.
Dễ dàng sử dụng, thân thiện với môi trường.
Giảm sự hình thành lớp gỉ trắng, giảm sự hình thành xỉ vôi kẽm.
Giúp sản phẩm giảm thời gian ăn mòn, tăng độ bền ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng.
Tăng khả năng chống oxy hóa, chịu hao mòn, giảm nguy cơ rỉ sét khi ma sát với các kim loại Thiếc, Bismuth và Nhôm.
Thân thiện với môi trường, bền vững hơn.

*Improve the surface of the zinc coating.
Make the zinc surface bright and increase the surface durability.
Easy to use, environmentally friendly.
Reduce the formation of white rust, reduce the formation of zinc slag.
Help the product reduce corrosion time, increase the durability of hot-dip galvanized conduit pipes.
Increase the ability to resist oxidation, wear resistance, reduce the risk of rust when rubbing with metals such as Tin, Bismuth and Aluminum.
Environmentally friendly, more sustainable.*

TẠI SAO LẠI CÓ HIỆN TƯỢNG MỐC TRẮNG TRÊN BỀ MẶT MẠ KẼM NHÚNG NÓNG ?

WHY IS THERE WHITE MOLD ON HOT-DIP GALVANIZED SURFACE?

Hiện tượng mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng mô tả chất màu trắng, thường giống như bột có thể hình thành trên bề mặt của sản phẩm mạ kẽm. Nó cũng có thể tạo ra các đốm đen trên bề mặt trong quá trình phát triển ban đầu và thường bao gồm các chất của quá trình ăn mòn kẽm tự nhiên, chẳng hạn như kẽm oxit và kẽm hydroxit.

• Gỉ trắng

• Mốc trắng do ẩm ướt

• *White mold on hot-dip galvanized steel describes a white, often powdery substance that can form on the surface of a galvanized product. It may also produce black spots on the surface during its initial development and is often composed of natural zinc corrosion products, such as zinc oxide and zinc hydroxide.*

• White rust

• White mold

NGUYÊN NHÂN GÂY HIỆN TƯỢNG MỐC TRẮNG TRÊN BỀ MẶT KIM LOẠI MẠ KẼM NHÚNG NÓNG

CAUSES OF WHITE MOLD ON HOT-DIP GALVANIZED METAL SURFACES.

Hiện tượng mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng xảy ra khi bề mặt mạ kẽm tiếp xúc với hơi ẩm (chẳng hạn như mưa, sương hoặc do quá trình ngưng tụ nước) và có ít luồng không khí tự do thổi qua trên bề mặt của kẽm. Kẽm trên bề mặt phản ứng với hơi nước ẩm để tạo kẽm oxit, thông thường chuyển thành kẽm cacbonat khi nó khô đi và có tiếp xúc không khí lưu thông qua bề mặt (xem sơ đồ phản ứng). Kẽm cacbonat là thành phần chính của lớp oxit hóa kẽm, một lớp màng mỏng trên bề mặt mạ kẽm giúp bảo vệ chống lại sự ăn mòn tiếp theo của kẽm. Tuy nhiên, khi điều kiện không khí lưu thông bị hạn chế (như nơi ẩm thấp, ít gió), kẽm liên tục hình thành, dần dần đến nồng độ kẽm non hoàn toàn và hình thành mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt kẽm nhúng nóng.

Moisture-induced white mold on hot-dip galvanized steel surfaces occurs when the galvanized surface is exposed to moisture (such as rain, dew or condensation) and there is little free air flow over the zinc surface. The zinc on the surface reacts with the moisture to form zinc oxide, which is normally converted to zinc carbonate when it dries and air flows over the surface (see reaction diagram). Zinc carbonate is the main component of the zinc oxide layer, a thin film on the galvanized surface that protects against further corrosion of the zinc. However, when air circulation is limited (such as in damp, windless areas), zinc continues to form, gradually reaching a concentration of completely molten zinc and forming moisture-induced white mold on the hot-dip galvanized surface.

Mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng thường thấy hơn:

• Trên bề mặt mới mạ kẽm, khi lớp oxit hóa kẽm bảo vệ chưa kịp hình thành hoàn toàn.

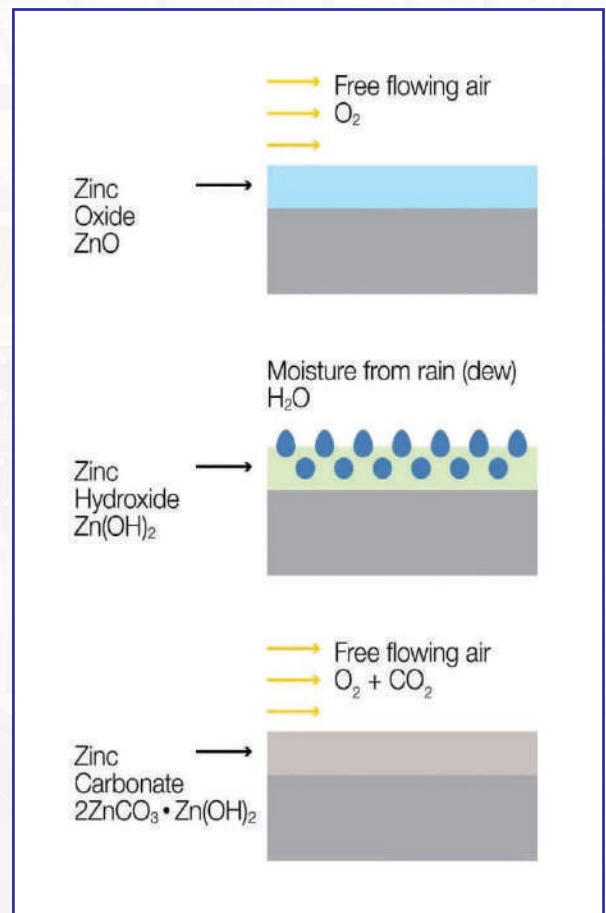
• Trên các sản phẩm được xếp chồng khít – chặt lên nhau và được đóng gói kín, đặc biệt khi không có luồng không khí tự do và điều kiện khô ráo. Trong môi trường ẩm ướt hoặc nơi có sự thay đổi nhanh chóng về điều kiện môi trường.

White mold caused by moisture on hot-dip galvanized steel surfaces is more commonly seen:

• On newly galvanized surfaces, when the protective zinc oxide layer has not yet fully formed.

• On tightly packed and tightly packed products, especially when there is no free air flow and dry conditions.

In humid environments or where there is rapid change in environmental conditions.



Sơ đồ hình thành lớp oxit hóa của lớp mạ kẽm nhúng nóng, với mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng thường bao gồm Kẽm Hydroxide

Diagram of oxidation layer formation of hot-dip galvanized coating, with white mold caused by moisture on the surface of hot-dip galvanized steel often including Zinc Hydroxide

PHÒNG NGỪA

PREVENT

Hầu hết các nhà mạ kẽm ở Úc làm nguội các sản phẩm sau khi mạ kẽm trong dung dịch có chứa chất làm trợ bề mặt kẽm. Điều này giúp bảo vệ bề mặt kẽm tươi khỏi bị ăn mòn sớm và thường bị rửa trôi tự nhiên trong vòng một tháng. AS/NZS 4680 yêu cầu nhà mạ kẽm loại bỏ bất kỳ vết bẩn lưu trữ ướt nào khỏi các sản phẩm trước khi rời khỏi nhà máy mạ kẽm, sau đó khách hàng chịu trách nhiệm bảo quản thép mạ kẽm đúng cách và tự khắc phục mọi mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng.

Bảo quản cẩn thận thép mạ kẽm là điều cần thiết để ngăn chặn sự hình thành mốc trắng. Các sản phẩm nên được lưu trữ theo cách:

- Cho phép luồng không khí tự do trên bề mặt mạ kẽm
- Cho phép nước thoát ra ngoài và ngưng tụ sớm bất kỳ lượng nào
- Không cố bọc nhựa hoặc lưu trữ kín hơi
- Tránh mưa hoặc sương ướt khi vận chuyển
- Tránh môi trường ẩm ướt kín
- Không tiếp xúc trực tiếp với các vật liệu hút ẩm (ví dụ: đất hoặc cỏ)

Trong môi trường ven biển hoặc những khu vực có lượng muối lắng đọng cao, nên thường xuyên làm sạch muối khỏi bề mặt kẽm để kịp thời xử lý (ví dụ lượng muối sẽ thúc đẩy thép mạ kẽm thụ động). Điều này là do muối làm tăng độ dẫn điện của nước làm tăng tốc độ ăn mòn.

KHẮC PHỤC

FIX

- Mức độ nhẹ mốc trắng nhẹ của thép mạ kẽm thường có thể bị ảnh hưởng bởi thời tiết nếu được ở khu vực cho phép nó khô và có luồng không khí bình thường. Các hydroxit kẽm tạo nên màu nhuộm sẽ phong hóa và tạo thành lớp oxit hóa bảo vệ kẽm khỏi bị quá trình ăn mòn tự nhiên liên tục.
- Hiện tượng mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng nhiều có thể yêu cầu loại bỏ - xử lý trước khi được lắp đặt trong khu vực cho phép làm khô và lưu thông không khí. Nên sử dụng một loại axit yếu như giấm trắng và bàn chải lông phi kim loại để loại bỏ vết ố, sau đó rửa kỹ bằng nước sạch. Vì kẽm hydroxit có khối lượng lớn hơn nhiều so với kẽm trong lớp phủ mạ kẽm, vết bẩn lưu trữ ướt nặng hơn thường sẽ có tác động ít đáng kể hơn đến độ dày của lớp phủ mạ kẽm so với dự kiến. Nếu nghi ngờ, đo độ dày lớp mạ còn lại sau khi loại bỏ cặn để giúp xác định lượng kẽm bị hao hụt và độ bền còn lại của vật phẩm.

Lưu ý: Có thể không loại bỏ được các đốm đen khỏi bề mặt mạ kẽm, nhưng những vùng này thường mờ dần để trở nên đồng nhất hơn khi vùng cũ xung quanh khác.

Most galvanizers in Australia quench products after galvanizing in a solution containing a zinc surface conditioning agent. This helps protect the fresh zinc surface from early corrosion and is typically washed away naturally within a month. AS/NZS 4680 requires galvanizers to remove any wet storage staining from products before they leave the galvanizing plant. After that, the customer is responsible for properly storing the galvanized steel and addressing any white rust (wet storage stain) that may form on the surface of the hot-dip galvanized steel.

Careful storage of galvanized steel is essential to prevent the formation of white rust. Products should be stored in a way that:

- Allows free airflow over the galvanized surfaces
- Enables water drainage and early condensation removal
- Avoids plastic wrapping or airtight storage
- Prevents exposure to rain or dew during transportation
- Avoids humid or enclosed environments
- Avoids direct contact with absorbent materials (e.g., soil or grass)

In coastal environments or areas with high salt deposits, regular cleaning of salt from the zinc surface is recommended for timely maintenance (as salt residues promote passivation of galvanized steel). This is because salt increases the electrical conductivity of water, accelerating corrosion.

- Mild levels of white rust on galvanized steel are often weathered away if the item is placed in an area that allows it to dry and receive normal airflow. The zinc hydroxides that cause the staining will weather over time and form a protective layer of zinc oxide, which helps guard the zinc from ongoing natural corrosion.
- Severe white rust (wet storage stain) on the surface of hot-dip galvanized steel may require removal or treatment before installation in an area that permits drying and proper air circulation. A weak acid such as white vinegar, combined with a non-metallic bristle brush, is recommended to remove the stains, followed by a thorough rinse with clean water. Since zinc hydroxide has a much greater volume than the zinc in the galvanized coating, heavy wet storage staining usually has less impact on the coating thickness than it may appear. If in doubt, measure the remaining coating thickness after cleaning to help determine the amount of zinc loss and the residual durability of the item.

Note: Dark spots on the galvanized surface may not be removable, but these areas typically fade and become more uniform in appearance over time as the surrounding surface weathers.

MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ MỐC TRẮNG TRÊN BỀ MẶT KIM LOẠI MẠ KẼM NHÚNG NÓNG

SOME EXAMPLES OF WHITE MOLD ON HOT DIP GALVANIZED METAL SURFACES



Hiện tượng mốc trắng do ẩm ướt trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng có thể có dạng đốm đen bên cạnh bột trắng

White mold caused by moisture on hot-dip galvanized steel surfaces may appear as black spots alongside white powder.



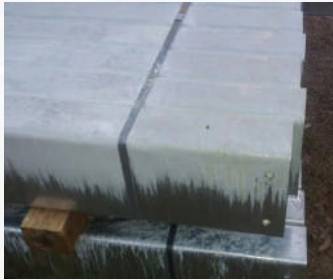
Các cặn bẩn nhẹ của vết mốc trắng thường có thể diễn ra tự nhiên trong 1 số điều kiện khí hậu tự nhiên

Light deposits of white mold can often occur naturally under certain natural climatic conditions.



Các sản phẩm mạ kẽm được xếp chặt gần nhau có thể hình thành mốc trắng do ẩm ướt, do luồng không khí không đủ và độ ẩm cao. Vết ăn mòn trắng và đen đều có thể nhìn thấy trên bề mặt

Galvanized products that are packed closely together can form white mold due to moisture, insufficient air flow and high humidity. Both white and black corrosion marks can be seen on the surface.



Hiện tượng mốc trắng trên bề mặt thép mạ kẽm nhúng nóng khi được bảo quản kín trong thời gian dài, hạn chế luồng không khí và giữ độ ẩm cao bên trong. Vết mốc trắng phải được loại bỏ trước khi bảo quản ở nơi cho phép làm khô và không khí lưu thông tự do để tạo điều kiện cho lớp oxit hóa kẽm phát triển

White mold appears on the surface of hot-dip galvanized steel when stored in a sealed container for a long period of time, restricting airflow and keeping high humidity inside. The white mold must be removed before storing in a place that allows drying and free air circulation to facilitate the development of the zinc oxide layer.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN

STANDARDS APPLICABLE TO ELECTRICAL CONDUIT STEEL

STT	SẢN PHẨM PRODUCT	TIÊU CHUẨN STANDARD	CHỨNG NHẬN CERTIFICATE OF CONFORMITY	CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG/QUALITY CERTIFICATE
1	Ống thép G.I luồn dây điện trơn EMT	ANSI C80.3 / UL 797	• ISO 9001-2015 • Chứng nhận hợp quy QCVN 16:2023/BXD • Chứng nhận hợp chuẩn	• Test report, • CCXX&CCCL
2	Ống thép G.I luồn dây điện trơn JDG	GB/T14823.1-93		
3	Ống thép G.I luồn dây điện trơn SC	GB/T14823.1-93		
4	Ống thép G.I luồn dây điện ren IMC	ANSI C80.6 / UL 1242		
5	Ống thép G.I luồn dây điện ren RSC	ANSI C80.1 / UL 6		
6	Ống thép G.I luồn dây điện ren BS 31	BS 31: 1940 (Anh)		
7	Ống thép G.I luồn dây điện ren BS 4568	BS 4568 (Anh)		
8	Ống thép G.I luồn dây điện JIS C 8305	JIS C8305 : 1999 (Nhật Bản)		
9	Ống thép G.I luồn dây điện IEC 61386-21	IEC 61386-21/TCVN 7417 : 2010		
10	Ống inox luồn dây điện	ASTM E 1086 -14		

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI TRƠN EMT - ELECTRICAL METALLIC TUBING



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): ANSI C 80.3/UL 797 - USA
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Speciations			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4 (**)	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
EMT012	EMTN012	1/2	17.93	1.07	3050
EMT034	EMTN034	3/4	23.42	1.25	3050
EMT100	EMTN100	1	29.54	1.45	3050
EMT114	EMTN114	1 1/4	38.35	1.57	3050
EMT112	EMTN112	1 1/2	44.20	1.57	3050
EMT200	EMTN200	2	55.8	1.57	3050
EMT212	EMTN212	2 1/2	73.05	1.83	3000
EMT300	EMTN300	3	88.70	1.83	3000
EMT400	EMTN400	4	113.5	2.00	3000
EMT500	EMTN500	5	126.8	2.00	3000
EMT600	EMTN600	6	168.3	2.5	3000
EMT800	EMTN800	8	219.1	2.8	3000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống EMT là ống có thành mỏng, không có ren ở hai đầu ống/ EMT conduit is a thin-walled conduit with no threads at either end
- Ống EMT liên kết với phụ kiện dạng vít trí/EMT conduit with screw fittings

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI TRƠN EMT - ELECTRICAL METALLIC TUBING (ỐNG GIẢM ĐỘ DÀY/REDUCE THICKNESS TUBING)



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): ANSI C 80.3/UL 797 - USA
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code (*)	Thông số kỹ thuật - Speciations			
	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
EMTB012	1/2	17.93	1.07	3050
EMTB034	3/4	23.42	1.07	3050
EMTB100	1	29.54	1.07	3050
EMTB114	1 1/4	38.35	1.25	3050
EMTB112	1 1/2	44.20	1.25	3050
EMTB200	2	55.8	1.25	3050
EMTB212	2 1/2	73.05	1.45	3000
EMTB300	3	88.70	1.57	3000
EMTB400	4	113.5	1.57	3000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống EMT là ống có thành mỏng, không có ren ở hai đầu ống/ EMT conduit is a thin-walled conduit with no threads at either end
- Ống EMT liên kết với phụ kiện dạng vít trí/EMT conduit with screw fittings

Dung sai/Tolerance:

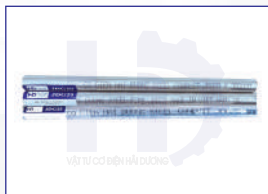
- Đường kính ngoài (Outside diameter): $\pm 0.3\text{mm}$
- Chiều dài ống (length) $\pm 6.4\text{mm}$
- Độ dày (Thickness): $\pm 10\%$

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3) trung bình $\leq 15\text{ micron}$

(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình $\geq 45\text{ micron}$ (ASTM A123)



ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI TRƠN JDG - JDG STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): GB/T14823.1-93
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications				
Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre-Galvanized steel - Class 3) (*)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip-Galvanized steel - Class 4) (**)	Kích thước Size (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)		Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
			Max	Min		
JDG20	JDGN20	20	20.00	19.10	1.0/1.2/1.4/1.6	3000/4000
JDG25	JDGN25	25	25.40	24.80	1.0/1.2/1.4/1.6	3000/4000
JDG32	JDGN32	32	32.00	31.80	1.0/1.2/1.4/1.6	3000/4000
JDG40	JDGN40	40	40.00	38.10	1.0/1.2/1.4/1.6	3000/4000
JDG50	JDGN50	50	50.80	49.80	1.0/1.2/1.4/1.6	3000/4000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống JDG là ống có thành mỏng, không có ren ở hai đầu ống/ JDG conduit is a thin-walled conduit with no threads at either end
- Ống JDG liên kết với phụ kiện dạng vít tri/ JDG conduit with screw fittings
- Ống JDG có độ dày thành ống từ 1,2mm trở lên có thể được mạ kẽm nhúng nóng/ JDG pipes with wall thickness of 1.2mm or more can be hot-dip galvanize

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI TRƠN/ REN SC - SC STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): GB/T14823.1-93
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications				
Thép mạ kẽm (Pre-Galvanized steel) (*)	Mạ nhúng nóng (Hot - dip galvanized steel - Class 4) (**)	Kích thước Size (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)		Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
			Max	Min		
SC20	SC20N	20	20.00	19.10	1.6/1.8/2.0	3000/4000
SC25	SC25N	25	25.40	24.80	1.6/1.8/2.0	3000/4000
SC32	SC32N	32	32.00	31.80	1.6/1.8/2.0	3000/4000
SC40	SC40N	40	40.00	38.10	1.6/1.8/2.0	3000/4000
SC50	SC50N	50	50.80	49.80	1.6/1.8/2.0	3000/4000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống SC không có ren hoặc có ren ở cả hai đầu, kết nối với phụ kiện bằng vít hoặc bằng ren / SC pipe without thread or threaded at both ends, connected to fittings by screw or thread
- Phụ kiện của ống SC dùng chung với ống JDG nếu không có ren và dùng chung với ống BS4568 nếu có ren/ SC pipe fittings are used with JDG pipes if they are not threaded and with BS4568 pipes if they are threaded.

Dung sai/Tolerance:

- Đường kính ngoài (Outside Diameter): $\pm 0.3\text{mm}$.
- Chiều dài ống (Length): $\pm 6.4\text{mm}$.
- Độ dày ống (Thickness): $\pm 10\%\text{mm}$.

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống mạ kẽm class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình $\leq 15\text{ micron}$

(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình $\geq 45\text{ micron}$ (ASTM A123)

ỐNG THÉP LUỒNG DÂY ĐIỆN LOẠI TRƠN JIS C8305 LOẠI E STEEL CONDUIT JIS C8305 : 1999 TYPE E



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8305 : 1999 Type E
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4 (**)	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
E19	E19N	19	19.1	1.2	3000/3660/4000
E25	E25N	25	25.4	1.2	3000/3660/4000
E31	E31N	31	31.8	1.4	3000/3660/4000
E39	E39N	39	38.1	1.4	3000/3660/4000
E51	E51N	51	50.8	1.4	3000/3660/4000

Chú ý/Note: Phụ kiện của ống E dùng chung với ống JDG/E and JDG pipes share common fittings

ỐNG INOX 304 LUỒNG DÂY ĐIỆN LOẠI TRƠN - PLAIN STAINLESS STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): ASTM E 1086 - 14
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox 304 (Stainless Steel SUS 304)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

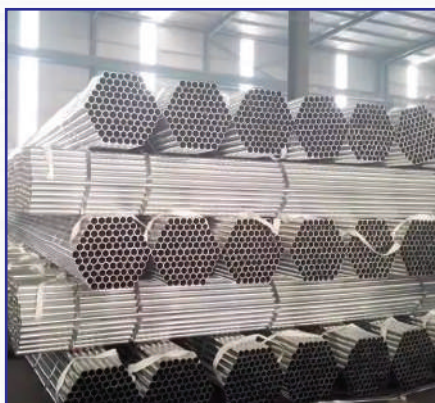
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
IEMT19	19	19.1	1.2	3000
IEMT25	25	25.4	1.2	3000
IEMT31	31	31.8	1.2	3000

Dung sai/Tolerance:

- Đường kính ngoài (Outside Diameter): $\pm 0.3\text{mm}$.
- Chiều dài ống (Length): $\pm 6.4\text{ mm}$.
- Độ dày ống (Thickness): $\pm 10\%\text{mm}$.

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống mạ kẽm class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình $\leq 15\text{ micron}$

(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồng dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình $\geq 45\text{ micron}$ (ASTM A123)



ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI REN IMC - INTERMEDIATE METAL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): ANSI C 80.6/UL 1242 - USA
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized (**)	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Legth (mm)
IMC012	IMCN012	1/2	20.70	1.79	3030
IMC034	IMCN034	3/4	26.14	1.90	3030
IMC100	IMCN100	1	32.77	2.16	3025
IMC114	IMCN114	1 1/4	41.59	2.16	3025
IMC112	IMCN112	1 1/2	47.81	2.29	3025
IMC200	IMCN200	2	59.93	2.41	3025
IMC212	IMCN212	2 1/2	72.56	3.25	3010
IMC300	IMCN300	3	88.29	3.25	3010
IMC400	IMCN400	4	113.43	3.25	3005

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống IMC có thành ống dày, tạo ren 2 đầu theo tiêu chuẩn ren ANSI/ ASME B.1.20.1-1983 (NPT) / IMC pipe has thick wall, threaded at both ends according to ANSI/ ASME B.1.20.1-1983 (NPT) thread standard
- Mỗi hàn trong ống IMC được nạo nhẵn để quá trình kéo cáp không làm xước cáp /The weld inside the IMC pipe is smoothed so that the cable pulling process does not scratch the cable.

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN REN LOẠI DÀY RSC - RIGID STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): ANSI C 80.1/UL 6 - USA
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Legth (mm)
RSC012	1/2	21.34	2.64	3030
RSC034	3/4	26.67	2.72	3030
RSC100	1	33.4	3.2	3025
RSC114	1 1/4	42.16	3.38	3025
RSC112	1 1/2	48.26	3.51	3025
RSC200	2	60.33	3.71	3025
RSC212	2 1/2	73.03	4.9	3010
RSC300	3	88.9	5.21	3010
RSC400	4	114.3	5.72	3005

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống RSC có thành ống dày, tạo ren 2 đầu theo tiêu chuẩn ren ANSI/ ASME B.1.20.1-1983 (NPT) / RSC pipe has thick wall, threaded at both ends according to ANSI/ ASME B.1.20.1-1983 (NPT) thread standard
- Ống RSC và phụ kiện kết nối với nhau bằng ren và dùng chung phụ kiện với ống IMC/ RSC pipe and fittings are threaded together and share the same fittings as IMC pipe
- Mỗi hàn trong ống RSC được nạo nhẵn để quá trình kéo cáp không làm xước cáp /The weld inside the RSC pipe is smoothed so that the cable pulling process does not scratch the cable.

Dung sai/Tolerance:

- Đường kính ngoài (Outside Diameter): $\pm 0.3\text{mm}$.
- Chiều dài ống (Length): $\pm 6.4\text{mm}$.
- Độ dày ống (Thickness): $\pm 10\%\text{mm}$.

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống mạ kẽm class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình $\leq 15\text{ micron}$

(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình $\geq 45\text{ micron}$ (ASTM A123)

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI REN BS4568 CLASS 3&4 - STEEL CONDUIT BS4568 CLASS 3&4



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS4568 : 1970
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Speciations				
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel) (*)	Mạ nhúng nóng (Hot dip-Galvanized) (**)	Kích thước Size (mm)	Đường kính ngoài Outsite diameter (mm)		Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
			Max	Min		
BS4568-20	BS4568-20N	20	19.85	19.05	1.6	3000/3075/4000
BS4568-25	BS4568-25N	25	25.4	24.8	1.6	3000/3075/4000
BS4568-32	BS4568-32N	32	32.1	31.75	1.6	3000/3075/4000
BS4568-38	BS4568-38N	38	38.5	38.1	1.8	3000/3075/4000
BS4568-50	BS4568-50N	50	51.2	50.8	2.0	3000/3075/4000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống BS4568 có thành ống dày, tạo ren 2 đầu theo tiêu chuẩn ren METRIC / BS4568 pipe has thick wall, threaded at both ends according to METRIC thread standard

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI REN BS 31:1940 CLASS 3&4 STEEL CONDUIT BS 31:1940 CLASS 3&4



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 31:1940
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Speciations				
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel) (*)	Mạ nhúng nóng (Hot dip-Galvanized) (**)	Kích thước Size (mm)	Đường kính ngoài Outsite diameter (mm)		Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
			Max	Min		
BS31-20	BS31-20N	20	19.43	19.05	1.6	3000/3075/4000
BS31-25	BS31-25N	25	25.70	25.4	1.6	3000/3075/4000
BS31-32	BS31-32N	32	32.1	31.75	1.6	3000/3075/4000
BS31-38	BS31-38N	38	38.5	38.1	1.8	3000/3075/4000
BS31-50	BS31-50N	50	51.2	50.8	2.0	3000/3075/4000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống BS31 có thành ống dày, tạo ren 2 đầu theo tiêu chuẩn ren METRIC / BS31 pipe has thick wall, threaded at both ends according to METRIC thread standard
- Ống BS31 và phụ kiện kết nối với nhau bằng ren và dùng chung phụ kiện với ống BS4568/ BS31 pipe and fittings are threaded together and share the same fittings as BS4568 pipe

Dung sai/Tolerance:

- Đường kính ngoài (Outside Diameter): $\pm 0.3\text{mm}$.
- Chiều dài ống (Length): $\pm 6.4\text{ mm}$.
- Độ dày ống (Thickness): $\pm 10\%\text{mm}$.

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống mạ kẽm class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình $\leq 15\text{ micron}$

(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình $\geq 45\text{ micron}$ (ASTM A123)

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI REN JIS C8305 LOẠI C STEEL CONDUIT JIS C8305 : 1999 TYPE C



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8305 : 1999 Type C
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Speciations			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized (**)	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
C19	C19N	19	19.1	1.6	3000/3660/3750/4000
C25	C25N	25	25.4	1.6	3000/3660/3750/4000
C31	C31N	31	31.8	1.6	3000/3660/3750/4000
C39	C39N	39	38.1	1.6	3000/3660/3750/4000
C51	C51N	51	50.8	1.6	3000/3660/3750/4000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống JIS C có thành ống dày, tạo ren 2 đầu theo tiêu chuẩn ren METRIC / JIS C pipe has thick wall, threaded at both ends according to METRIC thread standard
- Ống JIS C và phụ kiện kết nối với nhau bằng ren và dùng chung phụ kiện với ống BS4568/ JIS C pipe and fittings are threaded together and share the same fittings as BS4568 pipe

ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI REN IEC61386 CLASS 3&4 STEEL CONDUIT IEC61386 CLASS 3&4



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): IEC 61386-21/ TCVN 7417 : 2010
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Speciations			
Thép mạ kẽm (Pre-Galvanized steel) (*)	Mạ nhúng nóng (Hot - dip galvanized steel - Class 4) (**)	Kích thước Size (mm)	Đường kính ngoài Outside diameter (mm)		Chiều dài Leghth (mm)
			Max	Min	
IEC61386 - 20	IEC61386 - 20N	20	19.43	19.05	3000/3750/4000
IEC61386 - 25	IEC61386 - 25N	25	25.4	24.6	3000/3750/4000
IEC61386 - 32	IEC61386 - 32N	32	32.0	31.6	3000/3750/4000
IEC61386 - 39	IEC61386 - 39N	38	38.5	38.1	3000/3750/4000
IEC61386 - 50	IEC61386 - 50N	50	51.2	50.8	3000/3750/4000

Đặc điểm/Characteristic:

- Ống IEC 61386 có thành ống dày, tạo ren 2 đầu theo tiêu chuẩn ren METRIC / IEC 61386 pipe has thick wall, threaded at both ends according to METRIC thread standard
- Ống IEC 61386 và phụ kiện kết nối với nhau bằng ren và dùng chung phụ kiện với ống BS4568/ IEC 61386 pipe and fittings are threaded together and share the same fittings as BS4568 pipe

Dung sai/Tolerance:

- Đường kính ngoài (Outside Diameter): $\pm 0.3\text{mm}$.
- Chiều dài ống (Length): $\pm 6.4\text{ mm}$.
- Độ dày ống (Thickness): $\pm 10\%\text{mm}$.

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống mạ kẽm class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình $\leq 15\text{ micron}$

(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình $\geq 45\text{ micron}$ (ASTM A123)

ỐNG INOX LUỒN DÂY ĐIỆN LOẠI REN PLAIN STAINLESS STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): Tiêu chuẩn (Standard): ASTM E 1086 - 14
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox 304 (Stainless steel SUS304)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước Size (inch)	Đường kính ngoài Outsie diameter (mm)	Độ dày Thickness (mm)	Chiều dài Leghth (mm)
IIMC012	1/2	21.2	2.0	3000
IIMC034	3/4	27.3	2.0	3000
IIMC100	1	34.0	2.5	3000
IIMC114	1 1/4	42.0	2.5	3000
IIMC112	1 1/2	49.0	2.5	3000
IIMC200	2	60.0	2.5	3000
IIMC212	2 1/2	76.2	3.0	3000
IIMC300	3	89.5	3.0	3000
IIMC400	4	114.5	3.0	3000

Dung sai/Tolerance:

- Đường kính ngoài (Outside Diameter): $\pm 0.3\text{mm}$.
- Chiều dài ống (Length): $\pm 6.4\text{ mm}$.
- Độ dày ống (Thickness): $\pm 10\%\text{mm}$.

BẢNG SO SÁNH ĐƯỜNG KÍNH ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN G.I CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG COMPARISON TABLE OF STEEL CONDUIT DIAMETERS G.I HAI DUONG ELECTROMECHANICAL

Hệ inch	EMT	RSC	IMC
Đường kính ngoài (OD)	$OD_{EMT} < OD_{RSC} \geq OD_{IMC}$		
Đường kính trong (ID)	$ID_{EMT} < ID_{RSC} < ID_{IMC}$		
Độ dày (T)	$T_{EMT} < T_{RSC} > T_{IMC}$		
Hệ mét	Ống E	Ống C/ BS4568	Ống JDG
Đường kính ngoài (OD)	$OD E \approx OD C/ BS4568 \approx OD JDG$		
Đường kính trong (ID)	$ID E < ID C/ BS4568 < ID JDG$		
Độ dày (T)	$T E < T C/ BS4568 > T JDG$		

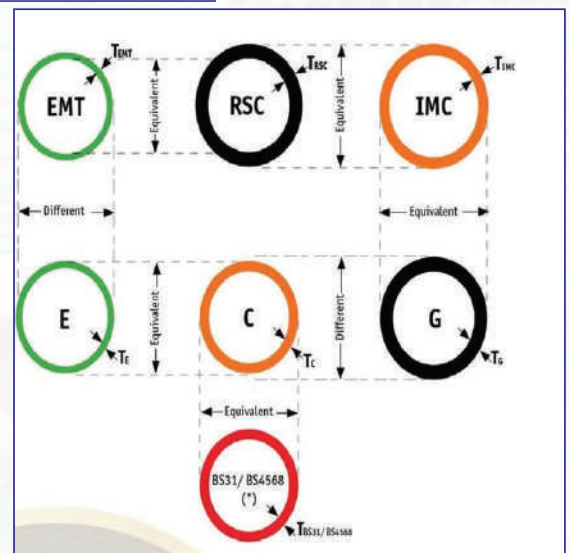
OD: Outside Diameter

ID: Inside Diameter

T: Thickness

Bảng chuyển đổi kích thước tương đương giữa hệ Metric & Hệ Inch sử dụng cho EMT, IMC, RSC
(Lưu ý: Đây là kích thước danh nghĩa, không phải kích thước chính xác)

Inch	Metric (mm)
1/2	DN 15 (16C)
3/4	DN 20 (22C)
1	DN 25 (28C)
1 1/4	DN 32 (36C)
1 1/2	DN 40 (42C)
2	DN 50 (54C)
2 1/2	DN 63 (70C)
3	DN 80 (82C)
4	DN 100 (104C)



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN G.I

RECOMMENDED USE OF G.I ELECTRICAL CONDUIT

	 Trong nhà (Indoor)	 Ngoài trời (Outdoor)	 Ẩm ướt (Humid environment)	 Gần biển hơi muối (near the sea, salty)	 Môi trường hóa chất ăn mòn (Corro- sive chemical environment)
EMT Clas 3	✓				
EMT Class 4	✓		✓	✓	
IMC Class 3	✓				
IMC Class 4	✓	✓	✓	✓	
RSC	✓	✓	✓	✓	
JDG Class 3	✓				
JDG Class 4	✓		✓	✓	
SC Class 3	✓				
SC Class 4	✓		✓	✓	
Inox 304 loại trơn/ren	✓	✓	✓	✓	✓
Jis C 8305 loại E Class 3	✓				
Jis C 8305 loại E Class 4	✓		✓	✓	
Jis C 8305 loại C Class 3	✓				
Jis C 8305 loại C Class 4	✓	✓	✓	✓	
IEC 61386 Class 3	✓				
IEC 61386 Class 4	✓	✓	✓	✓	
BS 31 Class 3	✓				
BS 31 Class 4	✓	✓	✓	✓	
BS 4568 Class 3	✓				
BS 4568 Class 4	✓	✓	✓	✓	

III. ỐNG THÉP MỀM LUỒN DÂY/ ỐNG RUỘT GÀ LỖI THÉP FLEXIBLE METALLIC CONDUIT

WATER - PROOF FLEXIBLE CONDUIT/ LIQUID - TIGHT FLEXIBLE CONDUIT



TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHO ỐNG RUỘT GÀ LỖI THÉP

STANDARDS APPLICABLE TO FLEXIBLE STEEL PIPE

	Tiêu chuẩn (Standards)
Ống ruột gà thép luồn dây	BS731
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC	BS731
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC chống tia UV	TCVN 11994-1,3:2017
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC loại dày chống thấm dầu, chống nước	BS731/UL360
Ống ruột gà inox luồn dây	BS731
Ống ruột gà inox bọc nhựa PVC	BS731
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC, bọc lưới Inox 304	BS731

ỐNG RUỘT GÀ THÉP KHÔNG BỌC NHỰA PVC

FLEXIBLE STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HMO
- **Đặc trưng/Features:** Square-lock
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre - galvanized steel)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm Product code	Kích thước danh nghĩa/ Size		Đường kính trong ID (mm)	Đường kính ngoài OD (mm)	Bán kính uốn cong/Bending Radius (mm)	Quy cách đóng gói /Package/Roll (m)	Kích thước đóng gói/ Measurement (LxWxH mm)
	mm	Inch					
TV-HMO-16	15	1/2	15.8	19.8	40.0	50	
TV-HMO-22	20	3/4	20.5	23.8	50.0	50	
TV-HMO-28	25	1	26.5	29.7	52.5	50	
TV-HMO-36	32	1 1/4	34.5	38.6	80.0	25	
TV-HMO-42	40	1 1/2	39.0	43.0	90.0	25	
TV-HMO-54	50	2	50.5	55.0	95.0	25	
TV-HMO-70	70	2 1/2	63.0	70.2	140.0	20	

Đặc điểm/Characteristic

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -45 độC đến +350 độC
- **Nơi sử dụng/place of use:** Trong nhà (Indoor)
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP40
- **Độ linh hoạt/Flexibility:** Cao/ high
- **Tiêu chuẩn/Standard:** BS 731
- **Chứng chỉ/Certificate:** Quatest 3

Hình ảnh liên kết/profile:



- **Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance:** Đường kính ngoài (Outside Diameter): $\pm 1\text{mm}$



ỐNG RUỘT GÀ THÉP BỌC NHỰA PVC - FLEXIBLE METAL CONDUIT**Thông tin sản phẩm/ Production informations**

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HMB, TV-HMU
- **Đặc trưng/Features:** Square-lock
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre - galvanized steel) + Bọc nhựa PVC (PVC coated)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Black



Grey

Mã sản phẩm - Product code						Thông số kỹ thuật - Specifications				
		Chống tia cực tím/UV Resistance		Kích thước danh nghĩa/ Size		Đường kính trong ID (mm)	Đường kính ngoài OD (mm)	Bán kính uốn cong /Bending Radius (mm)	Quy cách đóng gói /Package/Roll (m)	Kích thước đóng gói/ Measurement (LxWxH mm)
Màu đen (Black)	Màu xám (Grey)	Màu đen (Black)	Màu xám (Grey)	mm	Inch					
TV-HMB-12				12	3/8	12.3	16.7	50.0	100	
TV-HMB-16	TV-HMBX-16	TV-HMU-16	TV-HMUX-16	15	1/2	15.8	21.0	65.0	50	
TV-HMB-22	TV-HMBX-22	TV-HMU-22	TV-HMUX-22	20	3/4	20.5	25.0	75.0	50	
TV-HMB-28	TV-HMBX-28	TV-HMU-28	TV-HMUX-28	25	1	26.5	30.5	100.0	50	
TV-HMB-36	TV-HMBX-36	TV-HMU-36	TV-HMUX-36	32	1 1/4	34.5	40.0	125.0	25	
TV-HMB-42	TV-HMBX-42	TV-HMU-42	TV-HMUX-42	40	1 1/2	39.0	45.0	150.0	25	
TV-HMB-54	TV-HMBX-54	TV-HMU-54	TV-HMUX-54	50	2	50.5	56.5	175.0	25	
TV-HMB-70	TV-HMBX-70	TV-HMU-70	TV-HMUX-70	70	2 1/2	63.0	72.0	200.0	20	
TV-HMB-80				80	3	78.0	87.6	225.0	10	
TV-HMB-100				100	4	101.6	112.0	275.0	10	

Đặc điểm/Characteristic

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -15 độ C đến +105 độ C
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP67
- **Màu lớp nhựa/Jacket Color:** Đen (Black) Hoặc xám (Grey)
- **Khả năng cháy chậm/Fire Retardant:** Tự dập tắt/Self-extinguishing
- **Chống tia cực tím/UV Resistance:** Chống chịu tia UV cho mã sản phẩm TV-HMU (code TV-HMU)
- **Độ linh hoạt/Flexibility:** Cao/ high
- **Tiêu chuẩn/Standard:** BS 731 / TCVN 11994-1,3:2017(ISO 4892-1,3:2016)
- **Chứng chỉ/ Certificate:** Test report
- **Hình ảnh liên kết/profile:**

**ỐNG RUỘT GÀ THÉP BỌC NHỰA PVC CHỐNG THẤM DẦU CHỐNG NƯỚC
LIQUID TIGHT PVC COATED FLEXIBLE STEEL CONDUIT****Thông tin sản phẩm/ Production informations**

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HMDX
- **Đặc trưng/Features:** Interlocked
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre - galvanized steel) + Bọc nhựa PVC (PVC coated)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm Product code		Kích thước danh nghĩa/ Size		Đường kính trong ID (mm)	Đường kính ngoài OD (mm)	Bán kính uốn cong /Bending Radius (mm)	Quy cách đóng gói /Package/Roll (m)	Kích thước đóng gói/ Measurement (LxWxH mm)
	Chống tia UV	mm	Inch					
TV-HMDX-16	TV-HMDUX-16	15	1/2	16.2	21.3	85	50	
TV-HMDX-22	TV-HMDUX-22	20	3/4	21.1	26.6	100	50	
TV-HMDX-28	TV-HMDUX-28	25	1	26.8	33.4	150	50	
TV-HMDX-36	TV-HMDUX-36	32	1 1/4	35.3	42.2	180	25	
TV-HMDX-42	TV-HMDUX-42	40	1 1/2	40.7	48.3	220	25	
TV-HMDX-54	TV-HMDUX-54	50	2	51.6	60.3	250	25	
TV-HMDX-70	TV-HMDUX-70	70	2 1/2	63.6	73.0	300	10	
TV-HMDX-80		80	3	78.7	88.9	450	10	
TV-HMDX-100		100	4	102.6	114.3	600	10	

Đặc điểm/Characteristic

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -45 độ C đến +105 độ C
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP67
- **Màu lớp nhựa/Jacket Color:** Xám (Grey)
- **Khả năng cháy chậm/Fire Retardant:** Tự dập tắt/Self-extinguishing
- **Chống tia cực tím/UV Resistance:** Chống chịu tia UV, code TV-HMDUX
- **Độ linh hoạt/Flexibility:** Trung bình/ Medium
- **Tiêu chuẩn/Standard:** BS 731/UL360/ TCVN 11994-1,3:2017(ISO 4892-1,3:2016)
- **Chứng chỉ/ Certificate:** Test report

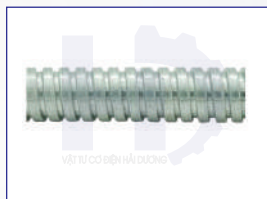


• Hình ảnh liên kết/profile:

• Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance

Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ỐNG RUỘT GÀ INOX 304 - STAINLESS STEEL 304 FLEXIBLE PIPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-IHMO
- Đặc trưng/Features: Square-lock
- Vật liệu (Material): Inox 304 (Stainless steel 304)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm Product code	Kích thước danh nghĩa/ Size		Đường kính trong ID (mm)	Đường kính ngoài OD (mm)	Bán kính uốn cong /Bending Radius (mm)	Quy cách đóng gói /Package/Roll (m)	Kích thước đóng gói/ Measurement (LxWxH mm)
	mm	Inch					
TV-IHMO-16	15	1/2	15.8	19.8	40.0	50	
TV-IHMO-22	20	3/4	20.5	23.8	50.0	50	
TV-IHMO-28	25	1	26.5	29.7	52.5	50	
TV-IHMO-36	32	1 1/4	34.5	38.6	80.0	25	
TV-IHMO-42	40	1 1/2	39.0	43.0	90.0	25	
TV-IHMO-54	50	2	50.5	55.0	95.0	25	

Đặc điểm/Characteristic

- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -45 độC đến +350 độC
- Nơi sử dụng/place of use: Trong nhà (Indoor), ngoài nhà (Out door), môi trường hóa chất
- Đánh giá IP/IP Rating: IP40
- Độ linh hoạt/Flexibility: Cao/ high
- Tiêu chuẩn/Standard: BS 731
- Chứng chỉ/Certificate: Test report
- Hình ảnh liên kết/profile:
- Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ỐNG RUỘT GÀ INOX BỌC NHỰA PVC - PVC COATED STAINLESS STEEL FLEXIBLE CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-IHMB
- Đặc trưng/Features: Square-lock
- Vật liệu (Material): Inox 304 (Stainless steel 304) + Bọc nhựa PVC (PVC coated)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Black



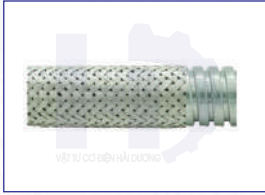
Grey

Mã sản phẩm Product code		Kích thước danh nghĩa/ Size		Đường kính trong ID (mm)	Đường kính ngoài OD (mm)	Bán kính uốn cong /Bending Radius (mm)	Quy cách đóng gói /Package/Roll (m)	Kích thước đóng gói/ Measurement (LxWxH mm)
	Chống tia UV	mm	Inch					
TV-IHMB-16	TV-IHMBX-16	15	1/2	15.8	21.0	65.0	50	
TV-IHMB-22	TV-IHMBX-22	20	3/4	20.5	25.0	75.0	50	
TV-IHMB-28	TV-IHMBX-28	25	1	26.5	30.5	100.0	50	
TV-IHMB-36	TV-IHMBX-36	32	1 1/4	34.5	40.0	125.0	25	
TV-IHMB-42	TV-IHMBX-42	40	1 1/2	39.0	45.0	150.0	25	
TV-IHMB-54	TV-IHMBX-54	50	2	50.5	56.5	175.0	25	

Đặc điểm/Characteristic

- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -15 độC đến +105 độC
- Đánh giá IP/IP Rating: IP67
- Màu lớp nhựa/Jacket Color: Đen (Black) Hoặc xám (Grey)
- Khả năng cháy chậm/Fire Retardant: Tự dập tắt/Self-extinguishing
- Độ linh hoạt/Flexibility: Cao/ high
- Tiêu chuẩn/Standard: BS 731
- Chứng chỉ/Certificate: Test report
- Hình ảnh liên kết/profile:
- Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ỐNG RUỘT GÀ THÉP BỌC LƯỚI INOX 304 304 STAINLESS STEEL MESH COVERED FLEXIBLE STEEL PIPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HMOI
- **Đặc trưng/Features:** Square-lock
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (galvanized steel) + Bọc lưới inox 304 (304 stainless steel mesh)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

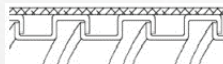


Mã sản phẩm Product code	Kích thước danh nghĩa/ Size		Đường kính trong ID (mm)	Đường kính ngoài OD (mm)	Bán kính uốn cong /Bending Radius (mm)	Quy cách đóng gói /Package/Roll (m)	Kích thước đóng gói/ Measurement (LxWxH mm)
	mm	Inch					
TV-HMOI-16	15	1/2	15.6	21.3	85	50	
TV-HMOI-22	20	3/4	20.5	26.6	100	50	
TV-HMOI-28	25	1	26.5	33.4	150	50	
TV-HMOI-36	32	1 1/4	34.5	42.2	180	25	
TV-HMOI-42	40	1 1/2	40.1	48.3	220	25	
TV-HMOI-54	50	2	51.5	60.3	250	25	

Đặc điểm/Characteristic

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -45 độC đến +350 độC
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP40
- **Độ linh hoạt/Flexibility:** Cao/ high
- **Tiêu chuẩn/Standard:** BS 731
- **Chứng chỉ/Certificate:** Test report

- **Hình ảnh liên kết/profile:**



- **Chú ý/Notes:** Dung sai/ tolerance

Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ỐNG RUỘT GÀ THÉP BỌC NHỰA PVC BỌC LƯỚI INOX 304 PVC COATED AND STAINLESS STEEL MESH COATED FLEXIBLE STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HMBI
- **Đặc trưng/Features:** Square-lock
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (galvanized steel)
+ Bọc nhựa PVC (PVC coated)
+ Bọc lưới inox 304 (Stainless Steel)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Kích thước danh nghĩa/ Size		Đường kính trong ID (mm)	Đường kính ngoài OD (mm)	Bán kính uốn cong /Bending Radius (mm)	Quy cách đóng gói /Package/Roll (m)	Kích thước đóng gói/ Measurement (LxWxH mm)
	mm	Inch					
TV-HMBI-16	15	1/2	15.6	21.5	85	50	
TV-HMBI-22	20	3/4	20.5	26	100	50	
TV-HMBI-28	25	1	26.5	34	150	50	
TV-HMBI-36	32	1 1/4	34.5	44.5	180	25	
TV-HMBI-42	40	1 1/2	40.1	55	220	25	
TV-HMBI-54	50	2	51.5	64.5	250	25	
TV-HMBI-70	70	2 1/2	63.0	72.0	200	20	
TV-HMBI-80	80	3	78.0	87.6	225	10	
TV-HMBI-100	100	4	101.6	112.0	275	10	

Đặc điểm/Characteristic

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -45 độC đến +105 độC
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP67
- **Độ linh hoạt/Flexibility:** Đen (Black)
- **Màu lớp nhựa/Jacket Color:** Trung bình/ Medium
- **Tiêu chuẩn/Standard:** BS 731
- **Chứng chỉ/Certificate:** Test report

- **Hình ảnh liên kết/profile:**

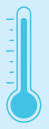


- **Chú ý/Notes:** Dung sai/Tolerance

Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

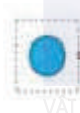
KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN G.I

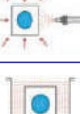
RECOMMENDED USE OF G.I ELECTRICAL CONDUIT

	 Nhiệt độ cao	 Chống va đập rung động	 Chống thấm nước và dầu	 Trong nhà (Indoor)	 Ngoài trời (Outdoor)	 Ẩm ướt (Humid environment)	 Gần biển hơi muối (near the sea, salty)	 Môi trường hóa chất ăn mòn (Corrosive chemical environment)
Ống ruột gà thép luồn dây	✓			✓				
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC				✓		✓		
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC chống tia UV				✓	✓	✓		
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC loại dày chống thấm dầu, chống nước		✓	✓	✓	✓	✓		
Ống ruột gà inox luồn dây	✓			✓	✓	✓	✓	✓
Ống ruột gà inox bọc nhựa PVC				✓	✓	✓	✓	✓
Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa PVC, bọc lưới Inox 304		✓		✓	✓	✓	✓	✓

BẢNG CẤP ĐỘ BẢO VỆ IP - INTERNATIONAL PROTECTION

IP

Khả năng chống vật lạ xâm nhập Prevent solid class		
	Test	Protection
0		Không có bảo vệ Inherent protection
1		Chống các vật thể có kích thước lớn hơn 50 mm xâm nhập Protected against solid bodies larger than 50 mm, (e.g: accidental contact with the hand)
2		Chống các vật thể có kích thước lớn hơn 12.5 mm xâm nhập Protected against solid bodies larger than 12.5 mm, (e.g: finger of the hand)
3		Chống các vật thể có kích thước lớn hơn 2.5 mm xâm nhập Protected against solid bodies larger than 2.5 mm, (tools, wires)
4		Chống các vật thể có kích thước lớn hơn 1 mm xâm nhập Protected against solid bodies larger than 1 mm, (fine tools, small wires)
5		Chống bụi xâm nhập Protected against dust (No harmful deposit)
6		Chống bụi xâm nhập hoàn toàn Completely protected against dust

Khả năng chống vật lạ xâm nhập Prevent solid class		
	Test	Protection
0		Không có bảo vệ Inherent protection
1		Bảo vệ chống lại những giọt nước rơi theo phương thẳng đứng (dạng đặc) Protected against vertically falling drops of water (condensation)
2		Bảo vệ chống lại những giọt nước rơi theo phương thẳng đứng và nghiêng 15° Protected against drop of water falling at up to 15° from the vertical
3		Bảo vệ chống lại những giọt nước mưa rơi theo phương thẳng đứng và nghiêng 60° Protected against drop of rainwater at up to 60° from the vertical
4		Bảo vệ chống lại sự phun nước theo mọi hướng Protected against projections of water from all directions
5		Bảo vệ chống lại những tia nước theo mọi hướng Protected against projections of water from all directions
6		Bảo vệ chống lại những tia nước có áp lực Completely protected against jets of water of similar force to heavy seas
7		Bảo vệ chống lại những tác động của việc ngâm trong nước Protected against the effects of immersion
8		Bảo vệ chống lại những tác động lâu dài của việc ngâm trong nước Protected against effects of prolonged immersion under specified conditions

IV. PHỤ KIỆN ỐNG RUỘT GÀ LỖI THÉP

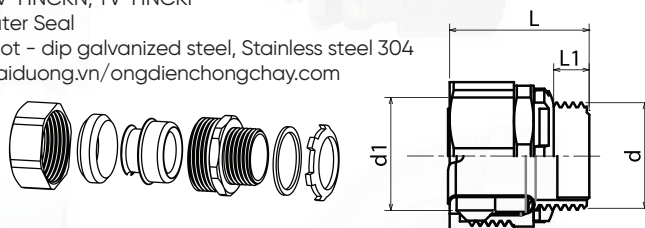
STEEL CORE FLEXIBLE CONDUIT ACCESSORIES

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KÍN NƯỚC VÀO HỘP ĐIỆN WATERPROOF BOX CONNECTOR



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-HNCK, TV-HNCKN, TV-HNCKI
- Đặc trưng/Features: Straight, Water Seal
- Vật liệu (Material): Zinc Alloy, Hot - dip galvanized steel, Stainless steel 304
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications				
Zinc Alloy	Hot - dip galvanized steel	Inox 304	Kích thước - Size (Inch)	d (mm)	d1 (mm)	L1 (mm)	L (mm)
TV-HNCK-12				20.4	19	11.8	32
TV-HNCK-16	TV-HNCKN-16	TV-HNCKI-16	1/2	20.4	22	11.8	38
TV-HNCK-22	TV-HNCKN-22	TV-HNCKI-22	3/4	26	28	15.8	40
TV-HNCK-28	TV-HNCKN-28	TV-HNCKI-28	1	32.7	34	15.8	41
TV-HNCK-36	TV-HNCKN-36	TV-HNCKI-36	1 1/4	41.2	43.5	19	52
TV-HNCK-42	TV-HNCKN-42	TV-HNCKI-42	1 1/2	47.3	49	19	50
TV-HNCK-54	TV-HNCKN-54	TV-HNCKI-54	2	59.1	60.4	21	56
TV-HNCK-70	TV-HNCKN-70		2 1/2	73	74	24	66
TV-HNCK-80	TV-HNCKN-80		3	87.5	90	26	73
TV-HNCK-100	TV-HNCKN-100		4	112.3	114	30	81

Đặc điểm/Characteristic

- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -20 độC đến +90 độC
- Đánh giá IP/IP Rating: IP65
- Tiêu chuẩn/Standard: Jis C 8350
- Chứng chỉ/Certificate:

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KHÔNG KÍN NƯỚC VÀO HỘP ĐIỆN NON-WATERTIGHT CONDUIT CONNECTOR TO ELECTRICAL B



Thông tin sản phẩm/ Production informations

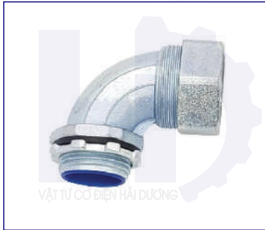
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-HNCQ
- Đặc trưng/Features: Straight, Water Seal
- Vật liệu (Material): Zinc Alloy
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước - Size (Inch)	d (mm)	d1 (mm)	L1 (mm)	L (mm)
TV-HNCQ-16	1/2	20.4	22	11.8	38
TV-HNCQ-22	3/4	26	28	15.8	40
TV-HNCQ-28	1	32.7	34	15.8	41
TV-HNCQ-36	1 1/4	41.2	43.5	19	52
TV-HNCQ-42	1 1/2	47.3	49	19	50
TV-HNCQ-54	2	59.1	60.4	21	56

Đặc điểm/Characteristic

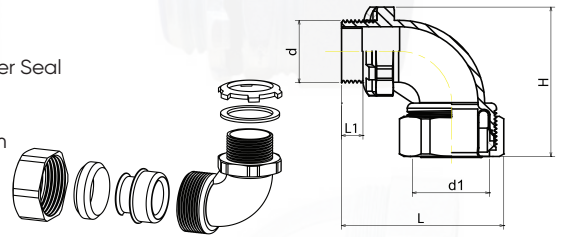
- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -20 độC đến +90 độC
- Đánh giá IP/IP Rating: IP65
- Tiêu chuẩn/Standard: Jis C 8350
- Chứng chỉ/Certificate:
- Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KÍN NƯỚC VÀO HỘP ĐIỆN WATERPROOF BOX CONNECTOR



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HNCKV
- **Đặc trưng/Features:** 90 Degree Elbowt, Water Seal
- **Vật liệu (Material):** Zinc Alloy
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn
ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Kích thước danh nghĩa - Size		Thông số kỹ thuật - Specifications				
	mm	Inch	d (mm)	d1 (mm)	L1 (mm)	L (mm)	H (mm)
TV-HNCKV-16	15	1/2	20.4	22.0	11.8	28.0	32.0
TV-HNCKV-22	20	3/4	26.0	28.0	15.8	36.0	42.0
TV-HNCKV-28	25	1	32.7	34.0	15.8	40.0	44.0
TV-HNCKV-36	32	1 1/4	41.2	43.5	19.0	50.0	55.0
TV-HNCKV-42	40	1 1/2	47.3	49.0	19.0	54.0	59.0
TV-HNCKV-54	50	2	59.1	60.4	21.0	64.0	66.0
TV-HNCKV-70	63	2 1/2	73.0	74.0	24.0	70.0	77.0
TV-HNCKV-80	80	3	87.5	90.0	26.0	84.0	94.0
TV-HNCKV-100	100	4	112.3	114.0	30.0	100.0	110.0

Đặc điểm/Characteristic

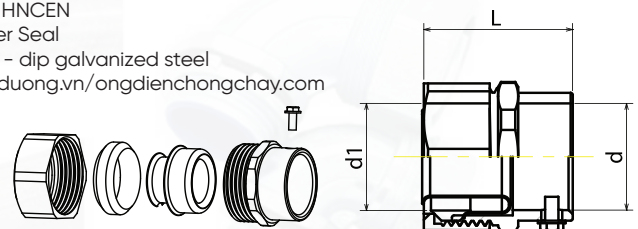
- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -20 độC đến +90 độC
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP65
- **Tiêu chuẩn/Standard:** Jis C 8350
- **Chứng chỉ/Certificate:**
- **Chú ý/Notes:** Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KÍN NƯỚC VÀO ỐNG THÉP TRƠN EMT WATERPROOF FLEXIBLE CONDUIT TO SMOOTH STEEL EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HNCE, TV-HNCEN
- **Đặc trưng/Features:** Straight, Water Seal
- **Vật liệu (Material):** Zinc Alloy, Hot - dip galvanized steel
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Zinc Alloy	Hot - dip galvanized steel	Kích thước - Size (Inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
TV-HNCE-16	TV-HNCEN-16	1/2	19.5	22.0	38.0
TV-HNCE-22	TV-HNCEN-22	3/4	25.8	28.0	40.0
TV-HNCE-28	TV-HNCEN-28	1	31.8	34.0	41.0
TV-HNCE-36	TV-HNCEN-36	1 1/4	38.6	43.5	52.0
TV-HNCE-42	TV-HNCEN-42	1 1/2	45.5	49.0	50.0
TV-HNCE-54	TV-HNCEN-54	2	56.3	60.4	56.0
TV-HNCE-70	TV-HNCEN-70	2 1/2	77.0	74.0	66.0
TV-HNCE-80	TV-HNCEN-80	3	89.9	90.0	73.0
TV-HNCE-100	TV-HNCEN-100	4	115.1	114.0	81.0

Đặc điểm/Characteristic

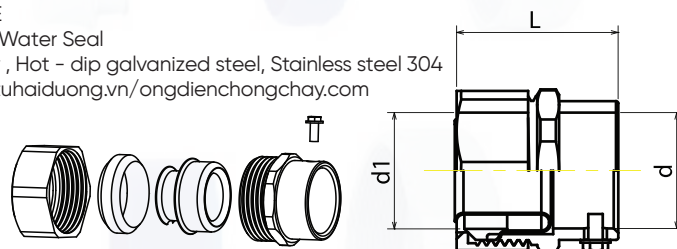
- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -20 độC đến +90 độC
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP65
- **Tiêu chuẩn/Standard:** Jis C 8350
- **Chứng chỉ/Certificate:**
- **Chú ý/Notes:** Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KÍN NƯỚC VÀO ỐNG THÉP HÒA PHÁT WATERTIGHT CONNECTOR TO HOA PHAT STEEL PIPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-HNCE
- Đặc trưng/Features: Straight, Water Seal
- Vật liệu (Material): Zinc Alloy, Hot - dip galvanized steel, Stainless steel 304
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước- Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
TV-HNCE-16B	21	22.0	22.0	38.0
TV-HNCE-22B	27	28.0	28.0	40.0
TV-HNCE-28B	33	34.0	34.0	41.0
TV-HNCE-36B	42	43.0	43.5	52.0
TV-HNCE-42B	48	50.0	49.0	50.0
TV-HNCE-54B	60	62.0	60.4	56.0

Đặc điểm/Characteristic

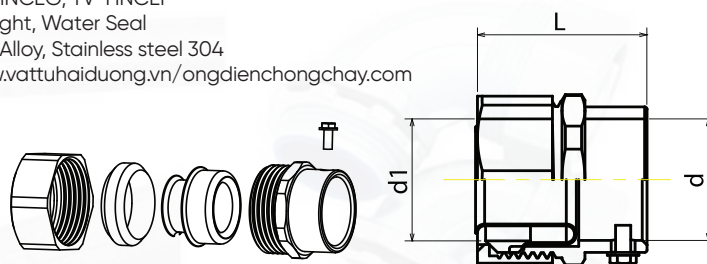
- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -20 độC đến +90 độC
- Đánh giá IP/IP Rating: IP65
- Tiêu chuẩn/Standard: Jis C 8350
- Chứng chỉ/Certificate:
- Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KÍN NƯỚC VÀO ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E, INOX WATERPROOF FLEXIBLE CONDUIT TO SMOOTH STEEL JDG, SC, E CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-HNCEG, TV-HNCEI
- Đặc trưng/Features: Straight, Water Seal
- Vật liệu (Material): Zinc Alloy, Stainless steel 304
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com
- Product Photo:



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Zinc Alloy	Inox 304	Kích thước- Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
TV-HNCEG-20	TV-HNCEI-19	19/20	21.0	22.0	38.0
TV-HNCEG-25	TV-HNCEI-25	25	26.0	28.0	40.0
TV-HNCEG-32	TV-HNCEI-31	31/32	33.0	34.0	41.0
TV-HNCEG-40	TV-HNCEI-40	39/40	41.0	43.5	52.0
TV-HNCEG-50	TV-HNCEI-50	50/51	52.0	49.0	50.0

Đặc điểm/Characteristic

- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -20 độC đến +90 độC
- Đánh giá IP/IP Rating: IP65
- Tiêu chuẩn/Standard: Jis C 8350
- Chứng chỉ/Certificate:
- Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KÍN NƯỚC VÀO ỐNG THÉP REN IMC/ RSC WATERTIGHT FLEXIBLE CONNECTOR TO IMC/ RSC THREADED STEEL PIPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-HNCC, TV-HNCCN, TV-HNCCI
- Đặc trưng/Features: Straight, Water Seal
- Vật liệu (Material): Zinc Alloy, Hot - dip galvanized steel, Stainless steel 304
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

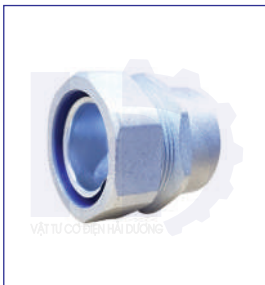


Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Zinc Alloy	Hot - dip galvanized steel	Inox 304	Kích thước - Size (Inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
TV-HNCC-16	TV-HNCCN-16	TV-HNCCI-16	1/2	20.4	22	38
TV-HNCC-22	TV-HNCCN-22	TV-HNCCI-22	3/4	26	28	40
TV-HNCC-28	TV-HNCCN-28	TV-HNCCI-28	1	32.7	34	41
TV-HNCC-36	TV-HNCCN-36	TV-HNCCI-36	1 1/4	41.2	43.5	52
TV-HNCC-42	TV-HNCCN-42	TV-HNCCI-42	1 1/2	47.3	49	50
TV-HNCC-54	TV-HNCCN-54	TV-HNCCI-54	2	59.1	60.4	56
TV-HNCC-70	TV-HNCCN-70		2 1/2	73	74	66
TV-HNCC-80	TV-HNCCN-80		3	87.5	90	73
TV-HNCC-100	TV-HNCCN-100		4	112.3	114	81

Đặc điểm/Characteristic

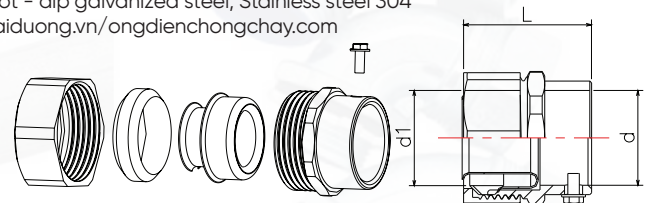
- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -20 độC đến +90 độC
- Đánh giá IP/IP Rating: IP65
- Tiêu chuẩn/Standard: Jis C 8350
- Chứng chỉ/Certificate:
- Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

ĐẦU NỐI ỐNG RUỘT GÀ KÍN NƯỚC VÀO ỐNG THÉP REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ SC WATERTIGHT FLEXIBLE CONNECTOR TO THREADED STEEL PIPE BS 4567/ BS 31/ JIS C 8305/ SC



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Mã sản phẩm/Series Code: TV-HNCB, TV-HNCBN
- Đặc trưng/Features: Straight, Water Seal
- Vật liệu (Material): Zinc Alloy, Hot - dip galvanized steel, Stainless steel 304
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com
- Product Photo:



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications		
Zinc Alloy	Hot - dip galvanized steel	Kích thước- Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
TV-HNCB-20	TV-HNCBN-20	19/20	19	22.0	38.0
TV-HNCB-25	TV-HNCBN-25	25	24	28.0	40.0
TV-HNCB-32	TV-HNCBN-32	31/32	31	34.0	41.0
TV-HNCB-40	TV-HNCBN-40	39/40	39	43.5	52.0
TV-HNCB-50	TV-HNCBN-50	50/51	49	49.0	50.0

Đặc điểm/Characteristic

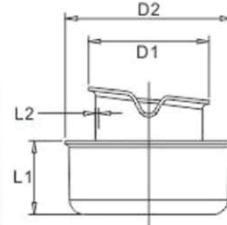
- Nhiệt độ sử dụng/Temperature range: -20 độC đến +90 độC
- Đánh giá IP/IP Rating: IP65
- Tiêu chuẩn/Standard: Jis C 8350
- Chứng chỉ/Certificate:
- Chú ý/Notes: Dung sai/Tolerance Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

KHÓA CUỐI ỐNG RƯỢT GÀ FERRULE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HNKB
- **Đặc trưng/Features:** Straight, Water Seal
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (galvanized steel)/Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot - dip galvanized steel) / Stainless steel 304
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com
- **Product Photo:**



Mã sản phẩm - Product code			Kích thước danh nghĩa - Size		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Zinc Alloy	Hot - dip galvanized steel	Inox 304	mm	Inch	d (mm)	d1 (mm)	L1 (mm)	L (mm)
TV-HNKB-12			12	3/8	15.0	21.0	8.5	0.5
TV-HNKB-16	TV-HNKBN-16	TV-HNKBI-16	15	1/2	19.0	25.0	10.0	0.5
TV-HNKB-22	TV-HNKBN-22	TV-HNKBI-22	20	3/4	23.5	30.5	10.0	0.5
TV-HNKB-28	TV-HNKBN-28	TV-HNKBI-28	25	1	29.5	38.0	12.0	0.5
TV-HNKB-36	TV-HNKBN-36	TV-HNKBI-36	32	1 1/4	38.0	46.5	12.3	0.5
TV-HNKB-42	TV-HNKBN-42	TV-HNKBI-42	40	1 1/2	43.0	48.5	14.5	0.5
TV-HNKB-54	TV-HNKBN-54	TV-HNKBI-54	50	2	55.0	64.8	14.5	0.5
TV-HNKB-70	TV-HNKBN-70		63	2 1/2	68.0	74.5	15.8	0.5
TV-HNKB-80	TV-HNKBN-80		80	3	83.0	94.5	17.3	0.6
TV-HNKB-100	TV-HNKBN-100		100	4	105.0	119.5	17.3	0.6

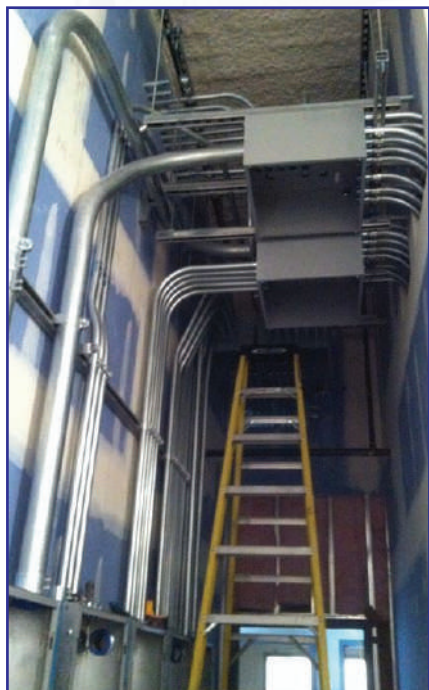
Đặc điểm/Characteristic

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -20 độC đến +90 độC
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP65
- **Tiêu chuẩn/Standard:** Jis C 8350
- **Chứng chỉ/Certificate:**
- **Hình ảnh liên kết/profile:**



- **Chú ý/Notes:** Dung sai/olerance

Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm



V. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN

EMT STEEL CONDUIT ACCESSORIES



A. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN TRƠN EMT EMT STEEL CONDUIT ACCESSORIE



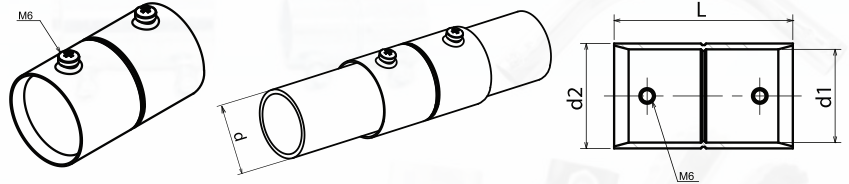
Địa chỉ - Văn phòng giao dịch: Số 3, Ngõ 97 đường Gia Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Address - Transaction office: No. 3, Alley 97, Gia Thuong Street, Thuong Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi City
Hotline: 024.66.58.55.44 - Email: vattuhaiduong@gmail.com

KHỚP NỐI ỐNG THÉP TRƠN EMT - EMT CONDUIT COUPLING



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications				
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
AMCE012	AMCEN012	1/2	17.93	18.50	21.50	45.00
AMCE034	AMCEN034	3/4	23.42	24.00	27.00	61.00
AMCE100	AMCEN100	1	29.54	30.20	34.20	63.00
AMCE114	AMCEN114	1 1/4	38.35	39.00	43.00	72.00
AMCE112	AMCEN112	1 1/2	44.20	44.80	48.80	83.00
AMCE200	AMCEN200	2	55.80	56.50	60.50	95.00
AMCE212	AMCEN212	2 1/2	73.03	74.00	80.00	109.00
AMCE300	AMCEN300	3	88.70	90.50	96.50	114.00
AMCE400	AMCEN400	4	113.50	115.50	121.50	124.00
AMCE500	AMCEN500	5	126.80	127.50	134.00	130.00
AMCE600	AMCEN600	6	168.30	169.80	176.80	136.00

ĐẦU NỐI ỐNG THÉP TRƠN EMT VỚI HỘP ĐIỆN - BOX CONNECTOR FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3), Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications					
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDAT012	HDATN012	1/2	18.50	21.50	20.70	12.00	35.00
HDAT034	HDATN034	3/4	24.00	27.00	26.14	13.00	39.00
HDAT100	HDATN100	1	30.20	34.20	32.77	14.00	43.00
HDAT114	HDATN114	1 1/4	43.00	43.00	41.59	14.00	51.00
HDAT112	HDATN112	1 1/2	48.80	48.80	47.81	14.00	62.00
HDAT200	HDATN200	2	60.50	60.50	59.93	17.00	77.00
HDAT212	HDATN212	2 1/2	80.00	80.00	72.56	21.00	86.00
HDAT300	HDATN300	3	96.50	96.50	88.29	23.00	94.00
HDAT400	HDATN400	4	115.50	121.50	113.43	23.00	107.00

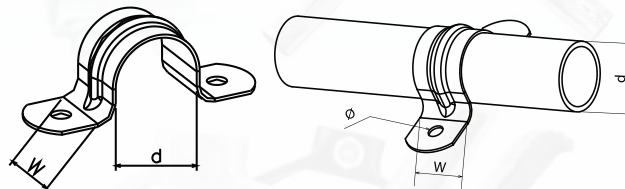
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

KẸP ỐNG THÉP TRƠN EMT KHÔNG ĐẾ, 2 LỖ TWO HOLE SADDLE FOR EMT WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3), Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



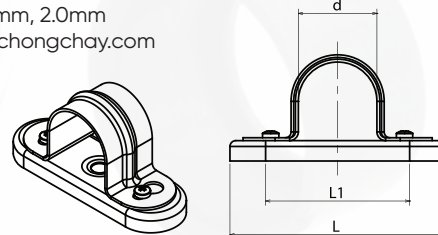
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4 (**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKE012	HDKEN012	1/2	17.93	20.00	6.00
HDKE034	HDKEN034	3/4	23.42	22.00	6.00
HDKE100	HDKEN100	1	29.54	22.00	6.00
HDKE114	HDKEN114	1 1/4	38.35	22.00	6.00
HDKE112	HDKEN112	1 1/2	44.20	22.00	6.00
HDKE200	HDKEN200	2	55.80	22.00	6.00
HDKE212	HDKEN212	2 1/2	73.05	25.00	9.00
HDKE300	HDKEN300	3	88.30	25.00	9.00
HDKE400	HDKEN400	4	113.50	25.00	9.00

KẸP ỐNG THÉP TRƠN EMT CÓ ĐẾ SADDLE FOR EMT WITH BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3), Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4 (**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDKDE012	HDKDEN012	1/2	17.93	50.00	70.00
HDKDE034	HDKDEN034	3/4	23.42	50.00	70.00
HDKDE100	HDKDEN100	1	29.54	50.00	70.00
HDKDE114	HDKDEN114	1 1/4	38.35	60.00	80.00
HDKDE112	HDKDEN112	1 1/2	44.20	70.00	90.00
HDKDE200	HDKDEN200	2	55.80	80.00	100.00

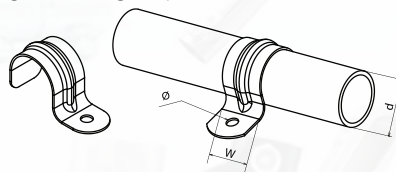
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

KẸP ỐNG THÉP TRƠN EMT KHÔNG ĐẾ- 1 LỖ ONE HOLRSADDLE FOR EMT WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3),
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4 (**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKME012	HDKMEN12	1/2	17.93	22.00	6.00
HDKME034	HDKMEN34	3/4	23.42	22.00	6.00
HDKME100	HDKMEN100	1	29.54	22.00	6.00
HDKME114	HDKMEN114	1 1/4	38.35	22.00	6.00
HDKME112	HDKMEN112	1 1/2	44.20	22.00	6.00
HDKME200	HDKMEN200	2	55.80	22.00	6.00

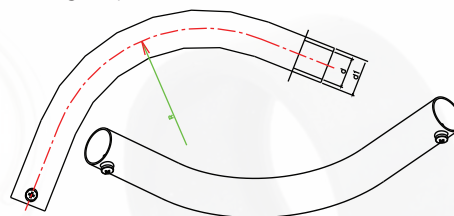
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

CO CONG TRƠN 90 ĐỘ ỐNG EMT SCREW ELBOW 90 DEGREES FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3),
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm Pre-Galvanized steel (*)	Mạ nhúng nóng Hot - dip galvanized steel - Class 4 (**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	R (mm)
COE012	COEN012	1/2	18.5	21.5	165
COE034	COEN034	3/4	24.0	27.0	170
COE100	COEN100	1	30.2	34.2	190
COE114	COEN114	1 1/4	39.0	43.0	275
COE112	COEN112	1 1/2	44.8	48.8	320
COE200	COEN200	2	56.5	60.5	380
COE212	COEN212	2 1/2	74.0	80.0	510
COE300	COEN300	3	90.5	96.5	630
COE400	COEN400	4	115.5	121.5	690

Chú ý/Note:

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình ≤ 15 micron

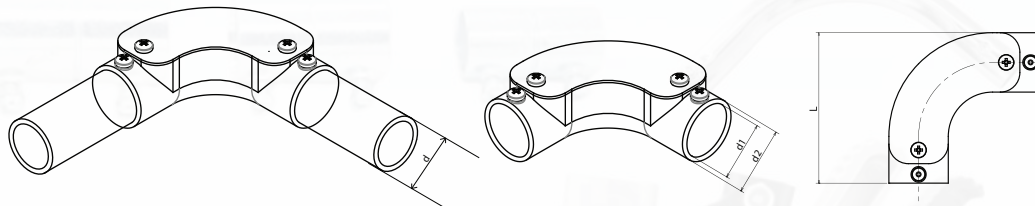
(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình ≥ 45 micron (ASTM A123)

CO ĐÚC 90 ĐỘ CHO ỐNG THÉP LUỐN DÂY ĐIỆN TRƠN EMT INSPECTION THREADED ELBOW FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



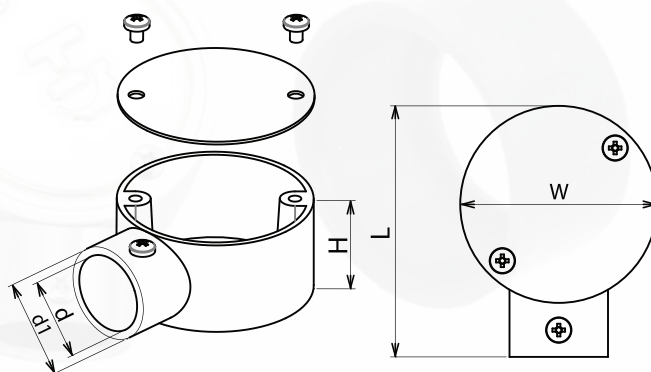
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
CNE012	1/2	17.93	19.20	25.30	57.90
CNE034	3/4	23.42	23.90	30.70	64.30
CNE100	1	29.54	29.90	38.40	74.80
CNE114	1 1/4	38.35	39.60	49.50	98.70
CNE112	1 1/2	44.20	45.00	54.90	112.60

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỐN DÂY ĐIỆN 1 NGẢ TRƠN EMT CIRCULAR SURFACE BOX 1 OUTLET FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Tiêu chuẩn (Standard):** BS 4568 - IEC 60670
- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class):** IP 30
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



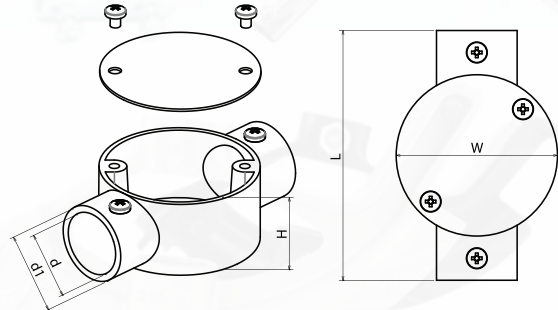
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HE012	1/2	19.20	25.30	27.80	74.00	61.10
HE034	3/4	23.90	30.70	31.30	80.00	61.10
HE100	1	29.90	38.40	40.80	96.50	73.10
HE114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	120.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 2 NGÃ THẲNG TRƠN EMT CIRRCULAR SURACE BOX STRAIGHT 2 OUTLET FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



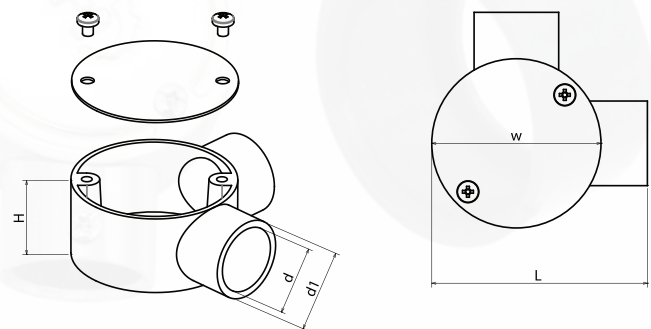
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HET012	1/2	19.20	25.30	27.80	90.50	61.10
HET034	3/4	23.90	30.70	31.30	95.30	61.10
HET100	1	29.90	38.40	40.80	118.50	73.10
HET114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	148.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 2 NGÃ VUÔNG TRƠN EMT CIRRCULAR SURACE BOX ANGLE 2 OUTLET FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



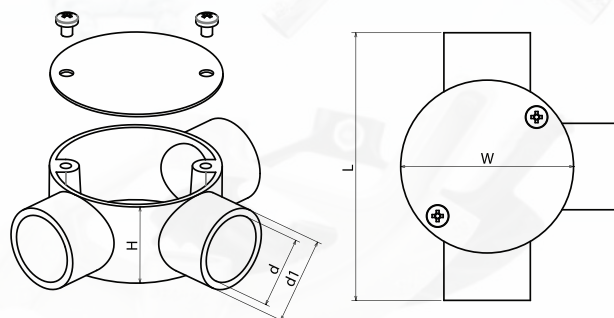
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HEV012	1/2	19.20	25.30	27.80	74.00	61.10
HEV034	3/4	23.90	30.70	31.30	80.00	61.10
HEV100	1	29.90	38.40	40.80	96.50	73.10
HEV114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	120.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 3 NGÀ TRƠN EMT CIRCULAR SURFACE BOX 3 OUTLET FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



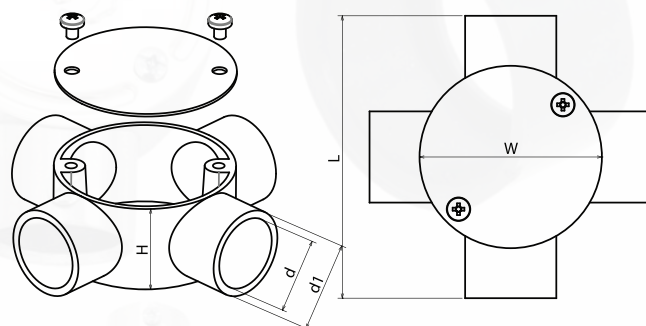
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HE3012	1/2	19.20	25.30	27.80	90.50	61.10
HE3034	3/4	23.90	30.70	31.30	95.30	61.10
HE3100	1	29.90	38.40	40.80	118.50	73.10
HE3114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	148.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 3 NGÀ TRƠN EMT CIRCULAR SURFACE BOX 3 OUTLET FOR EMT CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HE4012	1/2	19.20	25.30	27.80	90.50	61.10
HE4034	3/4	23.90	30.70	31.30	95.30	61.10
HE4100	1	29.90	38.40	40.80	118.50	73.10
HE4114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	148.80	97.90

ĐẦU BỊT KÉO CÁP CHỐNG XƯỚC CHO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN PVC GROMMET FOR STEEL CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Nhựa PVC (PVC)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Mã sản phẩm - Product code
HNDBE012	1/2
HNDBE034	3/4
HNDBE100	1
HNDBE114	1 1/4
HNDBE112	1 1/2
HNDBE200	2
HNDBE212	2 1/2
HNDBE300	3
HNDBE400	4

DỤNG CỤ BÉ ỐNG CONDUIT BENDER



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép (Steel) - Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

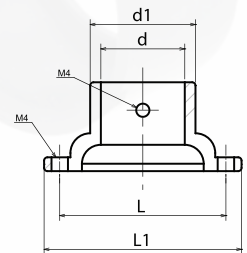
Mã sản phẩm - Product code		Kích thước/ Size (Inch)
Thép (Steel)	Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	
EU012	EUA012	1/2
EU034	EUA034	3/4
EU100	EUA100	1

NẮP HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN TRƠN 1 NGÁ DOME COVER OF CIRCULAR SURFACE BOX 1 WAY SCREW OUTLET



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)	L1 (mm)
NHT012	1/2	18.60	25.30	50.00	61.10
NHT034	3/4	24.50	30.70	50.00	61.10

B. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E
JDG, SC, E STEEL CONDUIT ACCESSORIE



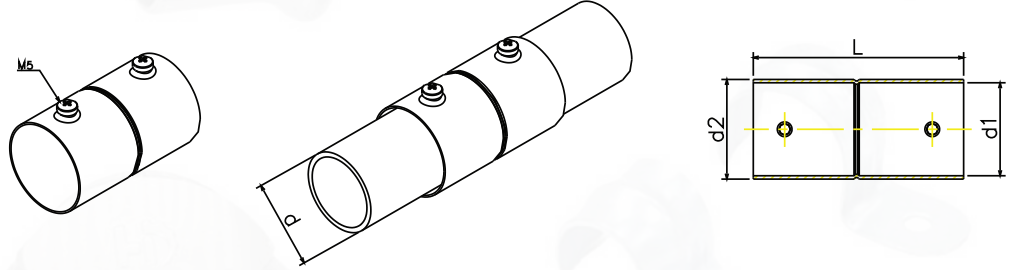
Địa chỉ - Văn phòng giao dịch: Số 3, Ngõ 97 đường Gia Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Address - Transaction office: No. 3, Alley 97, Gia Thuong Street, Thuong Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi City
Hotline: 024.66.58.55.44 - Email: vattuhaiduong@gmail.com

KHỚP NỐI ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E JDG, SC, E STEEL CONDUIT COUPLING



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



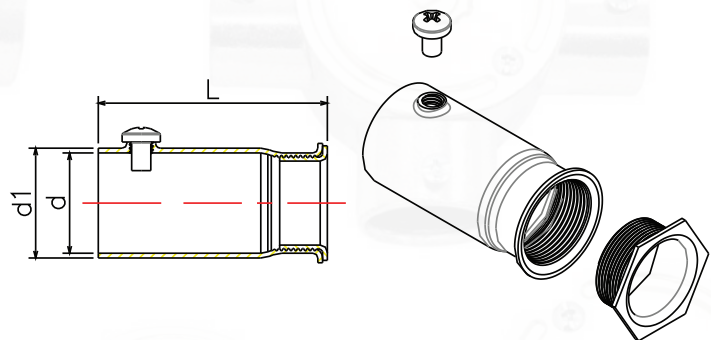
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications				
Dùng cho ống E	Dùng cho ống JDG/SC	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
AMCE19	JDGC20	20(19)	20.00	20.60	23.20	45.00
AMCE25	JDGC25	25	25.00	26.20	29.20	61.00
AMCE31	JDGC32	32(31)	32.00	32.50	34.90	63.00
AMCE39	JDGC40	40(39)	40.00	40.80	44.00	72.00
AMCE51	JDGC50	50(51)	50.00	51.00	55.20	83.00

ĐẦU NỐI ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E VÀO HỘP ĐIỆN KIỂU REN TRONG JDG, SC, JDG STEEL CONDUIT CONNECTOR WITH BOX INSIDE THREAD TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Tiêu chuẩn (Standard):** JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



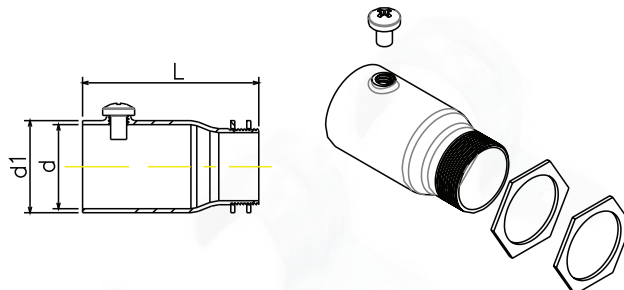
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
JDGCB20A	20(19)	20.60	23.20	45.00
JDGCB25A	25	26.20	29.20	61.00
JDGCB32A	32(31)	32.50	34.90	63.00
JDGCB40A	40(39)	40.80	44.00	72.00
JDGCB50A	50(51)	51.00	55.20	83.00

ĐẦU NỐI ỐNG THÉP JDG, SC, E VÀO HỘP ĐIỆN KIỂU REN NGOÀI JDG, SC, E STEEL CONDUIT CONNECTOR WITH BOX OUTSIDE THREAD TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



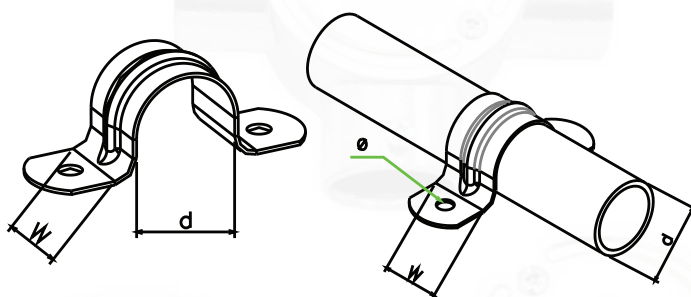
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Dùng cho ống E	Dùng cho ống JDG/SC	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
HDAT19	JDGCB20B	20(19)	20.60	23.20	45.00
HDAT25	JDGCB25B	25	26.20	29.20	61.00
HDAT31	JDGCB32B	32(31)	32.50	34.90	63.00
HDAT39	JDGCB40B	40(39)	40.80	44.00	72.00
HDAT51	JDGCB50B	50(51)	51.00	55.20	83.00

KẸP ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E KHÔNG ĐỂ, 2 LỖ TWO HOLE SADDLE FOR JDG, SC, E CONDUIT WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKG20	HDKGN20	20(19)	20.00	22.00	6.00
HDKG25	HDKGN25	25	25.00	22.00	6.00
HDKG32	HDKGN32	32(31)	32.00	22.00	6.00
HDKG40	HDKGN40	40(39)	40.00	22.00	6.00
HDKG50	HDKGN50	50(51)	50.00	22.00	6.00

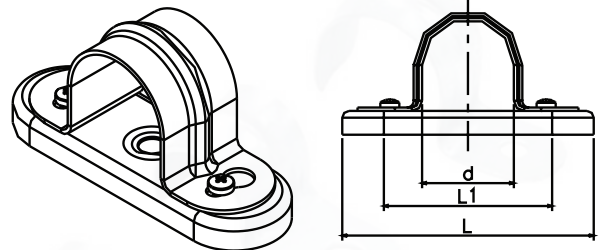
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm))

KẸP ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E CÓ ĐẾ SADDLE FOR JDG, SC, E CONDUIT WITH BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Độ dày (Thickness): 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



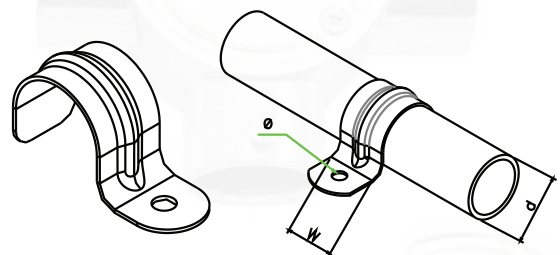
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDKDG20	HDKDGN20	20(19)	20.00	50.00	70.00
HDKDG25	HDKDGN25	25	25.00	50.00	70.00
HDKDG32	HDKDGN32	32(31)	32.00	50.00	70.00
HDKDG40	HDKDGN40	40(39)	40.00	60.00	80.00
HDKDG50	HDKDGN50	50(51)	50.00	70.00	90.00

KẸP ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E KHÔNG ĐẾ, 1 LỖ ONE HOLE SADDLE FOR JDG, SC, E CONDUIT WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Độ dày (Thickness): 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKMG20	HDKMGN20	20(19)	20.00	22.00	6.00
HDKMG25	HDKMGN25	25	25.00	22.00	6.00
HDKMG32	HDKMGN32	32(31)	32.00	22.00	6.00
HDKMG40	HDKMGN40	40(39)	40.00	22.00	6.00
HDKMG50	HDKMGN50	50(51)	50.00	22.00	6.00

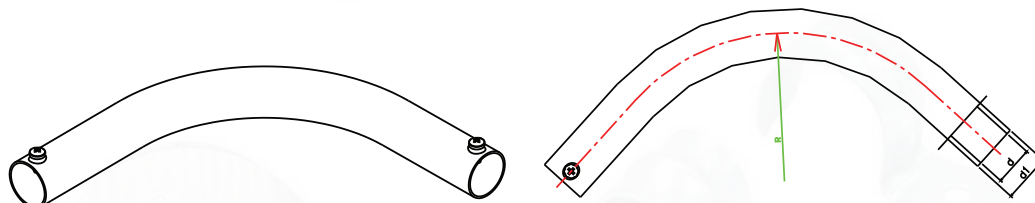
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

CO CONG CHO ỐNG THÉP JDG, SC, E JDG, SC, E STEEL CONDUIT ELBOW SCREW TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm Class 3 (Pre- galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel (*)	Mạ kẽm nhúng nóng/ Hot dip galvanized steel (**)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	R (mm)
COG20	COGN20	20(19)	21.0	23.4	170
COG25	COGN25	25	26.0	29.5	190
COG32	COGN32	32(31)	34.0	38.1	275
COG40	COGN40	40(39)	42.0	44.2	320
COG50	COGN50	50(51)	53.0	55.8	380

Đặc điểm/Characteristic

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình ≤ 15 micron

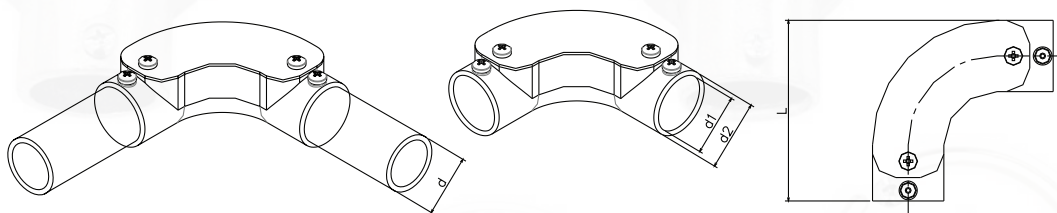
(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình ≥ 45 micron (ASTM A123)

CO ĐÚC CHO ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E JDG, SC, E STEEL CONDUIT ELBOW SCREW TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



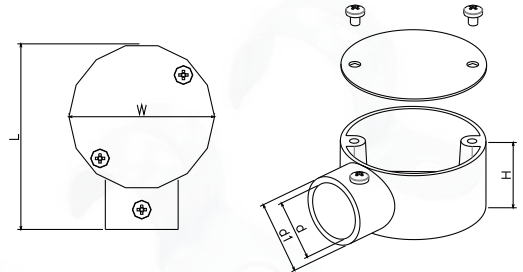
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
CNG20	20(19)	17.93	21.20	27.80	57.90
CNG25	25	23.42	26.30	33.20	64.30
CNG32	32(31)	29.54	33.20	29.50	74.80
CNG40	40(39)	38.35	41.50	49.80	98.70

HỘP NỐI MỘT NGẢ CHO ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E CURCULAR SURFACE BOX ONE OUTLET FOR JDG, SC, E CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



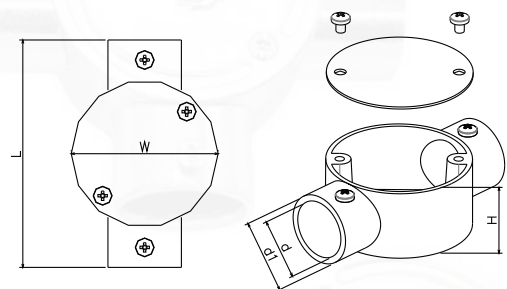
Thông số kỹ thuật - Specifications						
Mã sản phẩm Product code	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HG20	20(19)	20.00	21.20	27.80	74.00	61.10
HG25	25	25.00	26.30	33.20	80.00	61.10
HG32	32(31)	32.00	33.20	39.50	96.50	73.10
HG40	40(39)	40.00	49.50	49.80	120.80	97.90

HỘP NỐI HAI NGẢ THẲNG CHO ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E CURCULAR SURFACE BOX STRAIGHT TWO OUTLET FOR JDG, SC, E CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



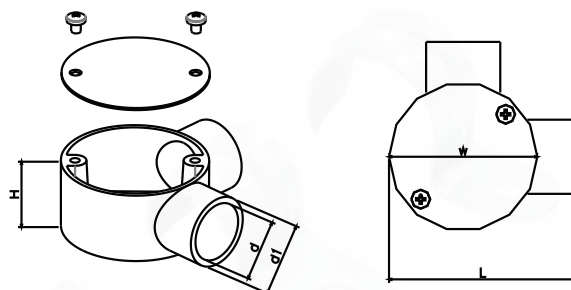
Thông số kỹ thuật - Specifications						
Mã sản phẩm Product code	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HGT20	20(19)	20.00	21.20	27.80	90.50	61.10
HGT25	25	25.00	26.30	33.20	95.30	61.10
HGT32	32(31)	32.00	33.20	39.50	118.50	73.10
HGT40	40(39)	40.00	49.50	49.80	148.80	97.90

HỘP NỐI HAI NGÁ VUÔNG CHO ỐNG THÉP TRƠN JDG, SC, E CURCULAR SURFACE BOX ANGLE TWO OUTLET FOR JDG, SC, E CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



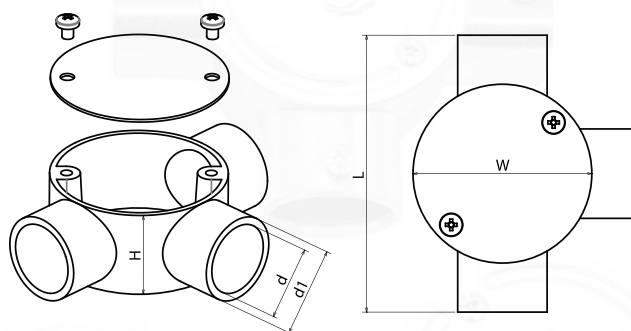
Thông số kỹ thuật - Specifications						
Mã sản phẩm Product code	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HGV20	20(19)	20.00	21.20	27.80	74.00	61.10
HGV25	25	25.00	26.30	33.20	80.00	61.10
HGV32	32(31)	32.00	33.20	39.50	96.50	73.10
HGV40	40(39)	40.00	49.50	49.80	120.80	97.90

HỘP NỐI BA NGÁ CHO ỐNG THÉP JDG, SC, E CURCULAR SURFACE BOX THREE OUTLET FOR JDG, SC, E CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



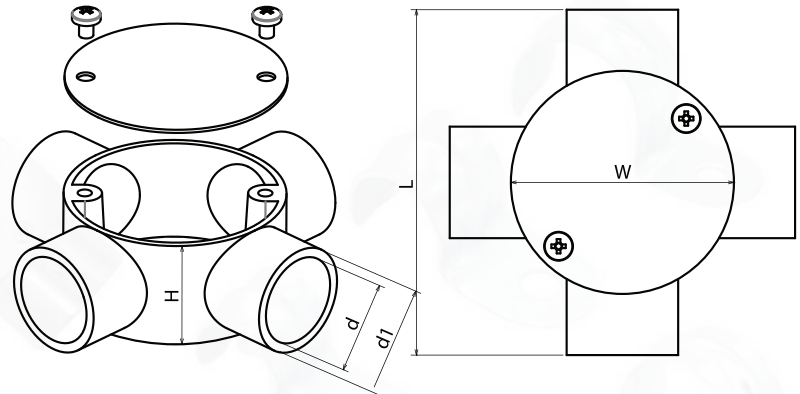
Thông số kỹ thuật - Specifications						
Mã sản phẩm Product code	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HG320	20(19)	20.00	21.20	27.80	90.50	61.10
HG325	25	25.00	26.30	33.20	95.30	61.10
HG332	32(31)	32.00	33.20	39.50	118.50	73.10
HG340	40(39)	40.00	49.50	49.80	148.80	97.90

HỘP NỐI BỐN NGÁ CHO ỐNG THÉP JDG, SC, E CURCULAR SURFACE BOX FOUR OUTLET FOR JDG, SC, E CONDUIT

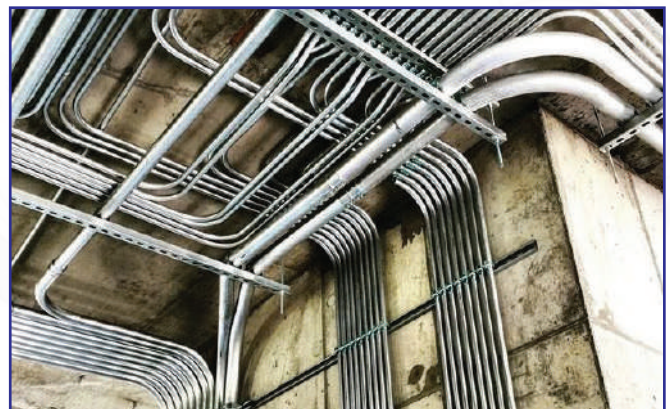


Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ ANSI/NEMA FB 1
- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn / ongdienchongchay.com



Thông số kỹ thuật - Specifications						
Mã sản phẩm Product code	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HG420	20(19)	20.00	21.20	27.80	90.50	61.10
HG425	25	25.00	26.30	33.20	95.30	61.10
HG432	32(31)	32.00	33.20	39.50	118.50	73.10
HG440	40(39)	40.00	49.50	49.80	148.80	97.90



C. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN TRƠN INOX 304

STAINLESS STEEL CONDUIT FITTING

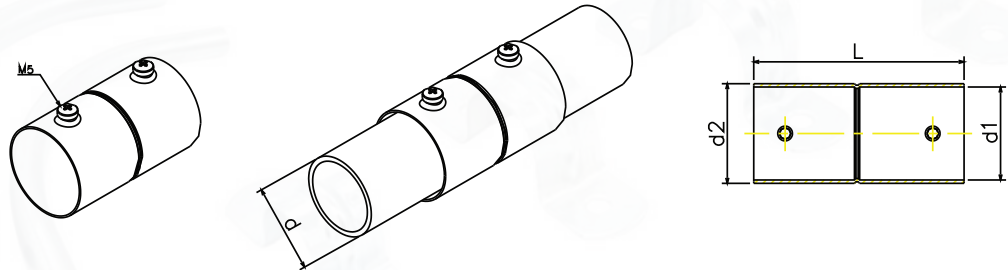


KHỚP NỐI ỐNG THÉP TRON INOX 304 CONDUIT COUPLING STAINLESS STEEL SUS304



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



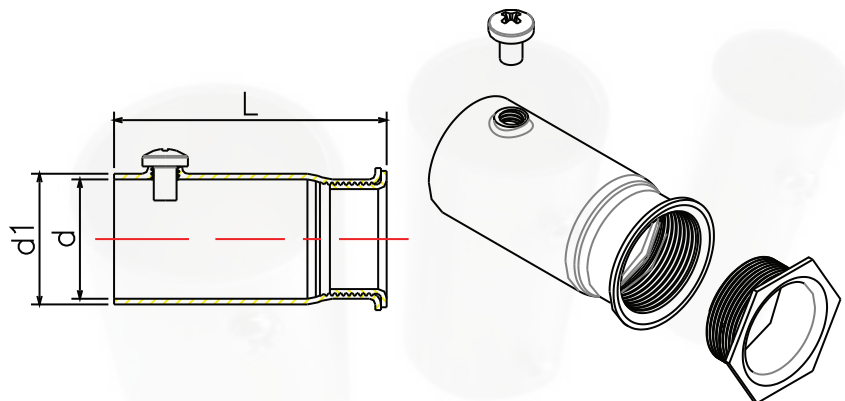
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
AMCEI19	19	19.1	20.60	23.20	45.00
AMCEI25	25	25.4	26.20	29.20	61.00
AMCEI31	31	31.8	32.50	34.90	63.00

ĐẦU NỐI ỐNG THÉP TRON INOX 304 VỚI HỘP ĐIỆN STAINLESS STEEL PIPE CONNECTOR TO ELECTRICAL BOX



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



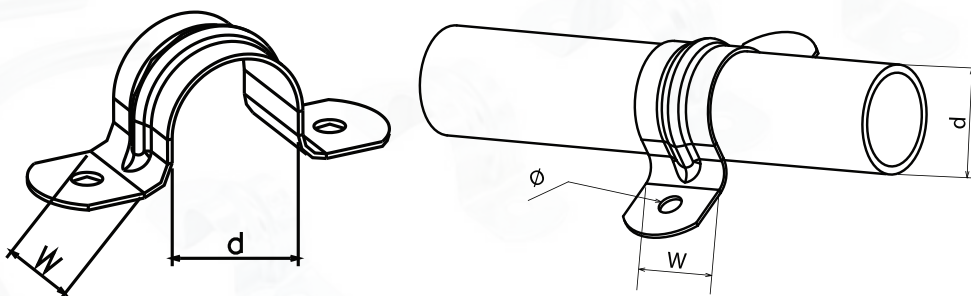
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
HDAI19	19	19.1	20.60	23.20	45.00
HDAI25	25	25.4	26.20	29.20	61.00
HDAI31	31	31.8	32.50	34.90	63.00

KẸP ỐNG INOX TRƠN KHÔNG ĐẾ, 2 LỖ SMOOTH STAINLESS STEEL PIPE CLAMP WITHOUT BASE, 2 HOLES



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



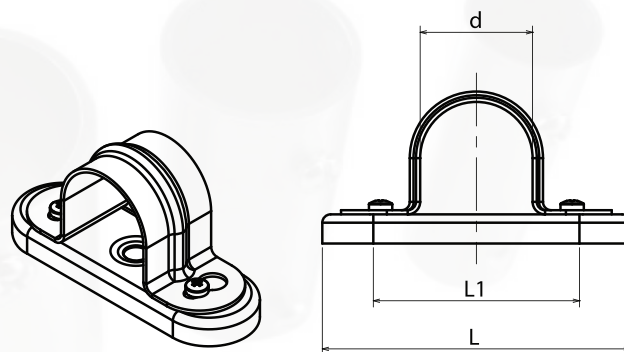
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	T (mm)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKEI19	19	1.2	19.1	22.00	6.00
HDKEI25	25	1.2	25.4	22.00	6.00
HDKEI31	31	1.2	31.8	22.00	6.00

KẸP ỐNG INOX TRƠN CÓ ĐẾ STAINLESS STEEL PIPE CLAMP WITH BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



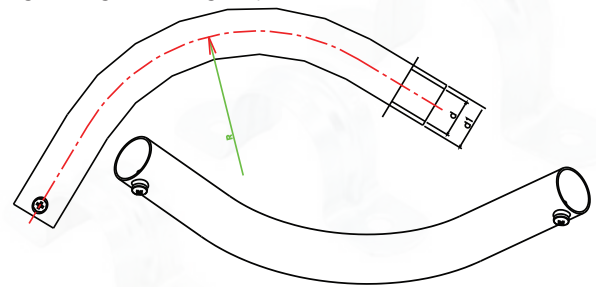
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	T (mm)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDKDEI19	19	1.2	19.1	50.00	70.00
HDKDEI25	25	1.2	25.4	50.00	70.00
HDKDEI31	31	1.2	31.8	50.00	70.00

CO CONG TRƠN CHO ỐNG INOX STAINLESS CONDUIT ELBOW



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	T (mm)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
COEI19	19	1.2	19.1	22.00	6.00
COEI25	25	1.2	25.4	22.00	6.00
COEI31	31	1.2	31.8	22.00	6.00

HỘP NỐI MỘT NGÁ CHO ỐNG INOX TRƠN ONE-WAY JUNCTION BOX FOR SMOOTH STAINLESS STEEL PIPE

Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class):** IP 30
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HEI19	19	dạng hộp vuông lắp thêm đầu nối, cần làm rõ kích thước hộp				
HEI25	25					
HEI31	31					

HỘP NỐI HAI NGÁ THẲNG CHO ỐNG INOX TRƠN TWO-WAY STRAIGHT JUNCTION BOX FOR SMOOTH STAINLESS STEEL PIPE

Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class):** IP 30
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HEIT19	19	dạng hộp vuông lắp thêm đầu nối, cần làm rõ kích thước hộp				
HEIT25	25					
HEIT31	31					

HỘP NỐI HAI NGÁ VUÔNG CHO ỐNG INOX TRƠN**SQUARE SEAL JUNCTION BOX FOR SMOOTH STAINLESS STEEL PIPE****Thông tin sản phẩm / Production informations**

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox304 (Stainless steel SUS304)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HEIV19	19	dạng hộp vuông lắp thêm đầu nối, cần làm rõ kích thước hộp				
HEIV25	25					
HEIV31	31					

HỘP NỐI BA NGÁ CHO ỐNG INOX TRƠN**THREE-WAY JUNCTION BOX FOR SMOOTH STAINLESS STEEL PIPE****Thông tin sản phẩm / Production informations**

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox304 (Stainless steel SUS304)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HEI319	19	dạng hộp vuông lắp thêm đầu nối, cần làm rõ kích thước hộp				
HEI325	25					
HEI331	31					

HỘP NỐI BỐN NGÁ CHO ỐNG INOX TRƠN**FOUR-WAY JUNCTION BOX FOR SMOOTH STAINLESS STEEL PIPE****Thông tin sản phẩm / Production informations**

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox304 (Stainless steel SUS304)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HEI419	19	dạng hộp vuông lắp thêm đầu nối, cần làm rõ kích thước hộp				
HEI425	25					
HEI431	31					

D. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN REN IMC / RSC IMC / RSC STEEL CONDUIT ACCESSORIES

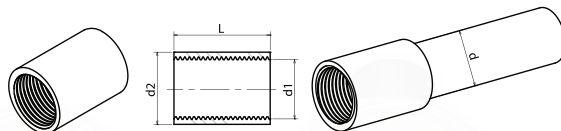


KHỚP NỐI ỐNG THÉP REN IMC / RSC IMC / RSC CONDUIT COUPLING



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ANSI/NEMA FB 1
- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Size (inch)	Thông số kỹ thuật - Specifications							
Thép mạ kẽm điện phân Pre-Galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanized steel		Thép mạ kẽm điện phân Pre-Galvanized steel				Thép mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanized steel			
			d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
AMCC012	AMCCN012	1/2					20.07	18.60	26.00	40.00
AMCC034	AMCCN034	3/4	26.14	24.95	28.90	38.50	26.14	24.50	32.00	40.00
AMCC100	AMCCN100	1	32.77	31.00	36.17	45.60	32.77	31.00	39.00	50.00
AMCC114	AMCCN114	1 1/4	41.59	39.40	44.95	48.13	41.59	39.60	48.00	52.00
AMCC112	AMCCN112	1 1/2	47.81	46.20	51.10	48.27	47.81	45.60	54.00	52.00
AMCC200	AMCCN200	2	59.93	58.00	63.58	54.30	59.93	57.10	68.00	55.00
AMCC212	AMCCN212	2 1/2					72.56	71.20	82.00	72.00
AMCC300	AMCCN300	3					88.29	84.20	99.00	84.00
AMCC400	AMCCN400	4					113.43	109.30	124.80	91.00

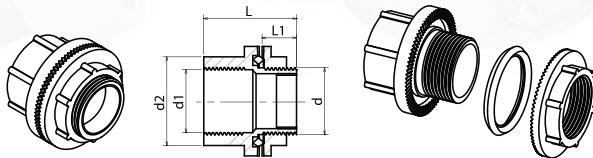
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

ĐẦU NỐI ỐNG THÉP REN IMC RSC VỚI HỘP ĐIỆN - WATER TIGHT HUBS



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ANSI/NEMA FB 1
- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Kẽm đúc (Zinc die cast),
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



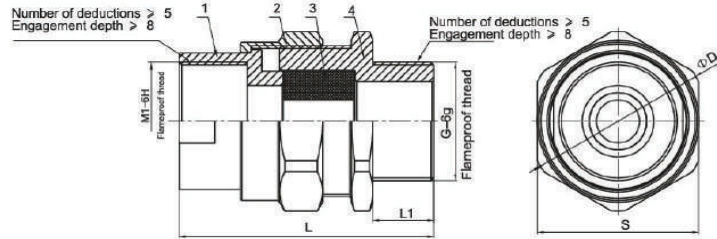
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications					
Kẽm đúc (Zinc die cast)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDCT012	HDCTN012	1/2	20.70	18.60	21.00	13.00	35.50
HDCT034	HDCTN034	3/4	26.14	24.50	32.00	14.00	37.50
HDCT100	HDCTN100	1	32.77	31.00	41.00	15.00	43.50
HDCT114	HDCTN114	1 1/4	41.59	39.60	47.00	17.00	46.00
HDCT112	HDCTN112	1 1/2	47.81	45.60	56.00	19.00	46.00
HDCT200	HDCTN200	2	59.93	57.10	67.00	20.00	64.00
HDCT212	HDCTN212	2 1/2	72.56	71.20	84.00	22.40	64.00
HDCT300	HDCTN300	3	88.29	84.20	100.00	23.80	64.00
HDCT400	HDCTN400	4	113.43	109.30	122.00	24.00	64.00

KHỚP NỐI LIÊN KẾT MỘT ĐẦU REN NGOÀI, MỘT ĐẦU REN TRONG IMC/RSC UNION COUPLING



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Mã sản phẩm (code): HDCUM
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Tiêu chuẩn (Standard): ANSI/ NEMA FB 1
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



1. Threaded joint
2. Compression nut
3. Sealing ring
4. Connector body

It is made of high-quality carbon steel, brass or stainless steel. The mechanical cable clamping device has strong waterproof performance. The inlet end has a threaded connection port for the introduction of unarmored cables.

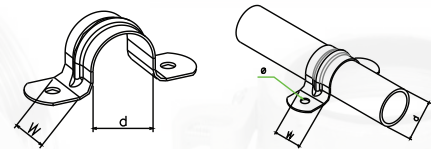
Pecifications (D)			Applicable cable sealing range (Ø)	Thread length (mm)	Length (L) (mm)	Opposite side /maximum outer diameter S(Ø)
Imperial	American	Metric				
G 1/2	NPT 1/2	M20 x 1.5	8-10	15	65	34/37
G 3/4	NPT 3/4	M25 x 1.5	9-14	15	65	38/42
G 1	NPT 1	M32 x 1.5	12-20	17	71	45/50
G 1 1/4	NPT 1 1/4	M40 x 1.5	14-23	17	77	55/61
G 1 1/2	NPT 1 1/2	M50 x 1.5	22-28	17	78	65/72
G 2	NPT 2	M63 x 1.5	25-37	19	84	81/86
G 2 1/2	NPT 2 1/2	M75 x 1.5	33-50	24	705	98/106
G 3	NPT 3/4	M90 x 1.5	47-63	26	111	113/119
G 4	NPT 4	M115 x 1.5	62-81	28	123	136/140

KỆP ỐNG THÉP REN IMC/RSC KHÔNG ĐẾ, 2 LỖ TWO HOLE SADDLE FOR IMC/RSC WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Mã sản phẩm (code): HDCUM
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Tiêu chuẩn (Standard): ANSI/ NEMA FB 1
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKI012	HDKIN012	1/2	20.70	20.00	6.00
HDKI034	HDKIN034	3/4	26.14	22.00	6.00
HDKI100	HDKIN100	1	32.77	22.00	6.00
HDKI114	HDKIN114	1 1/4	41.59	22.00	6.00
HDKI112	HDKIN112	1 1/2	47.81	22.00	6.00
HDKI200	HDKIN200	2	59.93	22.00	6.00
HDKI212	HDKIN212	2 1/2	72.56	25.00	9.00
HDKI300	HDKIN300	3	88.29	25.00	9.00
HDKI400	HDKIN400	4	113.43	25.00	9.00

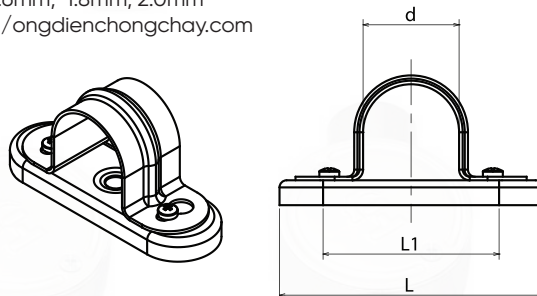
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

KẸP ỐNG THÉP REN IMC/RSC CÓ ĐẾ SADDLE FOR IMC/RSC WITH BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Độ dày (Thickness) :** 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



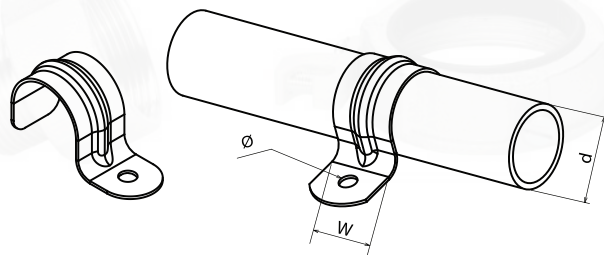
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDKDI012	HDKDIN012	1/2	20.70	50.00	70.00
HDKDI034	HDKDIN034	3/4	26.14	50.00	70.00
HDKDI100	HDKDIN100	1	32.77	50.00	70.00
HDKDI114	HDKDIN114	1 1/4	41.59	60.00	80.00
HDKDI112	HDKDIN112	1 1/2	47.81	70.00	90.00
HDKDI200	HDKDIN200	2	59.93	80.00	100.00

KẸP ỐNG THÉP REN IMC/RSC KHÔNG ĐẾ, 1 LỖ ONE HOLE SADDLE FOR IMC/RSC WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Độ dày (Thickness) :** 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKMI012	HDKMIN012	1/2	20.70	22.00	6.00
HDKMI034	HDKMIN034	3/4	26.14	22.00	6.00
HDKMI100	HDKMIN100	1	32.77	22.00	6.00
HDKMI114	HDKMIN114	1 1/4	41.59	22.00	6.00
HDKMI112	HDKMIN112	1 1/2	47.81	22.00	6.00
HDKMI200	HDKMIN200	2	59.93	22.00	6.00

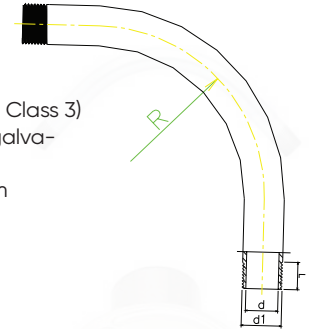
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

CO CONG REN IMC/RSC 90 ĐỘ THREAD ELBOW 90 ĐỘ



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications				
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel (*)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	R (mm)	L (mm)
COC012	COCN012	1/2	17.10	20.70	165.00	13.00
COC034	COCN034	3/4	22.30	26.14	170.00	14.00
COC100	COCN100	1	28.30	32.77	190.00	15.00
COC114	COCN114	1 1/4	37.20	41.59	275.00	17.00
COC112	COCN112	1 1/2	43.20	47.81	320.00	19.00
COC200	COCN200	2	55.10	59.93	380.00	20.00
COC212	COCN212	2 1/2	67.70	72.56	510.00	22.40
COC300	COCN300	3	81.70	88.29	630.00	23.80
COC400	COCN400	4	106.90	113.43	690.00	24.00

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình ≤15 micron

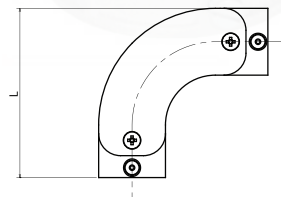
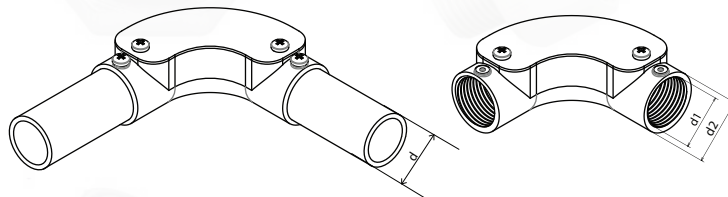
(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình ≥45 micron (ASTM A123)

CO ĐÚC 90 ĐỘ CHO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN REN IMC INSPECTION THREADED ELBOW FOR IMC CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



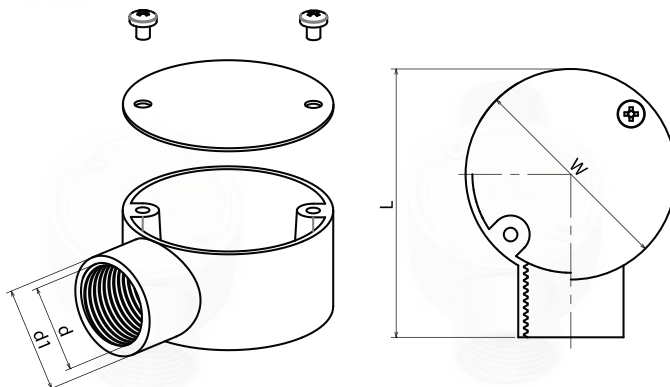
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
CNC012	1/2	20.70	18.60	35.30	57.90
CNC034	3/4	26.14	24.50	30.70	64.30
CNC100	1	32.77	31.00	38.40	74.80
CNC114	1 1/4	41.59	39.60	49.50	98.70
CNC112	1 1/2	47.81	46.30	54.90	112.60

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 1 NGẢ REN IMC/RSC CIRCULAR SURFACE BOX 1 OUTLET FOR IMC/RSC CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



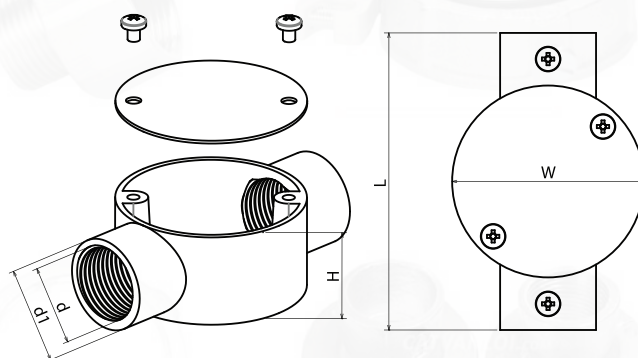
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HC012	1/2	18.60	25.30	27.80	74.00	61.10
HC034	3/4	24.50	30.70	31.30	80.00	61.10
HC100	1	31.00	38.40	40.80	96.50	73.10
HC114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	120.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 2 NGẢ THẲNG REN IMC/RSC 2 CIRCULAR SURFACE BOX STRAIGHT 2 OUTLET FOR IMC CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



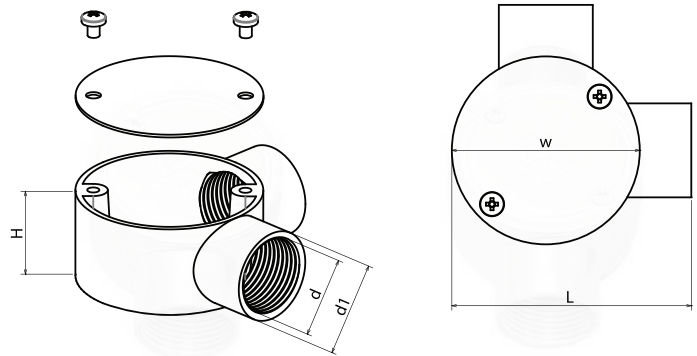
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HCT012	1/2	18.60	25.30	27.80	90.50	61.10
HCT034	3/4	24.50	30.70	31.30	95.30	61.10
HCT100	1	31.00	38.40	40.80	118.50	73.10
HCT114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	148.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 2 NGẢ VUÔNG REN IMC CIRCULAR SURFACE BOX ANGLE 2 OUTLET FOR IMC CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



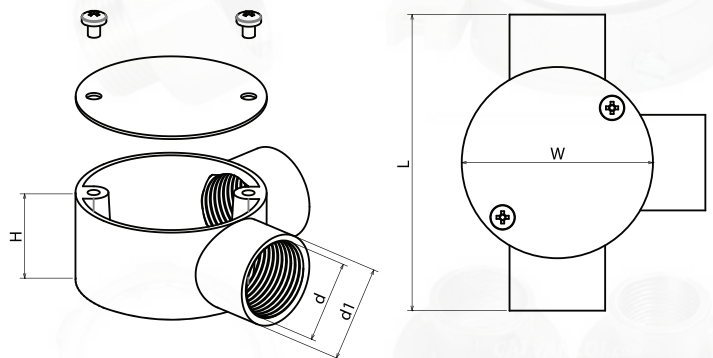
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HCV012	1/2	18.60	25.30	27.80	74.00	61.10
HCV034	3/4	24.50	30.70	31.30	80.00	61.10
HCV100	1	31.00	38.40	40.80	96.50	73.10
HCV114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	120.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 3 NGẢ REN IMC/RSC CIRCULAR SURFACE BOX 3 OUTLET FOR IMC/RSC CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



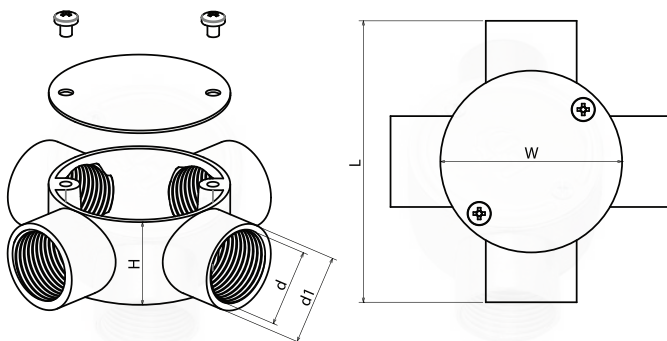
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HC3012	1/2	18.60	25.30	27.80	74.00	61.10
HC3034	3/4	24.50	30.70	31.30	80.00	61.10
HC3100	1	31.00	38.40	40.80	96.50	73.10
HC3114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	120.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN ĐÂY ĐIỆN 4 NGẢ REN IMC/RSC CURCULAR SURFACE BOX 4 OUTLET FOR IMC/RSC CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 – IEC 60670
- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HC4012	1/2	18.60	25.30	27.80	90.50	61.10
HC4034	3/4	24.50	30.70	31.30	95.30	61.10
HC4100	1	31.00	38.40	40.80	118.50	73.10
HC4114	1 1/4	39.60	49.50	51.80	148.50	97.90

TẮN REN TRONG LOCKNUT FOR IMC



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material):
 - Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
 - Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
 - Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Size (Inch)
LOC012	LOCN012	LOCA012	1/2
LOC034	LOCN034	LOCA034	3/4
LOC100	LOCN100	LOCA100	1
LOC114	LOCN114	LOCA114	1 1/4
LOC112	LOCN112	LOCA112	1 1/2
LOC200	LOCN200	LOCA200	2
LOC212	LOCN212	LOCA212	2 1/2
LOC300	LOCN300	LOCA300	3
LOC400	LOCN400	LOCA400	4

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

ĐAI NỐI BUSHING FOR IMC



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



BUS



BUSN

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Size (Inch)
BUS012	BUSN012	1/2
BUS034	BUSN034	3/4
BUS100	BUSN100	1
BUS114	BUSN114	1 1/4
BUS112	BUSN112	1 1/2
BUS200	BUSN200	2
BUS212	BUSN212	2 1/2
BUS300	BUSN300	3
BUS400	BUSN400	4

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cực bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

NẮP HỘ NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN REN IMC/RSC 1 NGÃ DOME COVER OF CIRCULAR SURFACE BOX 1 WAY THREAD TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)	L1 (mm)
NHR012	1/2	18.60	25.30	50.00	61.10
NHR034	3/4	24.50	30.70	50.00	61.10

ĐẦU GIẢM - REDUCER

Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



DG



LG



LC

Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications
Đầu giảm tròn	Đầu giảm lục giá	Đầu giảm đầu nổi	Size (Inch)
DG034-012	LG034-012	LC20-15	3/4 - 1/2
DG100-034	LG100-034	LC25-20	1 - 3/4
DG114-100	LG114-100	LC32-25	1 1/4 - 1
DG112-114	LG112-114	LC40-32	1 1/2 - 1 1/4
DG200-112	LG200-112	LC50-40	2 - 1 1/2
DG100-012	LG100-012	LC25-15	1 - 1/2
DG114-034	LG114-034	LC32-20	1 1/4 - 3/4
DG112-100	LG112-100	LC40-25	1 1/2 - 1
DG200-114	LG200-114	LC50-32	2 - 1 1/4

E. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN
REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386

BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 STEEL CONDUIT ACCESSORIES



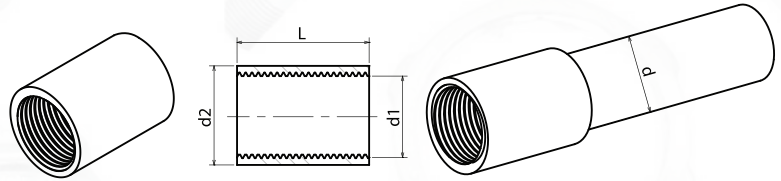
Địa chỉ - Văn phòng giao dịch: Số 3, Ngõ 97 đường Gia Thượng, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Address - Transaction office: No. 3, Alley 97, Gia Thuong Street, Thuong Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi City
Hotline: 024.66.58.55.44 - **Email:** vattuhaiduong@gmail.com

KHỚP NỐI ỐNG THÉP REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CONDUIT COUPLING



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Size (mm)	Thông số kỹ thuật - Specifications							
Thép mạ kẽm điện phân Pre-Galva- nized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanized steel		Thép mạ kẽm điện phân Pre-Galvanized steel				Thép mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanized steel			
			d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
BSCC20	BSCC20N	20(19)	19.10	17.50	23.00	38.50	19.10	17.50	23.00	38.50
BSCC25	BSCC25N	25	25.00	23.50	29.00	38.50	25.00	23.50	29.00	38.50
BSCC32	BSCC32N	32(31)	31.80	31.00	36.00	45.60	31.80	31.00	36.00	45.60
BSCC40	BSCC40N	40(39)	38.10	37.00	42.00	48.13	38.10	37.00	42.00	48.13
BSCC50	BSCC50N	50(51)	50.00	48.00	54.00	48.27	50.00	48.00	54.00	48.27

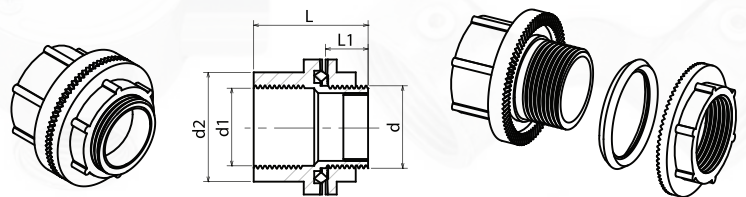
Đặc tính/Characteristic: Khớp nối BS4568, BS31, JIS C ren theo tiêu chuẩn ren METRIC / BS4568, BS31, JIS C threaded coupling according to METRIC standard

ĐẦU NỐI ỐNG THÉP REN BS BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 VỚI HỘP ĐIỆN WATER TIGHT HUBS



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Kẽm đúc (Zinc die cast),
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Size (inch)	Thông số kỹ thuật - Specifications				
Kẽm đúc (Zinc die cast)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)		d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDBSC20	HDBSC20N	20(19)	19.00	17.50	23.00	13.00	35.50
HDBSC25	HDBSC25N	25	25.00	23.50	29.00	14.00	37.50
HDBSC32	HDBSC32N	32(31)	31.00	31.00	35.00	15.00	43.50
HDBSC40	HDBSC40N	40(39)	39.00	37.00	43.00	17.00	46.00
HDBSC50	HDBSC50N	50(51)	51.00	48.00	55.00	19.00	46.00

Đặc tính/Characteristic: Khớp nối BS4568, BS31, JIS C ren theo tiêu chuẩn ren METRIC / BS4568, BS31, JIS C threaded coupling according to METRIC standard

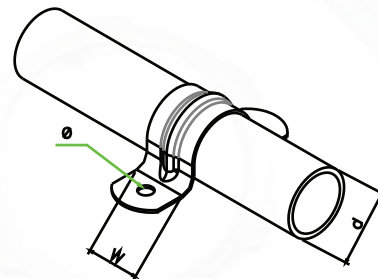
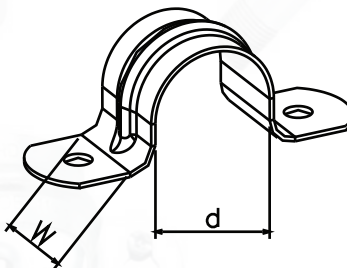
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm))

KẸP ỐNG THÉP REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 KHÔNG ĐẾ, 2 LỖ TWO HOLE SADDLE FOR BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



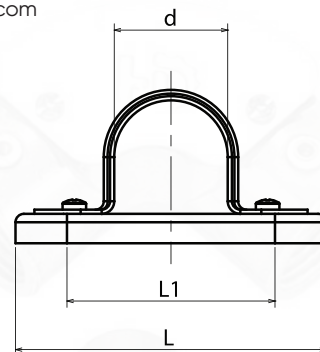
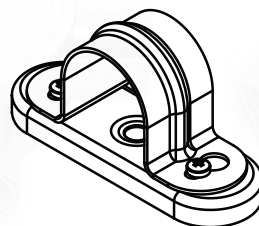
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKBC20	HDKBC20N	20(19)	19.00	20.00	6.00
HDKBC25	HDKBC25N	25	25.00	22.00	6.00
HDKBC32	HDKBC32N	32(31)	31.00	22.00	6.00
HDKBC40	HDKBC40N	40(39)	39.00	22.00	6.00
HDKBC50	HDKBC50N	50(51)	51.00	22.00	6.00

KẸP ỐNG THÉP REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CÓ ĐẾ SADDLE FOR BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 WITH BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDKDBC20	HDKDBC20N	20(19)	19.10	50.00	70.00
HDKDBC25	HDKDBC25N	25	25.40	50.00	70.00
HDKDBC32	HDKDBC32N	32(31)	31.80	50.00	70.00
HDKDBC40	HDKDBC40N	40(39)	38.10	60.00	80.00
HDKDBC50	HDKDBC50N	50(51)	51.00	70.00	90.00

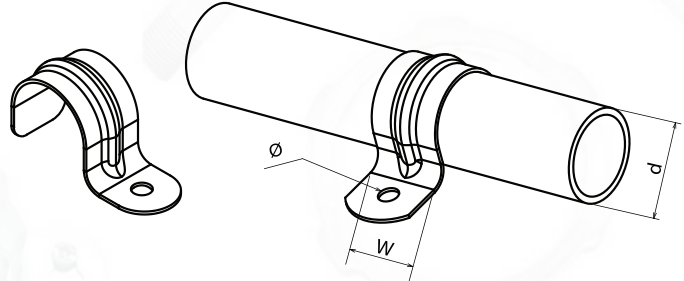
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

KẸP ỐNG THÉP REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 KHÔNG ĐẾ, 1 LỖ ONE HOLE SADDLE BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 WITHOUT BASE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKMBC20	HDKMBC20N	20(19)	19.10	20.00	6.00
HDKMBC25	HDKMBC25N	25	25.40	22.00	6.00
HDKMBC32	HDKMBC32N	32(31)	31.80	22.00	6.00
HDKMBC40	HDKMBC40N	40(39)	38.10	22.00	6.00
HDKMBC50	HDKMBC50N	50(51)	51.00	22.00	6.00

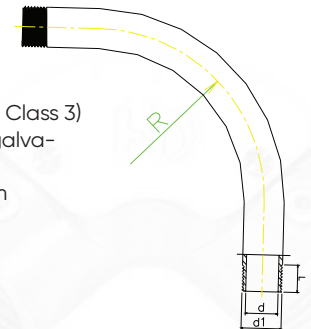
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

CO CONG REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 90 ĐỘ THREAD ELBOW 90 ĐỘ



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications				
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel (*)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	R (mm)	L (mm)
COBC20	COBC20N	20(19)	16.00	19.00	165.00	13.00
COBC25	COBC25N	25	21.00	25.00	170.00	14.00
COBC32	COBC32N	32(31)	27.00	31.00	190.00	15.00
COBC40	COBC40N	40(39)	36.00	39.00	275.00	17.00
COBC50	COBC50N	50(51)	47.00	51.00	320.00	19.00

(*) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3) trung bình ≤ 15 micron

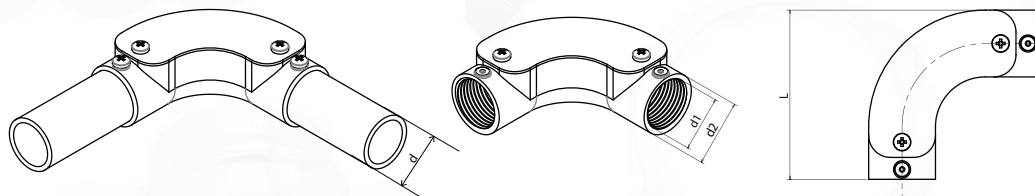
(**) Độ dày lớp mạ kẽm cho ống luồn dây điện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) trung bình ≥ 45 micron (ASTM A123)

CO ĐÚC 90 ĐỘ CHO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 INSPECTION THREADED ELBOW FOR BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



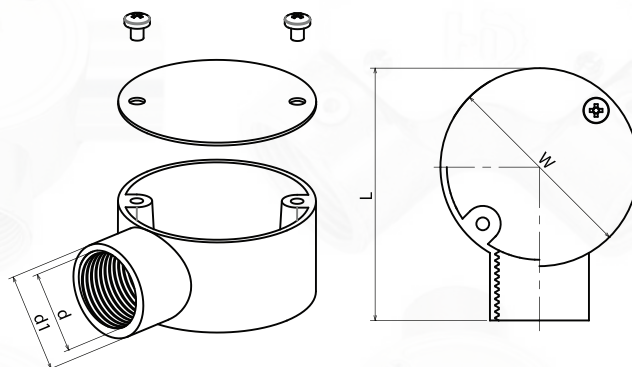
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
CNBC20	20(19)	19.00	17.50	25.30	57.90
CNBC25	25	25.00	23.50	30.70	64.30
CNBC32	32(31)	31.00	31.00	38.40	74.80
CNBC40	40(39)	39.00	37.00	49.50	98.70

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 1 NGẢ REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CIRCULAR SURFACE BOX 1 OUTLET FOR BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



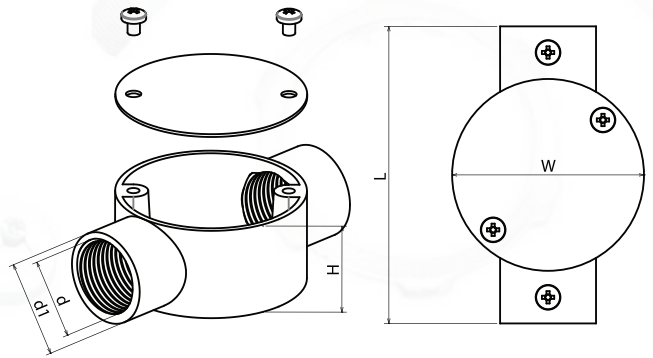
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HCBC20	20(19)	17.50	25.30	27.80	90.50	61.10
HCBC25	25	23.50	30.70	31.30	95.30	61.10
HCBC32	32(31)	31.00	38.40	40.80	118.50	73.10
HCBC40	40(39)	37.00	49.50	51.80	148.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 2 NGÁ THẲNG REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 2-WAY STEEL CONDUIT BOX, STRAIGHT THREADED BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



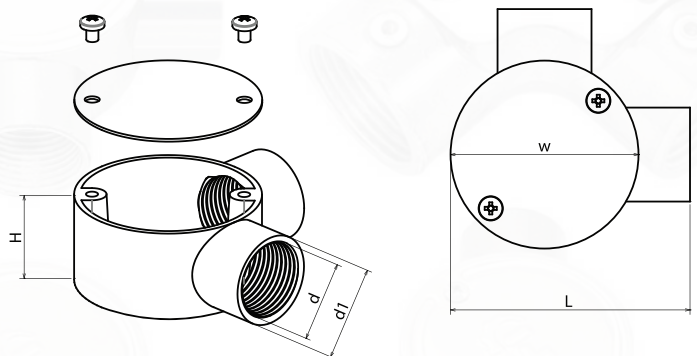
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HCBCT20	20(19)	17.50	25.30	27.80	90.50	61.10
HCBCT25	25	23.50	30.70	31.30	95.30	61.10
HCBCT32	32(31)	31.00	38.40	40.80	118.50	73.10
HCBCT40	40(39)	37.00	49.50	51.80	148.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 2 NGÁ VUÔNG REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CIRCULAR SURFACE BOX ANGLE 2 OUTLET FOR BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



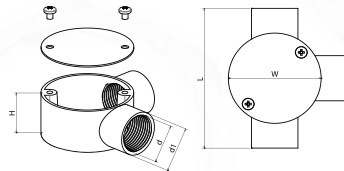
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HCBCV20	20(19)	17.50	25.30	27.80	74.00	61.10
HCBCV25	25	23.50	30.70	31.30	80.00	61.10
HCBCV32	32(31)	31.00	38.40	40.80	96.50	73.10
HCBCV40	40(39)	37.00	49.50	51.80	120.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 3 NGẢ REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CIRCULAR SURFACE BOX 3 OUTLET FOR BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



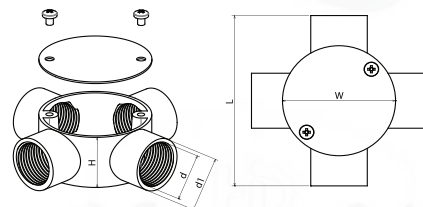
Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HCBC320	20(19)	17.50	25.30	27.80	90.50	61.10
HCBC325	25	23.50	30.70	31.30	95.30	61.10
HCBC332	32(31)	31.00	38.40	40.80	118.50	73.10
HCBC340	40(39)	37.00	49.50	51.80	148.80	97.90

HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN 4 NGẢ REN 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CIRCULAR SURFACE BOX 4 OUTLET FOR 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 CONDUIT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Cấp độ bảo vệ (Ingress protection class): IP 30
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)	L (mm)	W (mm)
HCBC420	19/20	17.50	25.30	27.80	90.50	61.10
HCBC425	25	23.50	30.70	31.30	95.30	61.10
HCBC432	31/32	31.00	38.40	40.80	118.50	73.10
HCBC440	39/40	37.00	49.50	51.80	148.80	97.90

NẮP HỘP NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN REN BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 1 NGẢ DOME COVER OF CIRCULAR SURFACE BOX 1 WAY THREAD TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): BS 4568 - IEC 60670
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (mm)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)	L1 (mm)
NHBC20	20(19)	17.50	25.30	50.00	61.10
NHBC25	25	23.50	30.70	50.00	61.10

TÁN REN TRONG CHO ỐNG BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386 LOCKNUT FOR 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications
Thép mạ điện/ Pre-galvanized steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Size (mm)
LOBC20	LOBC20N	LOBCA20	20(19)
LOBC25	LOBC25N	LOBCA25	25
LOBC32	LOBC32N	LOBCA32	32(31)
LOBC40	LOBC40N	LOBCA40	40(39)
LOBC50	LOBC50N	LOBCA50	50(51)

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

ĐAI NỐI

BUSHING FOR BS 4568/ BS 31/ JIS C 8305/ IEC 61386



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Tiêu chuẩn (Standard):** BS 4568 - IEC 60670
- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



BUBC



BUBC-N

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Size (mm)
BUBC20	BUBC20N	20(19)
BUBC25	BUBC25N	25
BUBC32	BUBC32N	32(31)
BUBC40	BUBC40N	40(39)
BUBC50	BUBC50N	50(51)

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

ĐẦU GIẢM - REDUCER

Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm - Class 3 (Pre - galvanized steel - Class 3)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



DGBC



LGBC



LCBC

Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications
Đầu giảm tròn	Đầu giảm lục giác	Đầu giảm đầu nối	Size (mm)
DGBC25-20	LGBC25-20	LCBC25-20	25-20
DGBC32-25	LGBC32-25	LCBC32-25	32-25
DGBC40-32	LGBC40-32	LCBC40-32	40-32
DGBC50-40	LGBC50-40	LCBC50-40	50-40
DGBC32-20	LGBC32-20	LCBC32-20	32-20
DGBC40-25	LGBC40-25	LCBC40-25	40-25
DGBC50-32	LGBC50-32	LCBC50-32	50-32

F. PHỤ KIỆN ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN REN INOX 304

STAINLESS STEEL CONDUIT FITTING

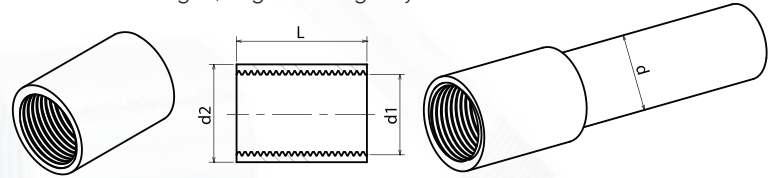


KHỚP NỐI ỐNG THÉP REN INOX 304 CONDUIT COUPLING STAINLESS STEEL SUS304



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox304 (Stainless steel SUS304)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



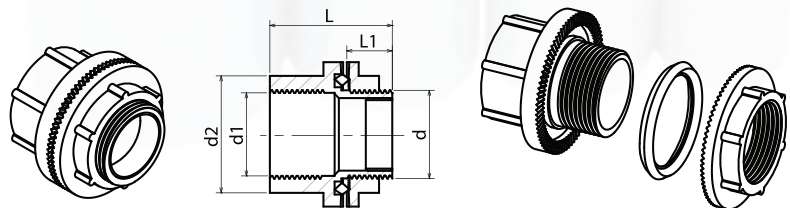
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications				
	Kích thước Size (Inch)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L (mm)
AMCCI012	1/2	20.70	17.50	25.00	38.50
AMCCI034	3/4	26.14	24.95	28.90	38.50
AMCCI100	1	32.77	31.00	36.17	45.60
AMCCI114	1 1/4	41.59	39.40	44.95	48.13
AMCCI112	1 1/2	47.81	46.20	51.10	48.27
AMCCI200	2	59.93	58.00	63.58	54.30
AMCCI212	2 1/2	72.56	71.20	78.00	70.00
AMCCI300	3	88.29	84.20	96.00	82.00
AMCCI400	4	113.43	109.00	120.00	82.00

ĐẦU NỐI ỐNG THÉP REN INOX 304 VỚI HỘP ĐIỆN STAINLESS STEEL PIPE CONNECTOR TO ELECTRICAL BOX



Thông tin sản phẩm/ Production informations

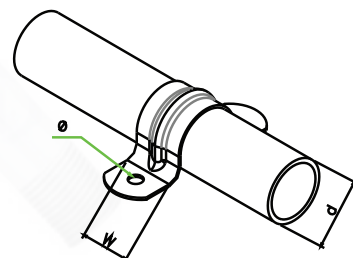
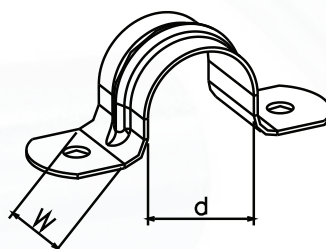
- Tiêu chuẩn (Standard): JIS C 8330/UL514B/ANSI/NEMA FB 1
- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox304 (Stainless steel SUS304)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications					
	Kích thước Size (Inch)	d (mm)	d1 (mm)	d2 (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDCTI012	1/2	20.70	18.60	21.00	13.00	25.50
HDCTI034	3/4	26.14	24.50	32.00	14.00	37.50
HDCTI100	1	32.77	31.00	41.00	15.00	43.50
HDCTI114	1 1/4	41.59	39.60	47.00	17.00	46.00
HDCTI112	1 1/2	47.81	45.60	56.00	19.00	46.00
HDCTI200	2	59.93	57.10	67.00	20.00	64.00
HDCTI212	2 1/2	72.56	71.20	84.00	22.40	64.00
HDCTI300	3	88.29	84.20	100.00	23.80	64.00
HDCTI400	4	113.43	109.30	122.00	24.00	64.00

KẸP ỐNG INOX REN KHÔNG ĐẾ, 2 LỖ**SMOOTH STAINLESS STEEL PIPE CLAMP WITHOUT BASE, 2 HOLES****Thông tin sản phẩm/ Production informations**

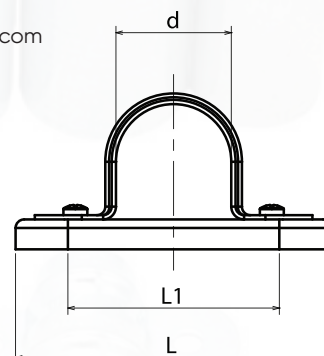
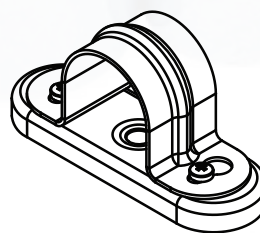
- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước Size (Inch)	d (mm)	W (mm)	Ø (mm)
HDKII012	1/2	20.70	20.00	6.00
HDKII034	3/4	26.14	22.00	6.00
HDKII100	1	32.77	22.00	6.00
HDKII114	1 1/4	41.59	22.00	6.00
HDKII112	1 1/2	47.81	22.00	6.00
HDKII200	2	59.93	22.00	6.00
HDKII212	2 1/2	72.56	25.00	9.00
HDKII300	3	88.29	25.00	9.00
HDKII400	4	113.43	25.00	9.00

KẸP ỐNG INOX REN CÓ ĐẾ**STAINLESS STEEL PIPE CLAMP WITH BASE****Thông tin sản phẩm/ Production informations**

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



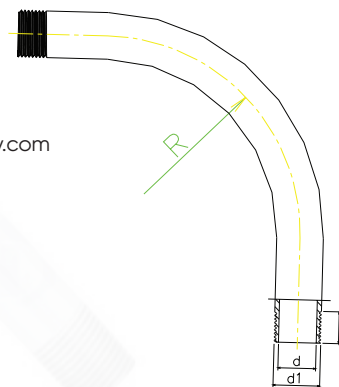
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước Size (Inch)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
HDKDII012	1/2	20.70	50.00	70.00
HDKDII034	3/4	26.14	50.00	70.00
HDKDII100	1	32.77	50.00	70.00
HDKDII114	1 1/4	41.59	60.00	80.00
HDKDII112	1 1/2	47.81	70.00	90.00
HDKDII200	2	59.93	80.00	100.00

CO CONG REN CHO ỐNG INOX STAINLESS CONDUIT ELBOW

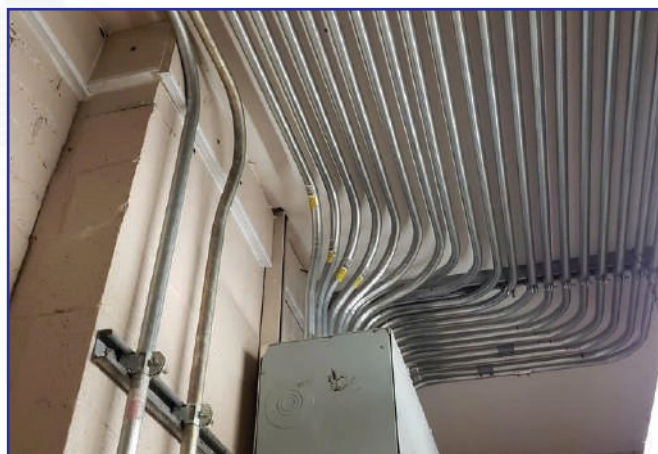
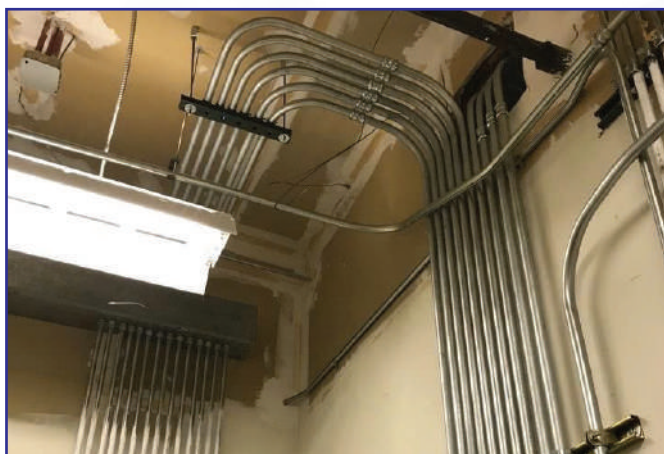


Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Nhãn hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Inox304 (Stainless steel SUS304)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật - Specifications			
	Kích thước Size (Inch)	d (mm)	L1 (mm)	L (mm)
COCI012	1/2	16.70	20.70	165.00
COCI034	3/4	22.14	26.14	170.00
COCI100	1	27.77	32.77	190.00
COCI114	1 1/4	36.59	41.59	275.00
COCI112	1 1/2	42.81	47.81	320.00
COCI200	2	54.93	59.93	380.00
COCI212	2 1/2	66.56	72.56	510.00
COCI300	3	82.29	88.29	630.00
COCI400	4	107.23	113.43	690.00



G. HỘ ĐẦU NỐI ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN

SCREWED RIGID CONDUIT BODIES

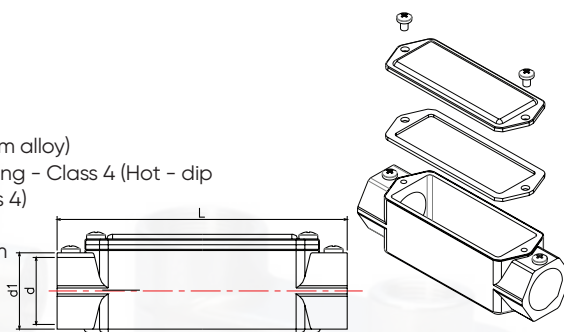


HỘ NỐI ỐNG THÉP TRƠN EMT DẠNG C CONDUIT BODIES FOR EMT CONDUIT C TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn
ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LCT012	LCTN012	1/2	19.2	25.3	110
LCT034	LCTN034	3/4	23.9	30.7	130
LCT100	LCTN100	1	29.9	38.4	155
LCT114	LCTN114	1 1/4	39.6	49.5	188
LCT112	LCTN112	1 1/2	45.0	56.0	200
LCT200	LCTN200	2	56.9	67.2	248

HỘ NỐI ỐNG INOX TRƠN DẠNG C CONDUIT BODIES FOR CONDUIT C TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

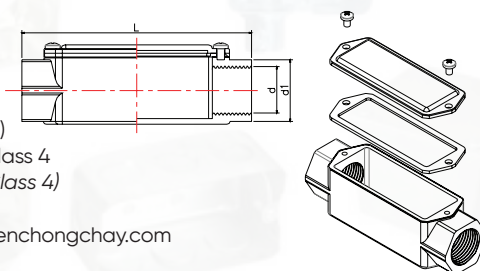
Mã sản phẩm - Product code	Kích thước - Size (mm)
LCT19	19
LCT25	25
LCT31	31

HỘ NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG C CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT C TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LCR012	LCRN012	LCRI012	1/2	19.2	25.3	110
LCR034	LCRN034	LCRI034	3/4	23.9	30.7	130
LCR100	LCRN100	LCRI100	1	29.9	38.4	155
LCR114	LCRN114	LCRI114	1 1/4	39.6	49.5	188
LCR112	LCRN112	LCRI112	1 1/2	45.0	56.0	200
LCR200	LCRN200	LCRI200	2	56.9	67.2	248
	LCRN212	LCRI212	2 1/2			
	LCRN300	LCRI300	3			
	LCRN400	LCRI400	4			

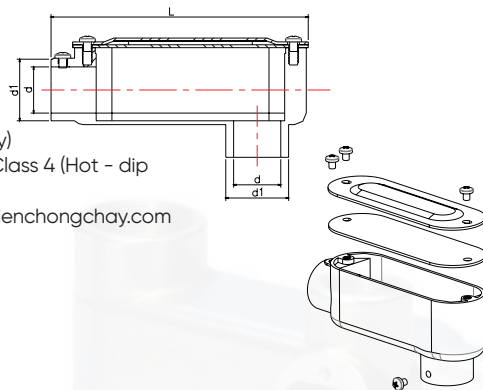
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP NỐI ỐNG THÉP TRƠN EMT DẠNG LB CONDUIT BODIES FOR EMT CONDUIT LB TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LBT012	LBTN012	1/2	19.2	25.3	110
LBT034	LBTN034	3/4	23.9	30.7	130
LBT100	LBTN100	1	29.9	38.4	155
LBT114	LBTN114	1 1/4	39.6	49.5	188
LBT112	LBTN112	1 1/2	45.0	56.0	200
LBT200	LBTN200	2	56.9	67.2	248

HỘP NỐI ỐNG INOX TRƠN DẠNG LB CONDUIT BODIES FOR CONDUIT LB TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

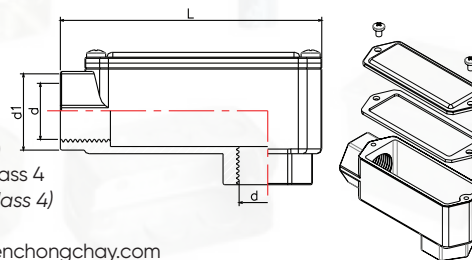
Mã sản phẩm - Product code	Kích thước - Size (mm)
LBI19	19
LBT25	25
LBT31	31

HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG LB CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT LB TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LBR012	LBRN012	LBRI012	1/2	18.6	25.3	110
LBR034	LBRN034	LBRI034	3/4	24.5	30.7	130
LBR100	LBRN100	LBRI100	1	31	38.4	155
LBR114	LBRN114	LBRI114	1 1/4	39.6	49.5	188
LBR112	LBRN112	LBRI112	1 1/2	45.6	56.0	200
LBR200	LBRN200	LBRI200	2	57.1	67.2	248
	LBRN212	LBRI212	2 1/2			
	LBRN300	LBRI300	3			
	LBRN400	LBRI400	4			

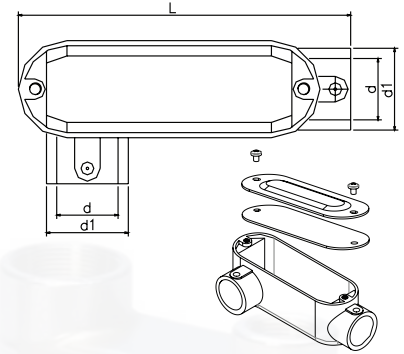
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP NỐI ỐNG THÉP TRƠN EMT DẠNG LR CONDUIT BODIES FOR EMT CONDUIT LR TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4
(Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn
ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LRT012	LRTN012	1/2	19.2	25.3	110
LRT034	LRTN034	3/4	23.9	30.7	130
LRT100	LRTN100	1	29.9	38.4	155
LRT114	LRTN114	1 1/4	39.6	49.5	188
LRT112	LRTN112	1 1/2	45.0	56.0	200
LRT200	LRTN200	2	56.9	67.2	248

HỘP NỐI ỐNG INOX TRƠN DẠNG LR CONDUIT BODIES FOR CONDUIT LB TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

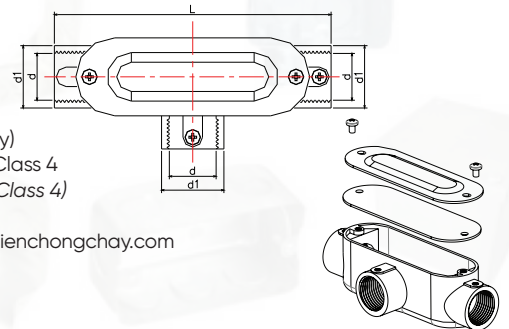
Mã sản phẩm - Product code	Kích thước - Size (mm)
LRI19	19
LRI25	25
LRI31	31

HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG LR CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT LR TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4
(Hot - dip galvanized steel - Class 4)
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LRR012	LRRN012	LRRIO12	1/2	18.6	25.3	110
LRR034	LRRN034	LRRIO34	3/4	24.5	30.7	130
LRR100	LRRN100	LRRIO100	1	31	38.4	155
LRR114	LRRN114	LRRIO114	1 1/4	39.6	49.5	188
LRR112	LRRN112	LRRIO112	1 1/2	45.6	56.0	200
LBR200	LRRN200	LRRIO200	2	57.1	67.2	248
	LRRN212	LRRIO212	2 1/2			
	LRRN300	LRRIO300	3			
	LRRN400	LRRIO400	4			

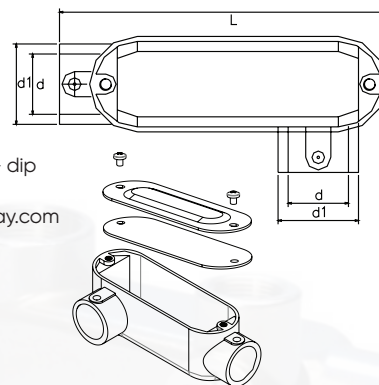
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP NỐI ỐNG THÉP TRƠN EMT DẠNG LL CONDUIT BODIES FOR EMT CONDUIT LL TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LLT012	LLTN012	1/2	19.2	25.3	110
LLT034	LLTN034	3/4	23.9	30.7	130
LLT100	LLTN100	1	29.9	38.4	155
LLT114	LLTN114	1 1/4	39.6	49.5	188
LLT112	LLTN112	1 1/2	45.0	56.0	200
LLT200	LLTN200	2	56.9	67.2	248

HỘP NỐI ỐNG INOX TRƠN DẠNG LL CONDUIT BODIES FOR CONDUIT LL TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

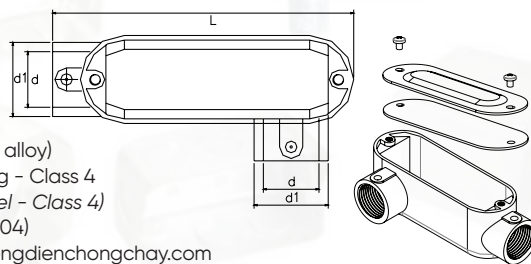
Mã sản phẩm - Product code	Kích thước - Size (mm)
LLI19	19
LLI25	25
LLI31	31

HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG LL CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT LL TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LLR012	LLRN012	LLRI012	1/2	18.6	25.3	110
LLR034	LLRN034	LLRI034	3/4	24.5	30.7	130
LLR100	LLRN100	LLRI100	1	31	38.4	155
LLR114	LLRN114	LLRI114	1 1/4	39.6	49.5	188
LLR112	LLRN112	LLRI112	1 1/2	45.6	56.0	200
LLR200	LLRN200	LLRI200	2	57.1	67.2	248
	LLRN212	LLRI212	2 1/2			
	LLRN300	LLRI300	3			
	LLRN400	LLRI400	4			

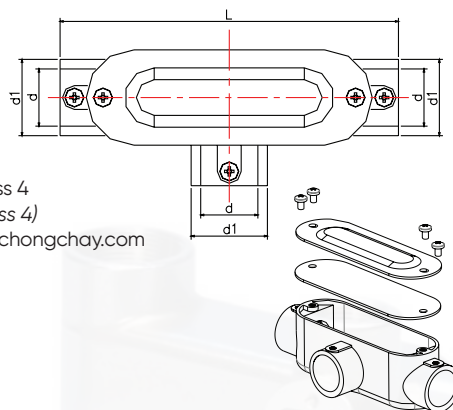
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP NỐI ỐNG THÉP TRƠN EMT DẠNG LT CONDUIT BODIES FOR EMT CONDUIT LT TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4
(Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LTT012	LTTN012	1/2	19.2	25.3	110
LTT034	LTTN034	3/4	23.9	30.7	130
LTT100	LTTN100	1	29.9	38.4	155
LTT114	LTTN114	1 1/4	39.6	49.5	188
LTT112	LTTN112	1 1/2	45.0	56.0	200
LTT200	LTTN200	2	56.9	67.2	248

HỘP NỐI ỐNG INOX TRƠN DẠNG LT CONDUIT BODIES FOR CONDUIT LT TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox304 (Stainless steel SUS304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

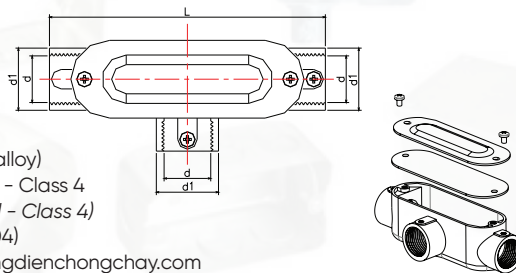
Mã sản phẩm - Product code	Kích thước - Size (mm)
LTI19	19
LTI25	25
LTI31	31

HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG LT CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT LT TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4
(Hot - dip galvanized steel - Class 4)
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)(**)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	L (mm)
LTR012	LTRN012	LTRI012	1/2	18.6	25.3	110
LTR034	LTRN034	LTRI034	3/4	24.5	30.7	130
LTR100	LTRN100	LTRI100	1	31	38.4	155
LTR114	LTRN114	LTRI114	1 1/4	39.6	49.5	188
LTR112	LTRN112	LTRI112	1 1/2	45.6	56.0	200
LTR200	LTRN200	LTRI200	2	57.1	67.2	248
	LTRN212	LTRI212	2 1/2			
	LTRN300	LTRI300	3			
	LTRN400	LTRI400	4			

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP ĐẦU NỐI NHÔM NỔ KÍN NƯỚC IP67 WATER PROOF ALUMINUM BOX IP67



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** HNKN
- **Đặc trưng/Features:** Sử dụng đầu nối dây trong nhà hoặc ngoài trời/ Use this connector indoors or outdoors
- **Vật liệu (Material):** Hộp kim nhôm tĩnh điện (Powder coated aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Kích thước - Size (mm)	Dài / Length (mm)	Rộng/ Width (mm)	Cao/ Height (mm)
HNKN10010060	100*100*60	100	100	60
HNKN12012080	120*120*80	120	120	80
HNKN16016090	160*160*90	160	160	90
HNKN20020095	200*200*95	200	200	95
HNKN230230110	230*230*110	230	230	110
HNKN300300150	300*300*150	300	300	150

Đặc điểm/Characteristic:

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -40 độC đến +85 độC
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP67
- **Chống va đập:** IK 07/08
- **Ứng dụng/Application:** Hộp đầu nối Nhôm thích hợp cho việc lắp đặt, ngắt mạch, kết nối và điều khiển các thiết bị điện và điện tử, đồng thời tìm ra ứng dụng chính trong các lĩnh vực công nghiệp, ô tô, đường sắt, hải quân, cầu đường, đường hầm, bãi đậu xe, các tòa nhà công nghiệp đảm bảo độ rung và cơ học cao/ Aluminum alloy boxes are suitable for installation, circuit breaking, connection and control of electric and electronic equipments, and find their main application in industrial, automotive railways, navy, tunnels, parkings, industrial buildings fields ensuring a high mechanical and vibration resistance with IP67 protection degree.

HỘP ĐẦU NỐI NHỰA ABS NỔ KÍN NƯỚC IP67 WATER PROOF PLASTIC BOX IP67



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Mã sản phẩm/Series Code:** TV-HNABS
- **Đặc trưng/Features:** Sử dụng đầu nối dây trong nhà hoặc ngoài trời/ Use this connector indoors or outdoors
- **Vật liệu (Material):** Nhựa ABS (ABS Plastic)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Kích thước - Size (mm)	Dài / Length (mm)	Rộng/ Width (mm)	Cao/ Height (mm)
TV-HNABS-797960	79*79*60	79	79	60
TV-HNABS-1006850	100*68*50	100	68	50
TV-HNABS-12012090	120*120*90	120	120	90
TV-HNABS-16016090	160*160*90	160	160	90
TV-HNABS-192188100	192*188*100	192	188	100
TV-HNABS-23015087	230*150*87	230	150	87
TV-HNABS-240160120	240*160*120	240	160	120
TV-HNABS-26318295	263*182*95	263	182	92
TV-HNABS-380260120	380*260*120	380	260	120
TV-HNABS-200150100	200*150*100	200	150	100

Đặc điểm/Characteristic:

- **Nhiệt độ sử dụng/Temperature range:** -40 độC đến +85 độC
- **Đánh giá IP/IP Rating:** IP67
- **Chống va đập:** IK 07/08
- **Ứng dụng/Application:** Hộp đầu nối Nhựa ABS thích hợp cho việc lắp đặt, ngắt mạch, kết nối và điều khiển các thiết bị điện và điện tử, đồng thời tìm ra ứng dụng chính trong các lĩnh vực công nghiệp, ô tô, đường sắt, hải quân, cầu đường, đường hầm, bãi đậu xe, các tòa nhà công nghiệp đảm bảo độ rung và cơ học cao/ ABS Plastic boxes are suitable for installation, circuit breaking, connection and control of electric and electronic equipments, and find their main application in industrial, automotive, railways, navy, tunnels, parkings, industrial buildings fields ensuring a high mechanical and vibration resistance with IP67 protection degree.

Chú ý/Notes:

- **Dung sai/ Tolerance:** Đường kính ngoài (Outside Diameter): ±1mm

HỘP THÉP ĐẦU NỐI PULL BOX



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel), Thép sơn tĩnh điện, (Powder Coating Steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel), Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Độ dày (thickness)** 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code				Thông số kỹ thuật - Specifications					
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép sơn tĩnh điện/ Powder Coating Steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot - dip galvanized steel)	Inox 304 (Stainless Steel 304)	Kích thước Size (mm)	Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép sơn tĩnh điện/ Powder Coating Steel	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot - dip galvanized steel)	Inox 304 (Stainless Steel 304)	Kích thước Size (mm)
PB080805	PBS080805	PBN080805	PBI080805	80x80x50	PB303015	PBS303015	PBN303015	PBI303015	300x300x150
PB101050	PBS101005	PBN101005	PBI101050	100x100x50	PB303020	PBS303020	PBN303020	PBI303020	300x300x200
PB101010	PBS101010	PBN101010	PBI101010	100x100x100	PB303025	PBS303025	PBN303025	PBI303025	300x300x250
PB151510	PBS151510	PBN151510	PBI151510	150x150x100	PB303030	PBS303030	PBN303030	PBI303030	300x300x300
PB151515	PBS151515	PBN151515	PBI151515	150x150x150	PB404020	PBS404020	PBN404020	PBI404020	400x400x200
PB202010	PBS202010	PBN202010	PBI202010	200x200x100	PB404025	PBS404025	PBN404025	PBI404025	400x400x250
PB202015	PBN202015	PBN202015	PBI202015	200x200x150	PB404030	PBS404030	PBN404030	PBI404030	400x400x300
PB202020	PBS202020	PBN202020	PBI202020	200x200x200	PB404040	PBS404040	PBN404040	PBI404040	400x400x400
PB252510	PBS252510	PBN252510	PBI252510	250x250x100	PB505020	PBS505020	PBN505020	PBI505020	500x500x200
PB252515	PBS252515	PBN252515	PBI252515	250x50x150	PB505025	PBS505025	PBN505025	PBI505025	500x500x250
PB252520	PBS252520	PBN252520	PBI252520	250x250x200	PB505030	PBS505030	PBN505030	PBI505030	500x500x300
PB252525	PBS252525	PBN252525	PBI252525	250x250x250	PB505040	PBS505040	PBN505040	PBI505040	500x500x400

• Đặt hàng gia công kích thước theo yêu cầu

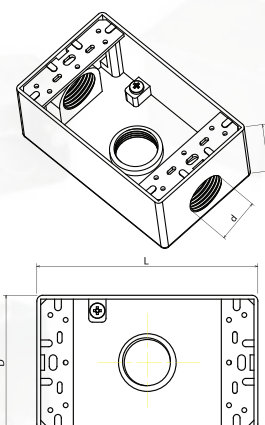
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP CÔNG TẮC NỐI ĐƠN 3 LỖ/ ĐÔI 5 LỖ SINGLE 3-HOLE/ DOUBLE 5-HOLE SURFACE SWITCH BOX



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** UL514B
- **Vật liệu (Material):** Hộp kim nhôm tĩnh điện (Powder coated aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



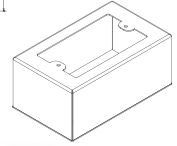
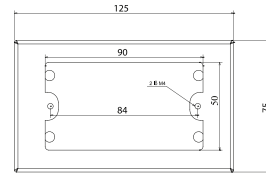
Mã sản phẩm - Product code	Thông số kỹ thuật / Specifications				
	Size (Inch)	d (mm)	L (mm)	D(mm)	H(mm)
HCN3012	1/2	18.6	116	70	50
HCN3034	3/4	24.5	116	70	50
HCN5012	1/2	18.6	116		50
HCN5034	3/4	24.5	116		50

HỘ CÔNG TẮC NỔI ĐƠN/ ĐÔI 157 SINGLE/DOUBLE FLOATING SWITCH BOX 157



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** JIS C8340
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel), Thép sơn tĩnh điện, (Powder Coating Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



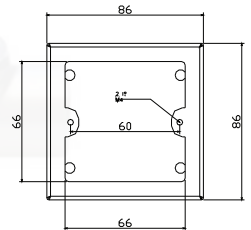
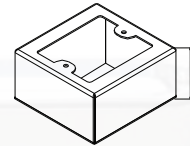
Mã sản phẩm - Product code				
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Kích Thép sơn tĩnh điện, (Powder Coating Steel) thước - Size (mm)	Dài / L Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) ength (mm)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước/ Size
HCN157	HCNS157	HCNN157	HCNI157	125x75x50 (Không có lỗ chờ)
HCN157A	HCNS157A	HCNN157A	HCNI157A	125x75x50 (Lỗ chờ 1/2")
HCN157B	HCNS157B	HCNN157B	HCNI157B	125x75x50 (Lỗ chờ 3/4")
HCNV157	HCNSV157	HCNNV157	HCNVI157	125x x50 (Không có lỗ chờ)
HCNV157A	HCNSV157A	HCNNV157A	HCNVI157A	125x x50 (Lỗ chờ 1/2")
HCNV157B	HCNSV157B	HCNNV157B	HCNVI157B	125x x50 (Lỗ chờ 3/4")

HỘ CÔNG TẮC NỔI VUÔNG 86 SQUARE SURFACE SWITCH BOX 86



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** JIS C8340
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel), Thép sơn tĩnh điện (Powder Coating Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



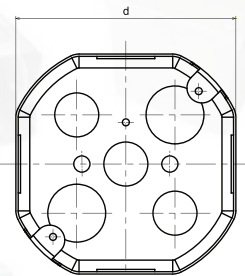
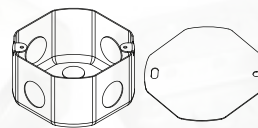
Mã sản phẩm - Product code				
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Kích Thép sơn tĩnh điện, (Powder Coating Steel) thước - Size (mm)	Dài / L Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) ength (mm)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước/ Size
HCN86	HCNS86	HCNN86	HCNI86	86x86x50 (Không lỗ chờ)
HCN86A	HCNS86A	HCNN86A	HCNI86A	86x86x50 (Lỗ chờ 1/2"&3/4")
HCN86B	HCNS86B	HCNN86B	HCNI86B	86x86x50 (Lỗ chờ 1/2")
HCN86C	HCNS86C	HCNN86C	HCNI86C	86x86x50 (Lỗ chờ 3/4")

HỘ THÉP BÁT GIÁC ÂM TƯỜNG - NẮP HỘ OCTAGON BOX - COVER



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** JIS C8336
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel), Thép sơn tĩnh điện, (Powder Coating Steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (thickness):** 1.0mm, 1.2mm, 1.5mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) ength (mm)	Nắp hộ/ Cover	Kích thước/ Size
BG102	BGN102	NBG102	102x102x54mm, Lỗ 19&25 (1/2"&3/4")
BG102A	BGN102A		102x102x54mm, Lỗ 19(1/2")
BG102B	BGN102B		102x102x54mm, Lỗ 25(3/4")
BG102C	BGN102C		102x102x54mm, Lỗ 32(1")
BG102D	BGN102D		102x102x54mm, Không đục lỗ

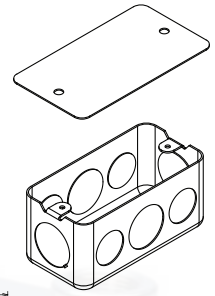
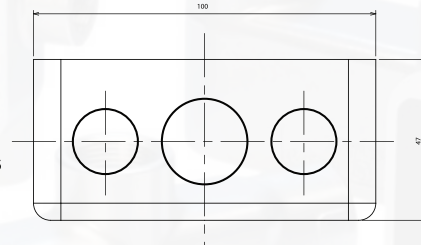
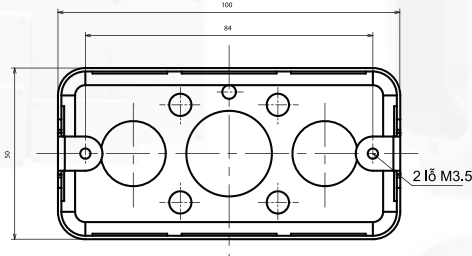
Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ $\geq$ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘ CÔNG TẮC ÂM TƯỜNG HÌNH CHỮ NHẬT VÀ NẮP SWITCH BOX - COVER



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** JIS C8336
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (thickness):** 1.0mm, 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



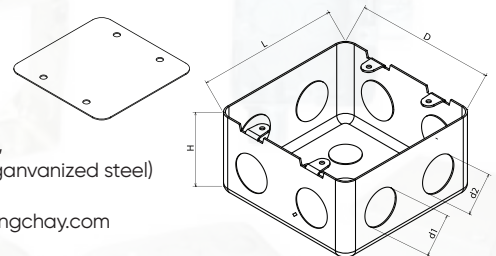
Mã sản phẩm - Product code			
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) ength (mm)	Nắp hộp/ Cover	Kích thước/ Size
HATC102x54A	HATCN102x54A	HATNC102	102x50x54mm Lỗ 19&25 (1/2&3/4")
HATC102x54B	HATCN102x54B		102x50x54mm Lỗ 25 (3/4")
HATC102x54C	HATCN102x54C		102x50x54mm Lỗ 19 (1/2")
HATC102x40A	HATCN102x40A		102x50x40mm Lỗ 19&25 (1/2&3/4")
HATC102x40B	HATCN102x40B		102x50x40mm Lỗ 25 (3/4")
HATC102x40C	HATCN102x40C		102x50x40mm Lỗ 19 (1/2")

HỘ VUÔNG ÂM TƯỜNG - NẮP HỘ SQUARE BOX - COVER



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** JIS C8336
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel), Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (thickness):** 1.0mm, 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) ength (mm)	Nắp hộp/ Cover	Kích thước/ Size
HATV70		HATNV70	73x73x47mm Lỗ 19&25 (1/2"&3/4")
HATV86		HATNV86	86x86x50mm Lỗ 19&25 (1/2"&3/4")
HATV102	HATVN102	HATNV102	102x102x54mm, Lỗ 19&25 (1/2"&3/4")
HATV102A	HATVN102A		102x102x54mm, Lỗ 19 (1/2")
HATV102B	HATVN102B		102x102x54mm, Lỗ 25 (3/4")
HATV102C	HATVN102C		102x102x54mm, Lỗ 32 (1")
HATV102D	HATVN102D		102x102x54mm, Không đột lỗ

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ $\geq$ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

VI. PHỤ KIỆN CHỐNG NỔ CHO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN

EXPLOSION RESISTANT CONDUIT ACCESSORIES



PHẠM VI ỨNG DỤNG SCOPE OF APPLICATION

- Áp dụng cho những nơi trong Zone 1 và Zone 2 của môi trường khí nổ; / It is applicable to the places in Zone 1 and Zone 2 of explosive gas environment
- Áp dụng cho những nơi trong Zone 21 và 22 của môi trường bụi dễ cháy; / It is applicable to the places in Zone 21 and 22 of combustible dust environment;
- Thích hợp cho môi trường khí nổ IIA, IIB và IIC; / Suitable for IIA, IIB and IIC explosive gas environment;
- Áp dụng cho nhóm nhiệt độ T1-T6; / Applicable to T1-T6 temperature group;
- Áp dụng cho các môi trường nguy hiểm như khai thác dầu, lọc dầu, công nghiệp hóa chất, công nghiệp quân sự, giàn khoan dầu ngoài khơi, tàu chở dầu, chế biến kim loại, v.v. khi kết nối và thay đổi hướng quay của hệ thống dây ống thép.
- Áp dụng cho các môi trường nguy hiểm như khai thác dầu, lọc dầu, công nghiệp hóa chất, công nghiệp quân sự, giàn khoan dầu ngoài khơi, tàu chở dầu, chế biến kim loại, v.v. khi kết nối và thay đổi hướng quay của hệ thống dây ống thép. / It is applicable to dangerous environments such as oil exploitation, oil refining, chemical industry, military industry, offshore oil platforms, oil tankers, metal processing, etc. as the connection and turning direction change of steel pipe wiring.

TÍNH NĂNG CỦA SẢN PHẨM PRODUCT FEATURES

- Nó có những ưu điểm về khả năng chống nhuộm, chống ăn mòn, chống nước, chống lão hóa, độ linh hoạt tốt, cấu trúc chắc chắn, hoạt động đáng tin cậy. / It has the advantages of dye resistance, corrosion resistance, water resistance, aging resistance, good flexibility, firm structure, reliable operation, etc.
- Các thông số kỹ thuật ren có thể được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, chẳng hạn như NPT, ren hệ mét / Thread specifications can be made according to customer requirements, such as NPT, metric thread.
- Nó có những ưu điểm về khả năng chống dầu, chống axit, chống ăn mòn, chống mài mòn, chống lão hóa, chống thấm nước, chống cháy, độ linh hoạt tốt. / It has the advantages of oil resistance, acid resistance, corrosion resistance, wear resistance, aging resistance, waterproof, flame retardant, good flexibility.
- Chiều dài của ống mềm có thể được xử lý đặc biệt theo yêu cầu của người dùng. / The length of flexible pipe can be specially processed according to user requirements.

TECHNICAL PARAMETER

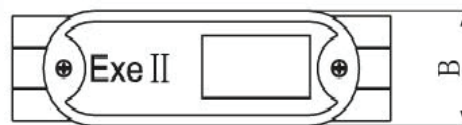
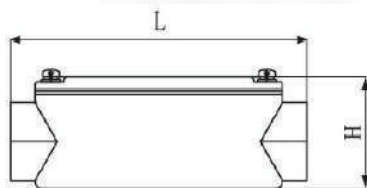
Explosion proof sign	Degree of protection	Anti corrosion grade
Ex eb II C Gb / Ex tb III C T80°C Db	IP66	WF1 / WF2

HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG C - CONDUIT BODIES C TYPE FOR IMC, RSC/RIGID CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT C/W COVER & PVC GASKET)



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	L (mm)	B (mm)	H (mm)
LCAEX012	LCSN012	LCRI012	1/2	110.0	33.0	44
LCAEX034	LCSN034	LCRI034	3/4	130.0	38.0	48
LCAEX100	LCSN100	LCRI100	1	155.0	45.0	54
LCAEX114	LCSN114	LCRI114	1 1/4	188.0	58.0	68
LCAEX112	LCSN112	LCRI112	1 1/2	200.0	60.0	78
LCAEX200	LCSN200	LCRI200	2	248.0	76.0	96
LCAEX212	LCSN212	LCRI212	2 1/2	250.0	94.0	116
LCAEX300	LCSN300	LCRI300	3	260.0	108.0	128
LCAEX400	LCSN400	LCRI400	4	300.0	120.0	135

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG LB - CONDUIT BODIES LB TYPE FOR IMC, RSC/RIGID CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT C/W COVER & PVC GASKET



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)

• **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	L (mm)	B (mm)	H (mm)
LBAEX012	LBSN012	LBRI012	1/2	101.0	33.0	59
LBAEX034	LBSN034	LBRI034	3/4	121.0	38.0	65
LBAEX100	LBSN100	LBRI100	1	141.0	45.0	77
LBAEX114	LBSN114	LBRI114	1 1/4	170.0	58.0	88
LBAEX112	LBSN112	LBRI112	1 1/2	182.0	60.0	98
LBAEX200	LBSN200	LBRI200	2	228.0	76.0	116
LBAEX212	LBSN212	LBRI212	2 1/2	240.0	94.0	136
LBAEX300	LBSN300	LBRI300	3	243.0	108.0	151
LBAEX400	LBSN400	LBRI400	4	275.0	120.0	160

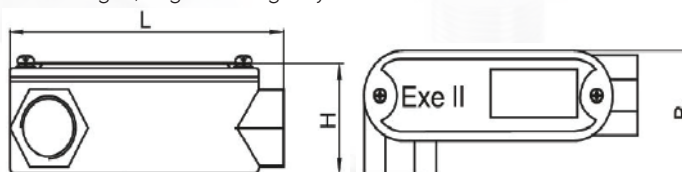
HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG LR - CONDUIT BODIES LR TYPE FOR IMC, RSC/RIGID CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT C/W COVER & PVC GASKET



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)

• **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	L (mm)	B (mm)	H (mm)
LRAEX012	LRSN012	LRRI012	1/2	101.0	50	44
LRAEX034	LRSN034	LRRI034	3/4	121.0	55	48
LRAEX100	LRSN100	LRRI100	1	141.0	67	54
LRAEX114	LRSN114	LRRI114	1 1/4	170.0	78	68
LRAEX112	LRSN112	LRRI112	1 1/2	182.0	80	78
LRAEX200	LRSN200	LRRI200	2	228.0	96	96
LRAEX212	LRSN212	LRRI212	2 1/2	240.0	114.0	116
LRAEX300	LRSN300	LRRI300	3	243.0	131.0	128
LRAEX400	LRSN400	LRRI400	4	275.0	145.0	135

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

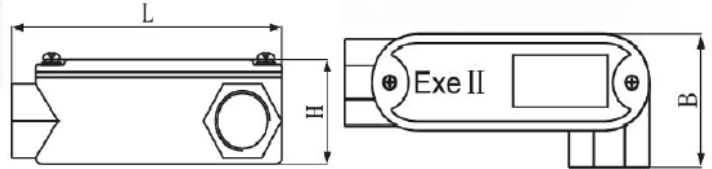
HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG LL - CONDUIT BODIES LL TYPE FOR IMC, RSC/RIGID CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT C/W COVER & PVC GASKET)



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)

• **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	L (mm)	B (mm)	H (mm)
LLAEX012	LLSN012	LLRI012	1/2	101.0	50	44
LLAEX034	LLSN034	LLRI034	3/4	121.0	55	48
LLAEX100	LLSN100	LLRI100	1	141.0	67	54
LLAEX114	LLSN114	LLRI114	1 1/4	170.0	78	68
LLAEX112	LLSN112	LLRI112	1 1/2	182.0	80	78
LLAEX200	LLSN200	LLRI200	2	228.0	96	96
LLAEX212	LLSN212	LLRI212	2 1/2	240.0	114.0	116
LLAEX300	LLSN300	LLRI300	3	243.0	131.0	128
LLAEX400	LLSN400	LLRI400	4	275.0	145.0	135

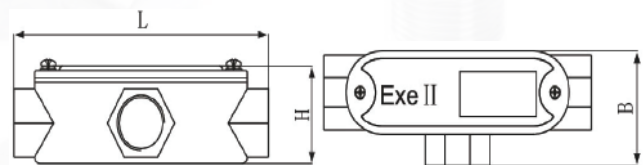
HỘP NỐI ỐNG THÉP REN IMC/RSC DẠNG T - CONDUIT BODIES T TYPE FOR IMC, RSC/RIGID CONDUIT BODIES FOR IMC/RSC CONDUIT C/W COVER & PVC GASKET)



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)

• **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Kích thước Size (inch)	L (mm)	B (mm)	H (mm)
LTAEX012	LTSN012	LTRI012	1/2	110.0	50	44
LTAEX034	LTSN034	LTRI034	3/4	130.0	55	48
LTAEX100	LTSN100	LTRI100	1	155.0	67	54
LTAEX114	LTSN114	LTRI114	1 1/4	188.0	78	68
LTAEX112	LTSN112	LTRI112	1 1/2	200.0	80	78
LTAEX200	LTSN200	LTRI200	2	248.0	96	96
LTAEX212	LTSN212	LTRI212	2 1/2	250.0	114.0	116
LTAEX300	LTSN300	LTRI300	3	260.0	131.0	128
LTAEX400	LTSN400	LTRI400	4	300.0	145.0	135

Chú ý/Note: Độ dày lớp mạ kẽm cho phụ kiện mạ kẽm nhúng nóng Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4) chiều dày lớp phủ cục bộ ≥ 35 micron (Mạ quay ly tâm)

HỘP NỐI 3 NGẢ REN DÙNG CHO ỐNG IMC/RSC CHỐNG CHÁY NỔ - NƯỚC/ CIRCULAR SURFACE BOX 3 OUTLET/RSC-EXPLOSION RESISTANT ACCESSORIES MALLEABLE CAST IRON + HOT - DIP GALVANIZED



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Size (inch)
HAEX3012	HSEX3012	HIEX3012	1/2
HAEX3034	HSEX3034	HIEX3034	3/4
HAEX3100	HSEX3100	HIEX3100	1
HAEX3114	HSEX3114	HIEX3114	1 1/4
HAEX3112	HSEX3112	HIEX3112	1 1/2
HAEX3200	HSEX3200	HIEX3200	2

HỘP NỐI 4 NGẢ REN DÙNG CHO ỐNG IMC/RSC CHỐNG CHÁY NỔ - NƯỚC/ CIRCULAR SURFACE BOX 4 OUTLET/RSC-EXPLOSION RESISTANT ACCESSORIES MALLEABLE CAST IRON + HOT - DIP GALVANIZED



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Inox 304 (Stainless steel 304)	Size (inch)
HAEX4012	HSEX4012	HIEX4012	1/2
HAEX4034	HSEX4034	HIEX4034	3/4
HAEX4100	HSEX4100	HIEX4100	1
HAEX4114	HSEX4114	HIEX4114	1 1/4
HAEX4112	HSEX4112	HIEX4112	1 1/2
HAEX4200	HSEX4200	HIEX4200	2

CO Y CHỐNG CHÁY NỔ IMC/RSC - EXPLOSION PROOF TYPE SEALING FITTINGS



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4),
Inox 304 (Stainless steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications
Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)	Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)	Size (inch)
YAEX012	YSEX012	1/2
YAEX034	YSEX034	3/4
YAEX100	YSEX100	1
YAEX114	YSEX114	1 1/4
YAEX112	YSEX112	1 1/2
YAEX200	YSEX200	2
YAEX212	YSEX212	2 1/2
YAEX300	YSEX300	3
YAEX400	YSEX400	4

ĐẦU BỊT CHO HỘP NỐI KÍN NƯỚC PLUG



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Hợp kim nhôm (Aluminum alloy)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn
ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code	Kích thước Size (inch)
HDDBI012	1/2
HDDBI034	3/4
HDDBI100	1
HDDBI114	1 1/4
HDDBI112	1 1/2
HDDBI200	2
HDDBI212	2 1/2
HDDBI300	3
HDDBI400	4

ĐẦU BỊT THOÁT NƯỚC CHO HỘP NỐI TRÒN (LOẠI CHỐNG NƯỚC) / DRAINAGE PLUG



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Inox 304 (304 Stainless steel)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn
ongdienchongchay.com

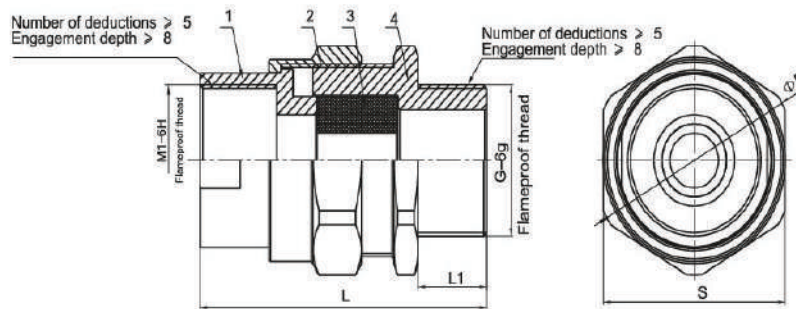
Mã sản phẩm - Product code	Kích thước Size (inch)
HDDBI012	1/2
HDDBI034	3/4
HDDBI100	1
HDDBI114	1 1/4
HDDBI112	1 1/2
HDDBI200	2
HDDBI212	2 1/2
HDDBI300	3
HDDBI400	4

ĐẦU NỐI CHỐNG NỔ EXPLOSION PROOF CONNECTOR



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** ANSI/ NEMA FB 1
- **Vật liệu (Material):** Stainless steel 304, Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng - Class 4 (Hot - dip galvanized steel - Class 4)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



1. Threaded joint
2. Compression nut
3. Sealing ring
4. Connector body

It is made of high-quality carbon steel, brass or stainless steel. The mechanical cable clamping device has strong waterproof performance. The inlet end has a threaded connection port for the introduction of unarmored cables.

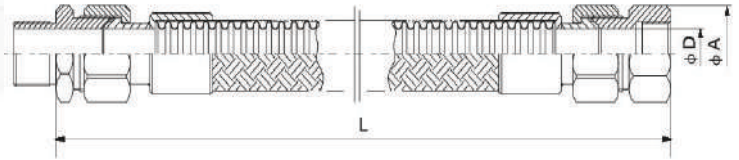
Pecifications (D)			Applicable cable sealing range (Ø)	Thread length (mm)	Length (L) (mm)	Opposite side /maximum outer diameter S(Ø)	Explosion proof sign	Degree of protection
Imperial	American	Metric						
G 1/2	NPT 1/2	M20 x 1.5	8-10	15	65	34/37	Ex db II C Gb / Ex eb II C Gb / Ex tb III C T80°C Db	IP66
G 3/4	NPT 3/4	M25 x 1.5	9-14	15	65	38/42		
G 1	NPT 1	M32 x 1.5	12-20	17	71	45/50		
G 1 1/4	NPT 1 1/4	M40 x 1.5	14-23	17	77	55/61		
G 1 1/2	NPT 1 1/2	M50 x 1.5	22-28	17	78	65/72		
G 2	NPT 2	M63 x 1.5	25-37	19	84	81/86		
G 2 1/2	NPT 2 1/2	M75 x 1.5	33-50	24	105	98/106		
G3	NPT 3	M90 x 1.5	47-63	26	111	113/119		
G4	NPT 4	M115 x 1.5	62-81	28	123	136/140		

ỐNG NỐI LINH HOẠT CHỐNG NỔ EXPLOSION PROOF FLEXIBLE CONNECTING PIPE



Thông tin sản phẩm / Production informations

- Mã sản phẩm (code): NGD
- Nhân hiệu (Brand name): Cơ điện Hải Dương
- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Tiêu chuẩn (Standard): ANSI/ NEMA FB 1
- Vật liệu (Material): Inox 304 (304 Stainless steel) , PVC
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Model	Pipe Diameter (mm)	Inner diameter of pipe (D) (mm)	Thread size			Length (L) (mm)	Maximum diameter of pipe (A) (mm)	Min. Bending Radius (mm)
			Imperial	American	Metric			
NGD15x700	13	13	G1/2	NPT1/2	M20x1.5	700	28	80
NGD15x1000	13	13	G1/2	NPT1/2	M20x1.5	1000	28	80
NGD20x700	20	17	G3/4	NPT3/4	M25x1.5	700	34	110
NGD20x1000	20	17	G3/4	NPT3/4	M25x1.5	1000	34	110
NGD25x700	25	21	G1	NPT1	M32x1.5	700	40	145
NGD25x1000	25	21	G1	NPT1	M32x1.5	1000	40	145
NGD32x700	32	26	G1 1/4	NPT1 1/4	M40x1.5	700	48	180
NGD32x1000	32	26	G1 1/4	NPT1 1/4	M40x1.5	1000	48	180
NGD40x700	40	30	G1 1/2	NPT1 1/2	M50x1.5	700	55	210
NGD40x1000	40	30	G1 1/2	NPT1 1/2	M50x1.5	1000	55	210
NGD50x700	50	42	G2	NPT2	M63x1.5	700	65	250
NGD50x1000	50	42	G2	NPT2	M63x1.5	1000	65	250
NGD70x700	60	47	G2 1/2	NPT2 1/2	M75x1.5	700	90	350
NGD70x1000	60	47	G2 1/2	NPT2 1/2	M75x1.5	1000	90	350
NGD80x700	80	72	G3	NPT3	M90x1.5	700	115	400
NGD80x1000	80	72	G3	NPT3	M90x1.5	1000	115	400
NGD100x700	100	85	G4	NPT4	M110x1.5	700	145	500
NGD100x1000	100	85	G4	NPT4	M110x1.5	1000	145	500

Phạm vi ứng dụng / Scope of application

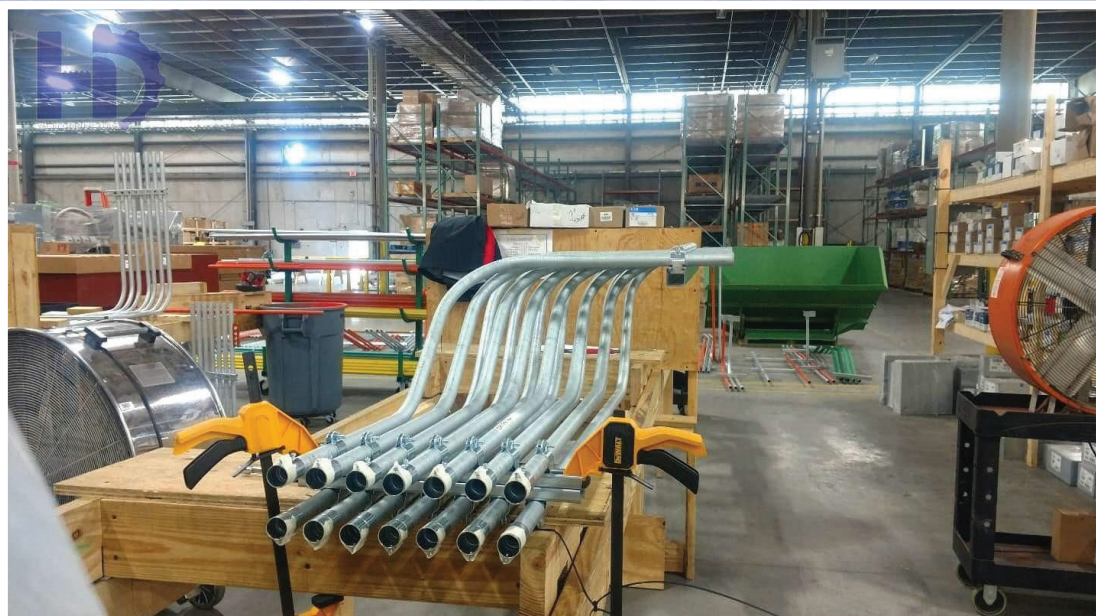
- Áp dụng cho những nơi trong Zone 1 và Zone 2 của môi trường khí nổ/ It is applicable to the places in Zone 1 and Zone 2 of explosive gas environment.
- Áp dụng cho những nơi trong Zone 21 và 22 của môi trường bụi dễ cháy;/ It is applicable to the places in Zone 21 and 22 of combustible dust environment.
- Thích hợp cho môi trường khí nổ IIA, IIB và IIC/ Suitable for IIA, IIB and IIC explosive gas environment.
- Áp dụng cho nhóm nhiệt độ T1-T6/ Applicable to T1-T6 temperature group.
- Áp dụng cho các môi trường nguy hiểm như khai thác dầu, lọc dầu, công nghiệp hóa chất, công nghiệp quân sự, giàn khoan dầu ngoài khơi, tàu chở dầu, chế biến kim loại, vv. khi kết nối và thay đổi hướng quay của hệ thống dây ống thép. / It is applicable to dangerous environments such as oil exploitation, oil refining, chemical industry, military industry, offshore oil platforms, oil tankers, metal processing, etc. as the connection and turning direction change of steel pipe wiring.

Tính năng của sản phẩm

- Nó có những ưu điểm về khả năng chống nhuộm, chống ăn mòn, chống nước, chống lão hóa, độ linh hoạt tốt, cấu trúc chắc chắn, hoạt động đáng tin cậy / It has the advantages of dye resistance, corrosion resistance, water resistance, aging resistance, good flexibility, firm structure, reliable operation, etc.
- Các thông số kỹ thuật ren có thể được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, chẳng hạn như NPT, ren hệ mét/ Thread specifications can be made according to customer requirements, such as NPT, metric thread.
- Nó có những ưu điểm về khả năng chống dầu, chống axit, chống ăn mòn, chống mài mòn, chống lão hóa, chống thấm nước, chống cháy, độ linh hoạt tốt/ It has the advantages of oil resistance, acid resistance, corrosion resistance, wear resistance, aging resistance, waterproof, flame retardant, good flexibility.
- Chiều dài của ống mềm có thể được xử lý đặc biệt theo yêu cầu của người dùng/ The length of flexible pipe can be specially processed according to user requirements.

VII. THANH CHỐNG ĐA NĂNG VÀ PHỤ KIỆN

UNISTRUT, C - CHANNEL & FITTINGS

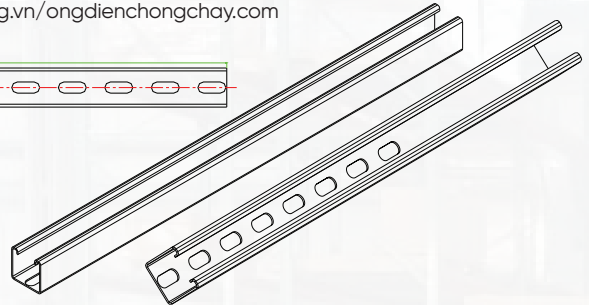
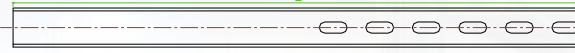


THANH CHỐNG ĐA NĂNG UNISTRUT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Tiêu chuẩn (Standard):** BS 6946
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.5mm, 2.0mm, 2.3mm, 2.5mm
- **Chiều dài (Length):** 3000mm, 6000mm (cắt theo yêu cầu)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code				Kích thước (mm)
Mạ kẽm điện phân (Không đột lỗ)	Mạ kẽm điện phân (Đột lỗ đáy)	Mạ kẽm nhúng nóng (Không đột lỗ)	Mạ kẽm nhúng nóng (Đột lỗ đáy)	
UC41411.5	UCL41411.5	UCN41411.5	UCLN41411.5	41x41x1.5mm
UC41412.0	UCL41412.0	UCN41412.0	UCLN41412.0	41x41x2.0mm
UC41412.3	UCL41412.3	UCN41412.3	UCLN41412.3	41x41x2.3mm
UC41412.5	UCL41412.5	UCN41412.5	UCLN41412.5	41x21x2.5mm
UC41211.5	UCL41211.5	UCN41211.5	UCLN41211.5	41x21x1.5mm
UC41212.0	UCL41212.0	UCN41212.0	UCLN41212.0	41x21x2.0mm
UC41212.3	UCL41212.3	UCN41212.3	UCLN41212.3	41x21x2.3mm
UC41212.5	UCL41212.5	UCN41212.5	UCLN41212.5	41x21x2.5mm

BẢNG TẢI TRỌNG TỐI ĐA CỦA THANH CHỐNG ĐA NĂNG UNISTRUT 41x41x2.5/ 41x21x2.5

BEAM LOADING DATA

Span (mm)		600	900	1200	1500	1800	2100	2400	2700	3000	3600	4200	4800	5400	6000
1. Max allowable uniform load (kN)	UC41212.5	2.7	1.8	1.9	1.1	0.9	0.8	0.7	0.6	0.5	-	-	-	-	-
	UCL41212.5	7.6	5.1	3.8	3	2.5	2.2	1.9	1.7	1.5	-	-	-	-	-
	UC41412.5	7.6	5	3.8	3	2.5	2.1	1.9	1.7	1.5	1.2	1.2	0.9	0.8	0.8
	UCL41412.5	14.5	14.5	10.9	8.7	7.2	6.2	5.4	4.8	4.3	3.6	3.6	2.8	2.4	2.1
2. Deflection at uniform load (kN)	UC41212.5	7	10	14	20	26	35	44	54	61					
	UCL41212.5	3	5	7	10	13	17	22	27	32					
	UC41412.5	5	7	9	12	16	20	25	31	37	50	50	86	107	146
	UCL41412.5	3	4	5	7	9	10	14	17	21	29	29	51	64	76
3. Uniform load at SPAN/200 Deflection (kN)	UC41212.5	2.7	1.5	0.8	0.5	0.4	0.3	0.2	0.2	0.1					
	UCL41212.5	7.6	5.1	3.8	2.6	1.8	1.4	1	0.8	0.7					
	UC41412.5	7.6	7.6	4.2	2.7	1.9	1.4	1.1	0.8	0.7	0.5	0.5	0.3	0.2	0.2
	UCL41412.5	14.5	14.5	10.9	8.7	7.2	6.2	5.3	4.2	3.4	2.4	2.4	1.3	1.1	0.9

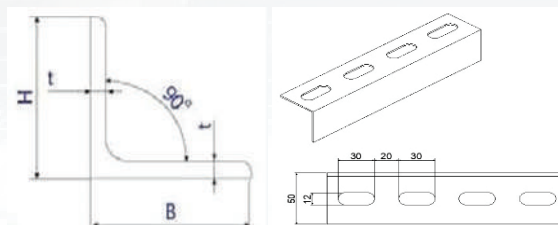
BEAM LOADING DATA

UNBRACED HEIGHT (mm)		600	900	1200	1500	1800	2100	2400	2700	3000
Max allowable lateral load (kN)	UC41212.5	9.7	8	6.2	4.8	3.8	-	-	-	-
	UCL41212.5	18.3	17	15.4	13.7	10	-	-	-	-
	UC41412.5	15.1	13.3	11.4	9.9	8.8	7.8	7	6.4	5.7
	UCL41412.5	28.3	27.5	26.6	25.3	23.8	22.1	20.1	17.9	16.1

THÉP GÓC ANGLE STEEL

Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- Chiều dài (Length): 3000mm, 6000mm (cắt theo yêu cầu)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm (Product Code)		Chiều cao H (mm)	Chiều ngang B (mm)	Độ dày t (mm)	Chiều dài L (mm)
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)				
HDV05003	HDNV05003	50	50	3	3000/6000
HDV05004	HDNV05004	50	50	4	3000/6000
HDV05005	HDNV05005	50	50	5	3000/6000
HDV06005	HDNV06005	60	60	5	3000/6000
HDV06304	HDNV06304	63	63	4	3000/6000
HDV06305	HDNV06305	63	63	5	3000/6000
HDV06306	HDNV06306	63	63	6	3000/6000
HDV06506	HDNV06506	65	65	6	3000/6000
HDV07005	HDNV07005	70	70	5	3000/6000
HDV07006	HDNV07006	70	70	6	3000/6000
HDV07506	HDNV07506	75	75	6	3000/6000
HDV07508	HDNV07508	75	75	8	3000/6000
HDV08006	HDNV08006	80	80	6	3000/6000
HDV08007	HDNV08007	80	80	7	3000/6000
HDV08008	HDNV08007	80	80	8	3000/6000
HDV09008	HDNV09008	90	90	8	3000/6000
HDV10007	HDVN10007	100	100	7	3000/6000
HDV10008	HDVN10008	700	700	8	3000/6000
HDV10010	HDVN10010	700	700	10	3000/6000
HDV10012	HDVN10012	700	700	12	3000/6000
HDV12008	HDVN12008	120	120	8	3000/6000

* Sản xuất theo thông số kỹ thuật yêu cầu/ produced according to required specifications

THÉP U CHANNEL SECTION

Thông tin sản phẩm/ Production informations

- Xuất xứ (Origin): Việt Nam
- Vật liệu (Material): Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- Chiều dài (Length): 3000mm, 6000mm (cắt theo yêu cầu)
- Tải catalogue từ website: www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm (Product Code)		Chiều cao H (mm)	Chiều ngang B (mm)	Độ dày t (mm)	Chiều dài L (mm)
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)				
HDU0502028	HDUN0502028	50	20	2.8	3000/6000
HDU0803930	HDUN0803930	80	39	3	3000/6000
HDU1004534	HDUN1004534	100	45	3.4	3000/6000
HDU1205039	HDUN1205039	120	50	3.9	3000/6000
HDU1405550	HDUN1405550	140	55	5	3000/6000
HDU1507365	HDUN1507365	150	73	6.5	3000/6000
HDU1600552	HDUN1600552	160	56	5.2	3000/6000
HDU1807351	HDUN1807351	180	73	5.1	3000/6000
HDU2006954	HDUN2006954	200	69	5.4	3000/6000
HDU2007590	HDUN2007590	200	75	9	3000/6000
HDU2007652	HDUN2007652	200	76	5.2	3000/6000

* Sản xuất theo thông số kỹ thuật yêu cầu/ produced according to required specifications

VIII. PHỤ KIỆN CHO THANH CHỐNG ĐA NĂNG

ACCESSORIES FOR UNISTRUT BARS

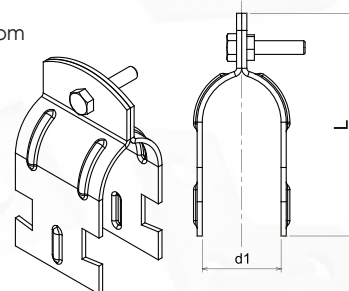


KẸP SK CHO THANH CHỐNG ĐA NĂNG VÀ ỐNG REN IMC/RSC/BS4568/BS31/JIS C8305/JDG/SC/KBG SK CLAMP FOR C CHANNEL & IMC/RSC/ BS4568/ BS31/ JIS C8305/ JDG/ SC/ KBG



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) + Bolt Sus 304
Inox 304 (Stainless steel SUS 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



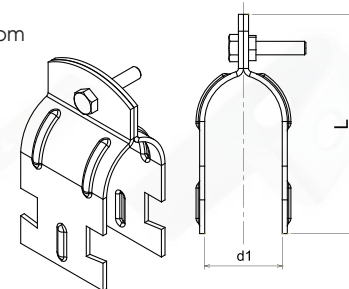
Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Inox 304 (Stainless steel SUS 304)	Kích thước Size (inch-mm)	W (mm)	d (mm)	d1 (mm)
SKI012	SKIN012	SKII012	1/2 (20)	33.9	19-21	19-21
SKI034	SKIN034	SKII034	3/4 (25)	33.9	25-27	25-27
SKI100	SKIN100	SKII100	1 (32)	33.9	31-34	31-34
SKI114	SKIN114	SKII114	1 1/4 (40)	33.9	49-42	39-42
SKI112	SKIN112	SKII112	1 1/2 (50)	33.9	47-50	47-50
SKI200	SKIN200	SKII200	2 (60)	33.9	59-61	59-61
SKE212	SKEN212	SKEI212	2 1/2 (76)	33.9	72-74	72-74
SKE300	SKEN300	SKEI300	3 (90)	33.9	88-90	88-90
SKE400	SKEN400	SKEI400	4 (114)	33.9	113-115	113-115

KẸP SK CHO THANH CHỐNG ĐA NĂNG VÀ ỐNG TRƠN EMT SK CLAMP FOR C CHANNEL & EMT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) + Bolt Sus 304
Inox 304 (Stainless steel SUS 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Inox 304 (Stainless steel SUS 304)	Kích thước Size (inch)	W (mm)	d (mm)	d1 (mm)
SKE012	SKEN012	SKEI012	1/2	33.9	17.20	17-79
SKE034	SKEN034	SKEI034	3/4	33.9	23.00	23-24.5
SKE100	SKEN100	SKEI100	1	33.9	28.90	29-30.5
SKE114	SKEN114	SKEI114	1 1/4	33.9	38.00	38-39.5
SKE112	SKEN112	SKEI112	1 1/2	33.9	43.80	43.8-45
SKE200	SKEN200	SKEI200	2	33.9	54.60	54.6-56
SKE212	SKEN212	SKEI212	2 1/2	33.9	72.00	72-74
SKE300	SKEN300	SKEI300	3	33.9	87.40	88-90
SKE400	SKEN400	SKEI400	4	33.9	112.20	112.2-115

ĐẦU GÀ LÒ XO DÙNG CHO THANH CHỐNG ĐA NĂNG LONG SPRING NUT



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel) + Bolt Sus 304
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code			Thông số kỹ thuật - Specifications
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Inox 304 (stainless steel 304)	Size (inch)
GLX6	GLXN6	GLXI6	M6
GLX8	GLXN8	GLXI8	M8
GLX10	GLXN10	GLXI10	M10
GLX12	GLXN12	GLXI12	M12

ĐẦU BỊT THANH CHỐNG ĐA NĂNG UNISTRUT BAR END CAP



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** PVC
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications
Màu đen (Black)	Màu xám (Grey)	Size (inch)
HDKU4141	HDKUX4141	41x41
HDKU4121	HDKUX4121	41x21

ĐỆM VUÔNG CHO THANH CHỐNG ĐA NĂNG SQUARE WASHER



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 3.0mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)
HDUV8	HDUVN8	41x41 M8
HDUV10	HDUVN10	41x41 M10
HDUV12	HDUVN12	41x41 M12
HDUV14	HDUVN14	41x41 M14

KẸP XÀ GỖ VÀ THANH CHỐNG ĐA NĂNG 41 BEAM CLAMP



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 3.0mm, 5.0mm



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm

Mã sản phẩm - Product code		Kích thước lỗ Size mm
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	
HDKC41	HDKCN41	Hole 14

Mã sản phẩm - Product code		Kích thước lỗ Size mm
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	
HD2072A	HD2072AN	152x152, Hole 14

IX. PHỤ KIỆN TREO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN

SUPPORT SYSTEMS AND HANGER

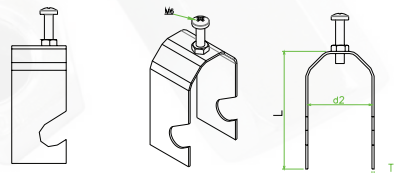


KẸP ỐNG THÉP LUỖN DÂY ĐIỆN VÀ TY REN CONDUIT CLAMP WITH THREAD ROD



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương Việt Nam
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm, 1.4mm, 1.6mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications			
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Kích thước Size (inch)	d (mm)	d1 (mm)	H (mm)
HDKTY012	HDKTYN012	1/2	21.00	11.00	50.40
HDKTY034	HDKTYN034	3/4	27.10	11.00	55.20
HDKTY100	HDKTYN100	1	33.00	11.00	59.50
HDKTY114	HDKTYN114	1 1/4	42.20	11.00	67.30
HDKTY112	HDKTYN112	1 1/2	48.60	11.00	73.90
HDKTY200	HDKTYN200	2	60.40	11.00	84.60

KẸP ỐNG THÉP LUỖN DÂY ĐIỆN VÀ TY REN, KẸP K CONDUIT CLAMP WITH THREAD ROD, CONDUIT CLAMP K TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương Việt Nam
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

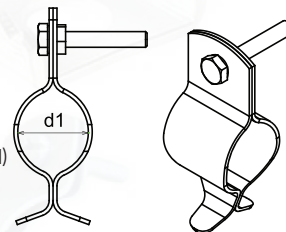
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)
KE012	KEN012	1/2
KE034	KEN034	3/4
KE100	KEN100	1

KẸP GIỮ ỐNG DẠNG CR CHO ỐNG TRƠN EMT CONDUIT CLAMP CR TYPE



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương Việt Nam
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



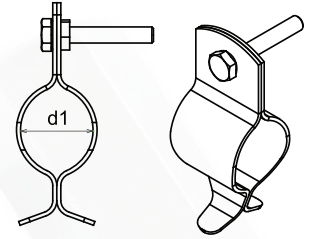
Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications	
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)	d (mm)
HDCRE012	HDCREN012	1/2	17.93
HDCRE034	HDCREN034	3/4	23.42
HDCRE100	HDCREN100	1	29.54
HDCRE114	HDCREN114	1 1/4	38.35
HDCRE112	HDCREN112	1 1/2	44.2
HDCRE200	HDCREN200	2	55.8

KẸP GIỮ ỐNG DẠNG CR CHO ỐNG REN IMC/RSC/ BS4568/ BS31/ JIS C8305/ JDG/ SC/ KBG CONDUIT CLAMP CR TYPE FOR CONDUIT IMC/RSC/ BS4568/ BS31/ JIS C8305/ JDG/ SC/ KBG



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com



Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications	
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)	d (mm)
HDCRI012	HDCRIN012	1/2 (20)	19-21
HDCRI034	HDCRIN034	3/4 (25)	25-27
HDCRI100	HDCRIN100	1 (32)	31-34
HDCRI114	HDCRIN114	1 1/4 (40)	39-42
HDCRI112	HDCRIN112	1 1/2 (50)	47-50
HDCRI200	HDCRIN200	2 (60)	58-61

KẸP TREO ỐNG THÉP LUỒN DÂY ĐIỆN VÀ TY REN CONDUIT CLAMP HANGER



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)
HDKT012	HDKTN012	1/2
HDKT034	HDKTN034	3/4
HDKT100	HDKTN100	1
HDKT114	HDKTN114	1 1/4
HDKT112	HDKTN112	1 1/2
HDKT200	HDKTN200	2

KẸP XÀ GỖ HB2 BEAM CLAMP HB2



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications	
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Kích thước miệng (mm)	d (mm)
K-XGT-25	K-XGTN-25	25	M8, 10, 12, 14, 16
K-XGT-30	K-XGTN-30	30	M8, 10, 12, 14, 16
K-XGT-50	K-XGTN-50	50	M8, 10, 12, 14, 16
K-XGT-70	K-XGTN-70	70	M8, 10, 12, 14, 16
K-XGT-100	K-XGTN-100	100	M8, 10, 12, 14, 16

KẸP XÀ GỖ VÀNG BEAM CLAMP



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications	
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)	d (mm)
K-XGV-25	K-XGVN-25	25	M8, 10, 12

KẸP XÀ GỖ DẠNG C BEAM CLAMP C



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications	
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)	d (mm)
K-XGC-25	K-XGCN-25	25	M8, 10, 12
K-XGC-50	K-XGCN-50	50	M8, 10, 12
K-XGC-70	K-XGCN-70	70	M8, 10, 12
K-XGC-100	K-XGCN-100	100	M8, 10, 12

ĐAI TREO ỔNG CLAMP HANGER



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Độ dày (Thickness):** 1.2mm
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Thông số kỹ thuật - Specifications	
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Size (inch)	d (mm)
HDDT15	HDDTN15	1/2	15
HDDT20	HDDTN20	3/4	20
HDDT25	HDDTN25	1	25
HDDT32	HDDTN32	1 1/4	32
HDDT40	HDDTN40	1 1/2	40
HDDT50	HDDTN50	2	50
HDDT65	HDDTN65	2 1/2	65
HDDT80	HDDTN80	3	80
HDDT100	HDDTN100	4	100
HDDT125	HDDTN125	5	125
HDDT150	HDDTN150	6	150
HDDT65	HDDTN65	2 1/2	65
HDDT80	HDDTN80	3	80
HDDT100	HDDTN100	4	100
HDDT125	HDDTN125	5	125
HDDT150	HDDTN150	6	150
HDDT200	HDDTN200	8	200
HDDT250	HDDTN250	10	250
HDDT300	HDDTN300	12	300

TY REN THREAD ROD



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương Việt Nam
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
Inox 304 (Stainless Steel 304)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code			Kích thước Size (mm)
Thép mạ kẽm (Pre-galvanized steel)	Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)	Inox 304 (SUS 304)	d (mm)
HDTY6	HDTYN6	HDTYS6	M6
HDTY8	HDTYN8	HDTYS8	M8
HDTY10	HDTYN10	HDTYS10	M10
HDTY12	HDTYN12	HDTYS12	M12
HDTY14	HDTYN14	HDTYS14	M14
HDTY16	HDTYN16	HDTYS16	M16

NỐI TY REN LỤC GIÁC, HỘP NỐI TY REN THREAD ROD COUPLING, THREAD ROD COUPLING BOX



Thông tin sản phẩm/ Production informations

- **Nhãn hiệu (Brand name):** Cơ điện Hải Dương Việt Nam
- **Xuất xứ (Origin):** Việt Nam
- **Vật liệu (Material):** Thép mạ kẽm điện phân (Pre - galvanized steel)
Thép mạ kẽm nhúng nóng (Hot dip galvanized steel)
- **Tải catalogue từ website:** www.vattuhaiduong.vn/ongdienchongchay.com

Mã sản phẩm - Product code		Kích thước Size (mm)
Nối lục giác / Thread rod coupling	Hộp nối/ Thread rod coupling box	
HDNT6	HDHNT6	M6
HDNT8	HDHNT8	M8
HDNT10	HDHNT10	M10
HDNT12	HDHNT12	M12
HDNT14	HDHNT14	M14
HDNT16	HDHNT16	M16

X. DỰ ÁN TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS

XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ VINHOME OCEAN PARK 1



CẢI TẠO HỆ THỐNG ĐIỆN NHÀ MÁY THÉP FORMOSA HÀ TĨNH



KHU CĂN HỘ HỒ THIÊN NGÀ – ECOPARK CT21,22



ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ THÍ ĐIỂM TP HÀ NỘI, ĐOẠN NHỒN - GA HÀ NỘI



KHO XĂNG DẦU ANH PHÁT



NHÀ MÁY ĐIỆN RÁC SERAPHIN



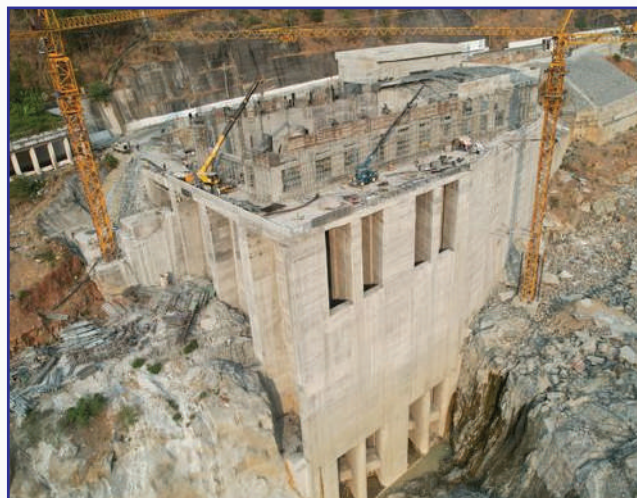
DỰ ÁN TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS

|| NHÀ MÁY SẢN XUẤT Ô TÔ THÀNH CÔNG - VIỆT HƯNG



|| NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ITALY



|| NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG 2



|| NHÀ MÁY LG INNOTEK



|| NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA



|| SUN GRAND CITY TÂY HỒ RESIDENCE



DỰ ÁN TIÊU BIỂU TYPICAL PROJECTS

XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÉP DUNG QUẤT HÒA PHÁT



THỦY ĐIỆN NAM PHẠK



LGEVH - P3/P4, LG ELECTRONICS VIỆT NAM



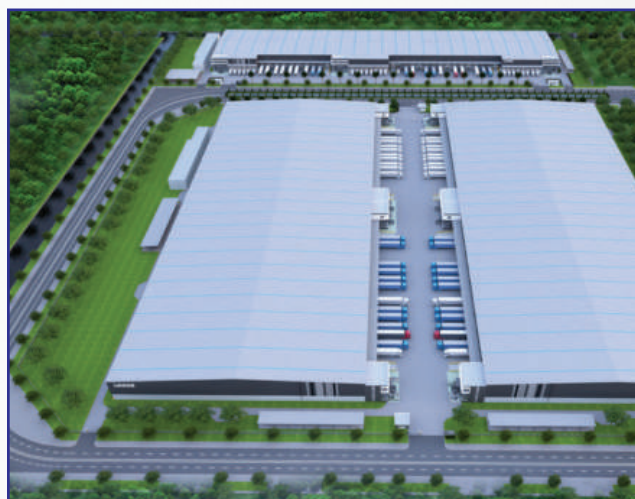
PHÁT TRIỂN TỔ HỢP VĂN PHÒNG, KHÁCH SẠN B3CC1 TẠI STARLAKE CITY TÂY HỒ TÂY



NHÀ MÁY PEPSICO FOODS VIỆT NAM TẠI HÀ NAM



LOGOS HUNG YÊN



DANH SÁCH DỰ ÁN - PROJECT LIST



STT	DỰ ÁN/PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	ĐỊA ĐIỂM/PLACE	NĂM/YEAR
01	Dự án xây dựng khu đô thị Vinhomes Ocean Park 1	Tập đoàn Vingroup	Kiêu Kì, Gia Lâm, Hà Nội	2020
02	Nhà máy Mitsubishi OPC Việt Nam	Công ty TNHH Vina MC Infonic	Khu công nghiệp Thăng Long 3, Vĩnh Phúc	2020
03	Dự án cải tạo hệ thống điện xưởng sơn - Công ty Honda Việt Nam	Công ty TNHH Honda Việt Nam	Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	2020
04	Dự án đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội- Gói thầu số HPLML - CP07	UBND thành phố Hà Nội	Tuyến đường sắt đô thị TP Hà Nội, Nhổn - Ga Hà Nội	2020
05	Dự án đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội- Gói thầu số HPLML - CP02	UBND thành phố Hà Nội	Tuyến đường sắt đô thị TP Hà Nội, Nhổn - Ga Hà Nội	2020
06	Dự án nhà kho foxconn - M1	Công ty TNHH công nghệ chính xác Fuyú	KCN Quang Châu, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2020
07	Dự án showroom ô tô Hyundai Đông Đô	Tập đoàn Thành Công	987 Tam Trinh, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	2020
08	Dự án nhà máy chế tạo thiết bị điện Goertek Việt Nam - Khu G	Công ty TNHH Goertek Vina	KCN Quế Võ 1, Nam Sơn, Quế Võ, Bắc Ninh	2020
09	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô Ford Hải Dương	Ford Việt Nam	QL5, Tứ Minh, Cẩm Giàng, Hải Dương	2020
10	Dự án nhà máy foxconn - Xưởng F7, F8	Công ty TNHH công nghệ chính xác Fuyú	KCN Quang Châu, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2020
11	Dự án cải tạo hệ thống điện TTTM Aeon Long Biên	Công Ty TNHH AEONMALL Việt Nam	Cổ Linh, Long Biên, Hà Nội	2020
12	Dự án xây dựng nhà máy Quisda - Giai đoạn 2	Công ty TNHH Quisda Việt Nam	Cụm KCN Đồng Văn IV, Phủ Lý, Hà Nam	2020
13	Dự án cải tạo hệ thống điện nhà máy thép Formosa Hà Tĩnh	Công ty TNHH thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Khu kinh tế Vũng Áng, Xã Kỳ Long, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	2020
14	Dự án mở rộng nhà máy sản xuất bao bì carton Việt Hưng	Công ty TNHH Bao bì Việt Hưng	Km17 Quốc lộ 5, TT. Như Quỳnh, H. Văn Lâm, Hưng Yên	2020
15	Dự án mở rộng xưởng nhà máy ô tô Vinsfat	Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và kinh doanh VinFast	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố. Hải Phòng	2020
16	Dự án xây dựng tòa nhà Lake Front Resident	Sun Group	58 Xuân Diệu, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Hà Nội	2020
17	Dự án xây dựng nhà xưởng Luxshare ICT	Công ty TNHH Luxshare ICT Việt Nam	KCN Vân Trung, Yên Dũng, Bắc Giang	2020



STT	DỰ ÁN/PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	ĐỊA ĐIỂM/PLACE	NĂM/YEAR
18	Dự án xây dựng nhà máy FCC Việt Nam - Giai đoạn 3	Công Ty TNHH FCC Việt Nam	Lô A5, Khu công nghiệp Thăng Long, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2020
19	Dự án nhà máy điện rác Sóc Sơn	Công ty cổ phần Năng lượng môi trường Thiên Ý Hà Nội	Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	2020
20	Dự án xây dựng nhà máy thép Dung Quất Hòa Phát	Tập đoàn Hòa Phát	Xã Bình Đông, huyện Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi	2020
21	Nhà máy gỗ MDF Dongwha Việt Nam	Công ty TNHH Dongwha Việt Nam	KCN Sông Công 2, Thành Phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên	2020
01	Dự án nhà máy JA Solar - Gia Đoạn 2	Công ty TNHH TNHH JA PV Solar Việt Nam	KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, Bắc Giang	2021
02	Dự án nhà máy Wistron Infocomm Việt Nam- Giai đoạn 1	Công ty Wistron NeWeb Corporation	KCN Đồng Văn III, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	2021
03	Dự án nhà máy Wistron Infocomm Việt Nam- Giai đoạn 2	Công ty Wistron NeWeb Corporation	KCN Đồng Văn III, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	2021
04	Dự án nhà máy sản xuất thiết bị truyền thông không dây - Neweb Việt Nam - Giai đoạn 1	Công ty Wistron NeWeb Corporation	KCN Đồng Văn III, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	2021
05	Dự án xây dựng nhà máy Toto Việt Nam số 4	Công ty TNHH Toto Việt Nam	KCN Thăng Long II, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	2021
06	Dự án nhà máy chế tạo thiết bị điện Goertek Việt Nam - Khu E	Công ty TNHH Goertek Vina	KCN Quế Võ 1, Nam Sơn, Quế Võ, Bắc Ninh	2021
07	Dự án nhà máy điện rác Sóc Sơn	Công ty cổ phần Năng lượng môi trường Thiên Ý Hà Nội	Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	2021
08	Dự án Hyosung Vina Factory	Hyosung Financial System Vina Co., Ltd	Lô CN8-1, KCN Yên Phong 2C, Yên Phong, Bắc Ninh	2021
09	Dự án xây dựng nhà máy Quisda - Giai đoạn 4	Công ty TNHH Quisda Việt Nam	Cụm KCN Đồng Văn IV, Phủ Lý, Hà Nam	2021
10	Dự án xây dựng nhà máy Quisda - Giai đoạn 5	Công ty TNHH Quisda Việt Nam	Cụm KCN Đồng Văn IV, Phủ Lý, Hà Nam	2021
11	Dự án phát triển Gas và các loại hình phụ trợ lọc dầu	Tổng công ty đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát - TCCP	Thôn Nam Yến, xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	2021
12	Dự án xây dựng nhà máy công nghệ chính xác Fuyu	Công ty TNHH công nghệ chính xác Fuyu	KCN Quang Châu, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2021
13	Dự án nhà máy foxconn - Xưởng F12, F13, F16, F17	Công ty TNHH công nghệ chính xác Fuyu	KCN Quang Châu, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2021
14	Tòa F3-CH03 - Vinhomesmart City	Tập đoàn Vingroup	Vinhomes Smarrt City - Tây Mỗ - Nam Từ Liêm - Hà Nội	2021

STT	DỰ ÁN/PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	ĐỊA ĐIỂM/PLACE	NĂM/YEAR
15	Tòa V2 - Vinhomesmart City	Tập đoàn Vingroup	Vinhomes Smartt City - Tây Mỗ - Nam Từ Liêm - Hà Nội	2021
16	Vinhomes Grand Park, Tòa S6.05 Lô A3	Tập đoàn Vingroup	Đường Nguyễn Xiển, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP Hồ Chí Minh	2021
17	Dự án xây dựng nhà máy sơn Mapin Việt Nam	Mapin Viet Nam Co., Ltd	Lô đất CN5.5E, KCN Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Ph. Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	2021
18	Dự án đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội- Gói thầu số HPLML - CP07	UBND thành phố Hà Nội	Tuyến đường sắt đô thị TP Hà Nội, Nhổn - Ga Hà Nội	2021
19	Dự án đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội- Gói thầu số HPLML - CP05	UBND thành phố Hà Nội	Tuyến đường sắt đô thị TP Hà Nội, Nhổn - Ga Hà Nội	2021
20	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất USI tại Việt Nam	Universal Scientific Industrial group	KCN Deep C, Hải Phòng	2021
21	Dự án cải tạo nhà xưởng G1 - nhà máy Goertek Bắc Ninh	Công ty TNHH Goertek Vina	KCN Quế Võ 1, Nam Sơn, Quế Võ, Bắc Ninh	2021
22	Dự án xây dựng nhà máy Hyundai Thành công số 2	Liên doanh tập đoàn Thành công và Hyundai Motor	KCN Gián Khẩu, huyện Gia Viễn, Ninh Bình	2021
23	Nhà Máy pin năng lượng mặt trời Trina Solar Thái Nguyên	Công ty TNHH phát triển năng lượng Trina solar (Thuộc tập đoàn Trinor - Trung Quốc)	KCN Yên Bình, Thái Nguyên	2021
24	Dự án nhà phố thương mại Shophouse Terra An Hưng	Công ty cổ phần đầu tư Văn Phú	Đường Tố Hữu, Quận Hà Đông, Hà Nội	2021
25	Dự án chung cư The matrix One	Công ty cổ phần đầu tư Mai Linh	Phố Lê Quang Đạo, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2021
26	Dự án xây dựng nhà máy Pegatron - Giai đoạn 2	Tập đoàn Pegatron (Đài Loan)	KCN Deep C, Đình Vũ, Hải Phòng	2021
27	Dự án xây dựng nhà máy Pegatron - Giai đoạn 3	Tập đoàn Pegatron (Đài Loan)	KCN Deep C, Đình Vũ, Hải Phòng	2021
28	Dự án mở rộng nhà máy Seoul Semiconductor	Seoul Semiconductor Vina Co., Ltd	KCN Đồng Văn I, Duy Tiên, Hà Nam	2021
29	Dự án nhà máy công nghệ chính xác Goertek Vina	Công ty TNHH Goertek Vina	KCN WHA, Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An	2021
30	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện môi trường Inteco	Công ty TNHH Công nghiệp INTCO Việt Nam (Thuộc tập đoàn Shandong INTCO)	KCN Bím Sơn, Phường Bắc Sơn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	2021
31	Nhà máy xi măng Thành Thắng	Thành Thắng Group	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tỉnh Hà Nam	2021
32	Dự án xây dựng nhà máy Hanyang digitech Vina	Công ty TNHH Hanyang digitech Việt Nam	KCN Phú Hà, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	2021



STT	DỰ ÁN/PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	ĐỊA ĐIỂM/PLACE	NĂM/YEAR
33	Dự án cải tạo hệ thống điện - Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2	Tập đoàn AES (Hoa Kỳ)	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	2021
34	Dự án xây dựng nhà máy tế bào Quang điện - Nhà máy Jinko Solar 2	Công ty TNHH Công nghiệp Jinko Solar Việt Nam	KCN Amata, Xã Sông Khoai, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh	2021
35	Dự án nhà máy JA Solar - Gia Đoạn 3	Công ty TNHH TNHH JA PV Solar Việt Nam	KCN Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, Bắc Giang	2021
01	Dự án nhà máy sản xuất ô tô Thành Công - Việt Hưng	Tập đoàn Thành Công	KCN Việt Hưng, Quảng Ninh	2022
02	Nhà xưởng sản xuất Iphone: Nhà máy Foxconn Bắc Giang	Công ty TNHH Công nghệ Chính xác Fuyu	Nhà xưởng F12 lô F&M Bắc Giang	2022
03	Nhà máy gang thép Hòa Phát - Dung Quất	Tập đoàn Hòa Phát	Bình Đông – Bình Sơn – Quảng Ngãi	2022
04	Dự án JD Property (Vietnam) Logistics Park Hai Phong 1	JD Future Explore V Limited (Hong Kong) – được sở hữu bởi Tập đoàn JD.Com (Trung Quốc)	Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), thuộc Thành phố Hải Phòng	2022
05	Dự án Lotte Mall Hà Nội	Lotte Group	Phường Nhật Tân và Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2022
06	Nhà máy Nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2	Tập đoàn Marubeni (Nhật Bản) và Tập đoàn Điện lực Hàn Quốc (KEPCO)	Xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	2022
07	Dự án nhà máy Jinko Solar Quảng Ninh - Giai đoạn 3	Công ty TNHH công nghiệp Jinko Solar Việt Nam	KCN Amata, Xã Sông Khoai, Thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh	2022
08	Dự án Khu căn hộ Hồ Thiên Nga – Ecopark CT21, 22	Liên doanh Ecopark-Nomura	Khu đô thị Ecopark, Xuân Quan, Văn Giang, Hưng Yên	2022
09	Dự án Chung cư cao tầng CT04 ECOPARK	Công ty cổ phần Tập đoàn Ecopark	Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang, Xuân Quan, Văn Giang, Hưng Yên	2022
10	Hoàng Huy Commerce	Tập đoàn Hoàng Huy	Mặt tiền đường Võ Nguyên Giáp, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, Hải Phòng	2022
11	Dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Phú Thọ	Công ty United Expert Investments Limited	Xã Trạm Thán, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ	2022
01	Nhà máy điện rác Seraphin	Công ty cổ phần Công nghệ Môi trường xanh Seraphin, đơn vị thành viên của Tập đoàn AMACCAO	Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	2023
02	Dự án Wistron Infocomm Việt Nam - Giai đoạn 3	Công ty Wistron Neweb corporation	KCN Đồng Văn III, thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam	2023
03	Dự án nhà máy sản xuất thiết bị truyền thông không dây Neweb Việt Nam - Giai đoạn 2	Công ty Wistron Neweb corporation	KCN Đồng Văn III, thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam	2023
04	Dự Án Nhà Máy Sản Xuất Ô Tô Thành Công - Việt Hưng	Tập Đoàn Thành Công	KCN Việt Hưng, p. Việt Hưng, tp. Hạ Long, Quảng Ninh	2023

STT	DỰ ÁN/PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	ĐỊA ĐIỂM/PLACE	NĂM/YEAR
05	Dự án Amkor Technology Vietnam LLC mở rộng tại KCN Yên Phong 2-C-Bắc Ninh	Amkor Technology Việt Nam	KCN Yên Phong 2-C-Bắc Ninh	2023
06	Dự Án Nhà Máy Sản Xuất Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng - Chi Nhánh Yên Bình Thái Nguyên	Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng - Chi nhánh Yên Bình Thái Nguyên	Khu công nghiệp Yên Bình, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	2023
07	Dự án nhà máy goertek Nam Sơn Bắc Ninh	Công ty TNHH Goertek Vina	KCN Nam Sơn, Hạp Lĩnh, Bắc Ninh	2023
08	Dự án nhà máy Fukang Technology (Bắc Giang)	Foxconn Singapore	Lô I, Khu công nghiệp Quang Châu (huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang)	2023
09	Nhà máy sản xuất khung tranh cao cấp Intco	Công ty TNHH Intco Việt Nam	Lô CN-03, KCN Đông Mai, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	2023
10	Nhà máy luxshare ICT Nghệ An	Công ty TNHH Luxshare-ICT (Nghệ An)	KCN Vsip, Hưng Nguyên, Nghệ An	2023
11	Dự án nhà máy sản xuất màng bọc trong tấm pin quang điện	Công ty TNHH First Global Business	KCN DEEP C, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	2023
12	Dự án Yonz Bắc Giang	Công ty TNHH Đầu tư Yonz Technology Việt Nam	Khu công nghiệp yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang	2023
13	Dự Án Xây Dựng Nhà Máy Sản Xuất Linh Kiện Hệ Thống An Toàn Thụ Động Ô Tô Hmt Hải Phòng	Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới HMT	Khu công nghiệp An Dương, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	2023
14	Dự án sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính (gọi tắt là dự án Quanta)	Tập đoàn Quanta Computer Inc	Khu công nghiệp Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	2023
15	Dự án nhà máy sản xuất phụ kiện gia đình, phòng tắm, đèn chiếu sáng trong nhà, ngoài trời và đồ nội, ngoại thất	Công ty TNHH Be Bright	Tại KCN Tiền Hải, Thái Bình	2023
16	Xây dựng dự án nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh Cell năng lượng mặt trời (VSUN)	Công ty cổ phần Việt Nam Sunergy (VSUN)	Khu công nghiệp (KCN) Cẩm Khê	2023
01	Dự án nhà máy thủy điện Ialy	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	Xã La Kreng, Thị trấn Ialy, Tỉnh Kontum	2024
02	Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	Công ty TNHH nhiệt điện Vũng Áng 2	Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	2024
03	Nhà máy Z121	Nhà máy Z121	Xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	2024
04	Dự án nhà máy LG Innotek	Công ty TNHH LG Innotek Việt Nam Hải Phòng	KCN Tràng Duệ, An Dương, Hải Phòng	2024
05	Dự án cải tạo hệ thống điện nhà máy Formosa Hà Tĩnh	Công ty TNHH thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Khu kinh tế Vũng Áng, xã Kỳ Long, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	2024
06	Dự án nhà máy in tiền quốc gia	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Lô B1 & CX6 KCN công nghệ cao II, Khu công nghệ cao Hòa Lạc	2024



STT	DỰ ÁN/PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	ĐỊA ĐIỂM/PLACE	NĂM/YEAR
07	Dự án nhà máy TCL Moka - Giai đoạn 2	Tập đoàn TCL	KCN Đông Mai, thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh	2024
08	Dự án nhà máy công nghệ chính xác Fulian - Giai đoạn 1	Công ty cổ phần công nghệ chính xác Hồng Hải (Foxconn)	KCN Quang châu, Huyện Việt Yên, Bắc Giang	2024
09	Dự án nhà máy công nghệ chính xác Fulian - Giai đoạn 2	Công ty cổ phần công nghệ chính xác Hồng Hải (Foxconn)	KCN Quang châu, Huyện Việt Yên, Bắc Giang	2024
10	Nhà máy Luxvision Nghệ An	Công ty TNHH KHKT Luxvisions Innovation (Nghệ An)	Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	2024
11	Dự án Fukang Bắc Giang	Foxconn Singapore	KCN Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang	2024
12	Dự án nhà máy oto thành công Việt Hưng	Tập Đoàn Thành Công	KCN Việt Hưng, Quảng Ninh	2024
13	Khu căn hộ Vinhomes Ocean Park 2	Vin Group	Hưng Yên, Việt Nam	2024
14	Vinhomes Grand Park Quận 9	Vinhomes – Thành viên tập đoàn Vingroup	Đường Nguyễn Xiển, Phước Thiện, Phường Long Thạnh Mỹ, Long Bình, Quận 9	2024
15	Dự án TCL Quảng Ninh	Công ty TNHH kỹ thuật điện tử Tonly Việt Nam	KCN Đông Mai, P. Đông Mai, TX. Quảng Yên, Quảng Ninh	2024
16	Dự án Sun Grand City Tây Hồ Residence	Tập đoàn Sun group	Quảng An, Số 58 Quảng Bá, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	2024
17	Dự án Sky Forest Ecopark CT06	Công ty cổ phần tập đoàn Ecopark	Khu đô thị Ecopark, Văn Lâm, Hưng Yên	2024
18	Dự án xây dựng nhà máy thép Dung Quất Hòa Phát	Tập đoàn Hòa Phát	Xã Đông Bình, Huyện Dung Quất, Tỉnh Quảng Ngãi	2024
19	Dự án nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer	Công ty Messer SE & Co. KgaA	Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	2024
20	Dự án thủy điện Nam Phak	Công ty TNHH Chaleun Sekong Energy	Nam Phak tại Lào	2024
21	Dự án nhà máy Radiant Opto-Electronics Việt Nam Nghệ An	Công ty Radiant Opto-Electronics Corporation (Đài Loan)	KCN Vsip Nghệ An	2024
22	Dự án LGEVH - P3/P4	LG Electronics Viet Nam	Lô CN2 KCN Trảng Duệ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng	2024
23	Công trình xây mới nhà xưởng Pegatron Việt Nam giai đoạn 3	Tập đoàn Pegatron	KCN Nam Đình Vũ (thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải), Hải Phòng	2024
24	Dự án phát triển tổ hợp văn phòng, khách sạn B3CC1 tại Starlake City Tây Hồ Tây	Daewoo E & C	Khu đô thị Tây Hồ Tây của Hà Nội	2024

STT	DỰ ÁN/PROJECT	CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	ĐỊA ĐIỂM/PLACE	NĂM/YEAR
25	Nhà máy PepsiCo Foods Việt Nam tại Hà Nam	Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam (PepsiCo Foods Việt Nam)	Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	2024
26	Dự án nhà máy Oman Việt Nam	Công Ty TNHH Nhà Bếp Oman Việt Nam	Lô số 49, Đường Đ.02, KCN Châu Đức, Xã Nghĩa Thành, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2024
27	Dự án nhà máy Biel Crystal Hải Dương	Biel Crystal Private Limited (Singapore)	Khu công nghiệp An Phát 1, Nam Sách, Hải Dương	2024
28	Dự án nhà máy JYT Hà Nam	Công ty TNHH Công nghệ JYT Việt Nam	Khu công nghiệp Thái Hà giai đoạn I, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	2024
29	Dự án Logos Yên Phong IIA	Công ty Cổ phần Logos Việt Nam BN2	Khu công nghiệp Yên Phong II-A, xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	2024
30	Dự án Logos Hưng Yên	Công ty Cổ phần Logos Việt Nam HY1	Khu Công Nghiệp Số 03, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2024
31	Dự án Trung tâm thương mại GO! Hưng Yên	Tập đoàn Central Retail	Số 204 Tô Hiệu, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên (Hưng Yên)	2024
32	Dự án Goertek KCN Nam Sơn	Công ty TNHH công nghệ thông minh Goertek Vina	KCN Nam Sơn – Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	2024
33	Nhà máy sản xuất sản phẩm trang trí công nghệ thân thiện với môi trường giai đoạn 2	Công ty TNHH Công nghiệp INTCO Việt Nam	KCN Bím Sơn, Thanh Hoá	2024
34	Dự án Khách sạn 6 sao FAIRMONT Hà Nội	Tập đoàn GELEX	Số 10 Trần Nguyên Hãn, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2024
35	Dự Án Cooler Master Bắc Ninh	Công ty TNHH Sản xuất Cooler Master Việt Nam	KCN Gia Bình, H Gia Bình, Bắc Ninh	2024
36	Dự Án Makino Hưng Yên	CÔNG TY TNHH MAKINO VIỆT NAM	Lô đất CN7, Khu công nghiệp Yên Mỹ, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	2024
37	Dự Án Micro Commercial Components Việt Nam (MCC Bắc Ninh)	CÔNG TY TNHH MCC VIỆT NAM	KCN Yên Phong II - C, Bắc Ninh, Việt Nam	2024
38	Nhà máy Z131 Thái Nguyên	Công ty TNHH MTV Cơ điện và Vật liệu nổ 31	Xã Bắc Sơn, TP Phổ Yên, Thái Nguyên	2024
39	Nhà máy Z113	Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Hóa chất 13	P Đội Cấn, TP Tuyên Quang	2024
40	Khách sạn WINK	Công ty TNHH Indochina Kajima	Số 135 Điện Biên Phủ, Q Hồng Bàng, Hải Phòng	2024
41	Dự Án Shin Zu Shing	Tập đoàn Shin Zu Shing Đài Bắc	KCN Hòa Phú, Hiệp Hòa, Bắc Giang	2024
42	Tiến Bộ Plaza	Công ty TNHH Một thành viên In Tiến Bộ & Công ty Cổ phần TID	175 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội	2024

HD ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



SAMSUNG



HD TYPICAL PARTNERS



TC GROUP



CƠ ĐIỆN PCCC BÌNH MINH
— UY TÍN TẠO THƯƠNG HIỆU —

LỜI CẢM ƠN / THANK YOU

Trong quá trình phát triển, CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG luôn cố gắng, phấn đấu không mệt mỏi với ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết, gắn bó và bản lĩnh vững vàng để xây dựng nên thương hiệu của mình. Các công trình, dự án Công ty tham gia cung ứng vật tư đã để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp với các Chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn giám sát đối tác và xã hội, đóng góp tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của Đất nước.

Với tầm nhìn và sứ mệnh đặt ra Chúng tôi luôn cố gắng tập trung vào giá trị cốt lõi là chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế, là sự chuyên nghiệp, đoàn kết hợp tác và tinh thần vì cộng đồng, đó chính là động lực phấn đấu để Công ty phát triển bền vững, khẳng định và phát huy hơn nữa thương hiệu.

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG xin gửi đến Quý Cơ quan, đối tác lời cảm ơn sâu sắc vì sự quan tâm và theo dõi dành cho Công ty chúng tôi.

Xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác!

In the process of development, HAI DUONG MECHANICAL MECHANICAL MECHANICAL CO., LTD always tries, strives tirelessly with determination, spirit of solidarity, attachment and steadfast bravery to build its brand... The works and projects that the Company participates in the supply of materials have left many good impressions with investors, contractors, consultants, partners and society, actively contributing to the development. socio-economic of the country.

With our vision and mission, we always try to focus on the core values of quality, progress and economic efficiency, professionalism, cooperation and spirit for the community. is the driving force to strive for the Company to develop sustainably, affirm and further promote the brand.

HAI DUONG MECHANICAL MECHANICAL MECHANICAL CO., LTD would like to send our sincere thanks to your agencies and partners for your attention and follow-up for our company.

Best regards and cooperation!

LIÊN HỆ - CONTACT

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CƠ ĐIỆN HẢI DƯƠNG

Địa chỉ - Văn phòng giao dịch: Số 3, Ngõ 97 đường Gia Thượng,
Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Address - Transaction office: No. 3, Alley 97, Gia Thuong Street,
Thuong Thanh Ward, Long Bien District, Hanoi City

Hotline: 024.66.58.55.44

Email: vattuhaiduong@gmail.com

Website: ongdienchongchay.com - vattuhaiduong.vn